

**DANH MỤC TÀI LIỆU**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>
1.	Chương trình nghị sự
2.	Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ
3.	Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch năm 2020
4.	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020
5.	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020
6.	Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2019 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2020 của HĐQT, BKS
7.	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019
8.	Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2019
9.	Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn
10.	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020
11.	Tờ trình về việc Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn niêm yết chứng khoán
12.	Dự thảo Nghị quyết đại hội

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

**Thời gian:** Ngày 26 tháng 05 năm 2020

**Địa điểm:** Hội trường Nhà máy lọc dầu Dung quất, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

<b>Thời gian</b>	<b>Thời lượng (phút)</b>	<b>Nội dung</b>
08h00 - 8h30	30	Đón tiếp Đại biểu và cổ đông. Cổ đông đăng ký, nhận thẻ biểu quyết.
8h30 – 09h00	30	Thủ tục khai mạc đại hội.
		Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu
		Trình bày báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông
		Giới thiệu Chủ tọa và Ban Thư ký
		Thông qua Chương trình đại hội
		Thông qua Ban kiểm phiếu
		Thông qua Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ
09h00 - 10h30	20	Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch năm 2020
	15	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020
	20	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020
	5	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020
	10	Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2019 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2020 của HĐQT, BKS
	5	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019
	5	Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2019
	5	Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn
	5	Tờ trình về việc Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn niêm yết chứng khoán
10h30 - 11h00	30	Thảo luận và biểu quyết về nội dung các báo cáo, tờ trình
11h00 - 11h15	15	Phát biểu của Đại diện Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
11h15 - 11h25	10	Công bố kết quả biểu quyết
11h25 - 11h40	15	Thông qua biên bản và nghị quyết đại hội
11h40 - 11h50	10	Bế mạc đại hội

Quảng Ngãi, ngày tháng 05 năm 2020

**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

1. Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (sau đây được gọi tắt là Đại hội).
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham gia Đại hội; điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II**  
**ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

**Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội**

Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật.

**Điều 3. Các hình thức tham dự Đại hội**

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**CHƯƠNG III**  
**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền**

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền được quyền tham dự Đại hội, được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các

văn bản pháp luật có liên quan.

2. Tại Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội phải mang theo các giấy tờ sau:

- *Thư mời họp;*
- *Đăng ký kinh doanh (đối với cổ đông tổ chức) và Chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thẻ căn cước hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;*
- *Giấy uỷ quyền (theo mẫu). Đối với cổ đông tổ chức, đại biểu dự họp nếu không phải là người đại diện theo pháp luật phải có giấy uỷ quyền.*

3. Đăng ký dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông: cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, xem tài liệu họp tại website của BSR theo địa chỉ [www.bsr.com.vn](http://www.bsr.com.vn) (*Mục Quan hệ cổ đông/Công bố thông tin*), **01 Thẻ Biểu quyết**, **01 Phiếu biểu quyết**, có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, tổng số lượng phiếu bầu. Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có đóng dấu treo của công ty).

4. Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội trước khi vào phòng họp Đại hội.

5. Cổ đông và đại diện cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua.

6. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Ban Chủ tọa Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự.

7. Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình phiên họp đã thông qua. Những vấn đề đã được phát biểu và giải đáp thì không phát biểu lại tránh trùng lặp. Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền cũng có thể ghi nội dung câu hỏi vào Phiếu thảo luận và chuyển cho thư ký đại hội.

8. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội; Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, chịu sự điều khiển của Chủ tọa và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

#### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông**

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên do Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn chỉ định. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có chức năng kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự Đại hội: Kiểm tra Chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thẻ căn cước hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, Giấy mời, Giấy uỷ quyền (nếu có). Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có nghĩa vụ phát tài liệu phục vụ Đại hội, Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết cho cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

3. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp Thẻ

biểu quyết, Phiếu biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.

#### **Điều 6. Ban Chủ tọa Đại hội**

1. Ban Chủ tọa Đại hội do Đại hội biểu quyết thông qua gồm Chủ tọa và một số ủy viên, có chức năng điều khiển Đại hội.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban Chủ tọa:

- a) Điều hành các hoạt động của phiên họp theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để phiên họp Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
- b) Cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp, giới thiệu để Đại hội bầu Ban kiểm phiếu;
- c) Hướng dẫn việc thảo luận tại phiên họp;
- d) Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- e) Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

4. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

5. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ khi đã được thông qua) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc

b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

#### **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký Đại hội**

1. Ban thư ký Đại hội gồm 01 Trưởng Ban và một số thành viên do Ban Chủ tọa chỉ định.

2. Ban thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa như: ghi chép Biên bản về diễn biến cuộc họp Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội; trình bày trước Đại hội về Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

#### **Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên do đại hội biểu quyết thông qua theo đề nghị của Ban Chủ tọa.

2. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

3. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a. Hướng dẫn cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng thẻ biểu quyết; thực hiện

- việc đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết;
- b. Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội;
  - c. Tổng hợp và báo cáo Ban Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của đại hội;
  - d. Tiến hành tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu thông qua các nội dung trình Đại hội;
  - e. Báo cáo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội;
  - f. Bàn giao biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Thư ký đại hội;
  - g. Cùng Ban Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo đề Đại hội quyết định;
  - h. Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

## **CHƯƠNG IV**

### **TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

#### **Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội**

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất **51%** tổng số phiếu biểu quyết, theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm triệu tập cuộc họp Đại hội. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

#### **Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội và trật tự Đại hội**

1. Đại hội dự kiến diễn ra trong 1/2 ngày.
2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông.
3. Cổ đông khi vào hội trường nơi tổ chức Đại hội phải ngồi đúng khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định và tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
4. Không hút thuốc lá trong hội trường nơi tổ chức Đại hội.
5. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, điện thoại di động phải chuyển sang chế độ im lặng hoặc tắt máy.

#### **Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội**

1. Chương trình và nội dung họp của Đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phần khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.
2. Trường hợp trong quá trình tổ chức cuộc họp nếu Chủ tọa có đề xuất thay đổi chương trình và nội dung họp, các thay đổi phải được Đại hội thông qua.

#### **Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội**

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự

đồng ý của Chủ tọa Đại hội hoặc điền vào Phiếu câu hỏi gửi cho Ban chủ tọa. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông trình bày ý kiến của mình.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút/lần. Nếu quá thời lượng này, chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký Đại hội phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời gian sớm nhất.

### **Điều 13. Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần từng loại được chào bán.
- c. Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh.
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty hoặc các chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của Công ty.
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 14. Cách thức biểu quyết thông qua các nội dung tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận biểu quyết thông qua bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết.

2. Phương thức biểu quyết:

a. Phương thức gọi “**Thẻ biểu quyết**”: Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, mỗi cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì gọi Thẻ biểu quyết lên cao. Phương thức này được dùng để thông qua các nội dung: thông qua Ban Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu, Quy chế tổ chức Đại hội, Biên bản và Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác... trừ biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.

Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số phiếu biểu quyết tán thành, số phiếu biểu quyết không tán thành và số phiếu biểu quyết không có

ý kiến, trường hợp cổ đông không giơ thẻ biểu quyết được coi là không có ý kiến. Với từng vấn đề xin ý kiến biểu quyết, các cổ đông chỉ được giơ thẻ biểu quyết một lần.

b. Phương thức nộp “**Phiếu biểu quyết**”: Mỗi cổ đông và đại diện cổ đông được phát một (01) Phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: *tán thành, không tán thành, không có ý kiến* với từng nội dung biểu quyết. Đại biểu sẽ đánh dấu “X” vào ô mình chọn, sau đó ký và ghi rõ họ tên nộp vào hòm phiếu theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phương thức này được dùng để thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội.

3. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết:

a. Phiếu biểu quyết hợp lệ: là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có đóng dấu treo của BSR, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định và phải có chữ ký của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết: *tán thành, không tán thành, không có ý kiến*.

b. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Phiếu không do BSR phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của BSR trên phiếu), tẩy xóa, cạo sửa, không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông tham dự, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.
- Phiếu ghi thêm nội dung không do Chủ tọa Đại hội yêu cầu;
- Phiếu không đánh dấu “X” vào 01 trong các ô ý kiến (*Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến*) hoặc đánh dấu từ 02 ô trở lên cho cùng một nội dung lấy ý kiến thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ;
- Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 15. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán



thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của Chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

## **CHƯƠNG V**

### **ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

#### **Điều 16. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành**

1. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng thường niên 2020 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 9 Quy chế này, thì việc triệu họp lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp Đại dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất **33%** tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì được triệu tập lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

## **CHƯƠNG VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 17. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này gồm 6 Chương, 17 Điều, được thông qua ngày 26 tháng 05 năm 2020 và có hiệu lực ngay sau khi Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.

3. Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CHỦ TỌA, CHỦ TỊCH HĐQT**

**Nguyễn Văn Hội**

Số: /TTr-BSR

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2020

## TỜ TRÌNH

### Về việc tài liệu, văn kiện trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần  
Lộc hóa dầu Bình Sơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán, Luật Chứng khoán sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1312/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1312/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ tình hình thực tế tại Công ty cổ phần Lộc Hóa dầu Bình Sơn.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (BSR) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của BSR như sau:

1. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (*Chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo*);
2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020: (*Chi tiết như Phụ lục 02 kèm theo*);
3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020 (*Chi tiết như Phụ lục 03 kèm theo*);
4. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020 (*Chi tiết như Phụ lục 04 kèm theo*);
5. Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2019 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2020 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*Chi tiết như Phụ lục 05 kèm theo*);

6. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 (*Chi tiết như Phụ lục 06 kèm theo*);

7. Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 (*Chi tiết như Phụ lục 07 kèm theo*);

8. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (*Chi tiết như Phụ lục 08 kèm theo*);

9. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 (*Chi tiết như Phụ lục 09 kèm theo*);

10. Tờ trình về việc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn niêm yết chứng khoán (*Chi tiết như Phụ lục 10 kèm theo*).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT ;
- BKS;
- Ban TGD;
- Người phụ trách quản trị Công ty;
- Thư ký Công ty;
- Lưu : VT, VPHĐQT, binhvt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**PHỤ LỤC 02**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2019**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

**PHẦN 1 – KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019**

**I. Đánh giá chung**

Năm 2019 là năm khó khăn cho ngành công nghiệp lọc dầu nói chung và Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (BSR) nói riêng. Giá dầu thô, sản phẩm rất bất lợi cho hoạt động lọc dầu dẫn đến hiệu quả SXKD của Công ty bị suy giảm. BSR đã áp dụng triệt để các công cụ quản trị hiện có, tận dụng tối đa những thuận lợi và chủ động đưa ra các giải pháp hiệu quả, kịp thời để ứng phó với những khó khăn ở từng thời điểm, bên cạnh đó kết hợp với những nỗ lực không ngừng của toàn thể CBCNV nên BSR đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.

Một số yếu tố, điều kiện ảnh hưởng cụ thể như sau:

**1. Thuận lợi**

–Nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của Chính phủ/ Bộ ngành và lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

–Nhà máy đạt 23,7 triệu giờ công an toàn, không có tai nạn mất ngày công (LTI), vượt so với KPI năm 2019 (23 triệu giờ).

–Nhà máy vận hành an toàn, liên tục tại công suất trung bình gần 107% công suất thiết kế, cao hơn kế hoạch (103%).

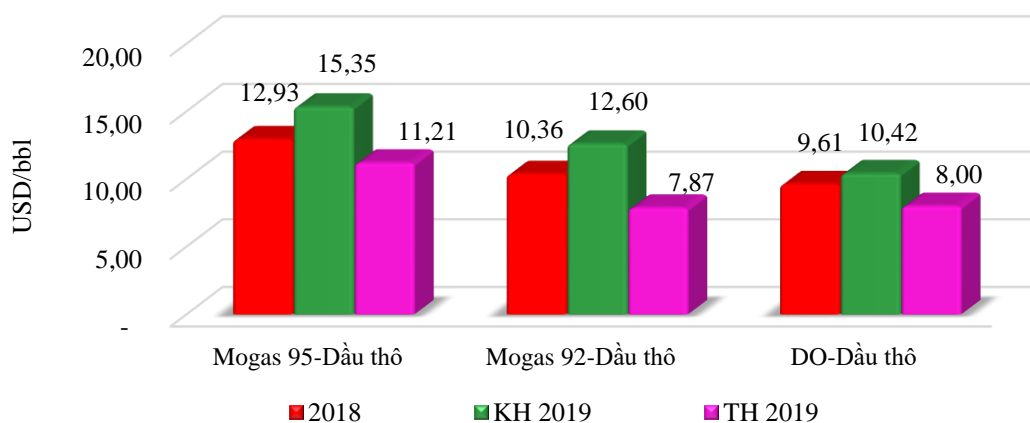
–Đội ngũ lao động lành nghề, tích lũy nhiều kinh nghiệm, tập thể đoàn kết, thống nhất.

**2. Khó khăn**

–Khoảng chênh lệch giá giữa sản phẩm và dầu thô (crack margin) bị thu hẹp rất nhiều so với Kế hoạch ban đầu, đặc biệt giai đoạn 02 tháng đầu năm 2019 và giai đoạn tháng 6/2019, có những thời điểm giá xăng Mogas 95 thấp hơn cả giá dầu thô như ngày 24/1, 29/1 ÷ 01/2/2019, giá xăng Mogas 92 hầu như thấp hơn giá dầu thô hoặc cao hơn không đáng kể trong 02 tháng đầu năm 2019.

–Năm 2019, giá dầu thô và giá sản phẩm biến động bất thường, tăng giảm với biên độ lớn, cụ thể, tháng 6/2019 so với tháng 5/2019, giá dầu thô Dtd Brent giảm 7,02 USD/bbl, giá Mogas 95 giảm 9,67 USD/bbl, Mogas 92 giảm 9,49 USD/bbl, DO 0,05%S giảm 7,84 USD/bbl; tháng 8/2019 so với tháng 7/2019, giá dầu thô Dtd Brent giảm 5,05 USD/bbl, giá Mogas 95 giảm 4,00 USD/bbl, Mogas 92 giảm 4,97 USD/bbl, DO 0,05%S giảm 3,75 USD/bbl. Ngoài ra, từ tháng 4/2019 đến hết tháng 8/2019, giá dầu thô luôn giảm. Điều này dẫn đến hiệu quả SXKD còn bị ảnh hưởng bởi yếu tố tồn kho.

## CHÊNH LỆCH GIÁ DẦU THÔ & SẢN PHẨM NĂM 2018 & 2019

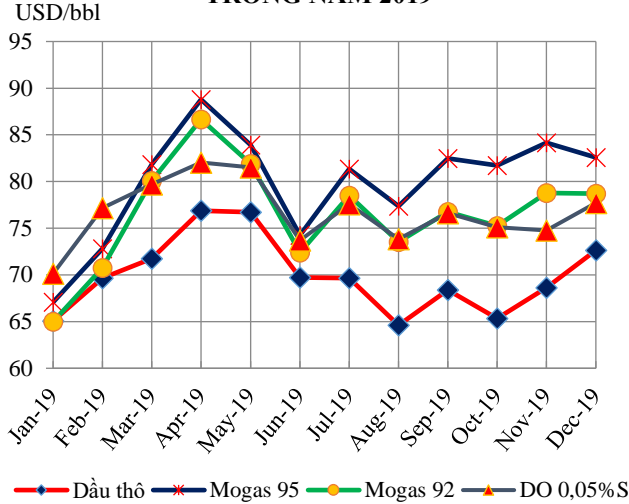


Stt	Nội dung	2018	2019		Chênh lệch	
			KH	TH	TH19 vs. TH18	TH19 vs. KH19
1	Dầu thô	74,56	68,94	68,65	-8%	-0,4%
2	Mogas 95	87,49	84,29	79,86	-9%	-5%
3	Mogas 92	84,92	81,54	76,53	-10%	-6%
4	DO	84,17	79,36	76,66	-9%	-3%
5	Mogas 95-Dầu thô	12,93	15,35	11,21	-13%	-27%
6	Mogas 92-Dầu thô	10,36	12,60	7,87	-24%	-38%
7	DO-Dầu thô	9,61	10,42	8,00	-17%	-23%

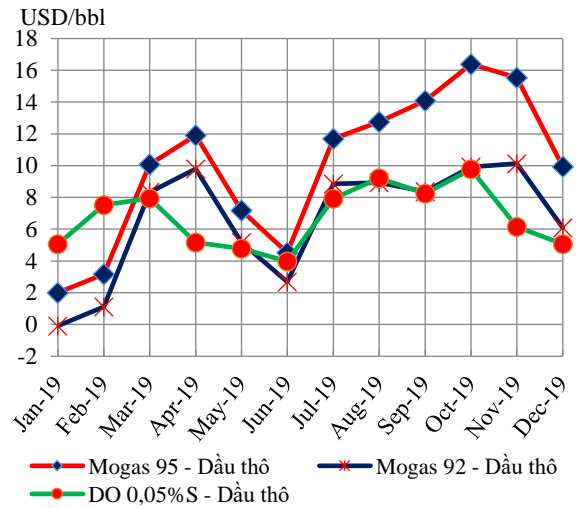
### Ghi chú:

- Giá dầu thô là giá dầu Bạch Hổ được tính trên cơ sở giá dầu Dtd Brent + Premium, chưa tính các chi phí khác.

**DIỄN BIẾN GIÁ DẦU THÔ & SẢN PHẨM TRONG NĂM 2019**



**CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM & DẦU THÔ TRONG NĂM 2019**



## II. Kết quả hoạt động SXKD năm 2019

### 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019		
				Kế hoạch	Thực hiện	So sánh
				(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu sản lượng</b>					
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	7.013.406	6.456.968	6.941.440	107,5%
2	Sản lượng tiêu thụ		6.997.933	6.456.968	6.994.597	108,3%
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)</b>					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	112.635	97.979	103.429	105,6%
2	Nộp NSNN		11.390	9.210	10.321	112,1%
3	Lợi nhuận trước thuế		3.786	3.103	3.054	98,4%
4	Lợi nhuận sau thuế		3.557	2.939	2.873	97,8%
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ</b>					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	112.623	97.783	103.330	105,7%
2	Nộp NSNN		11.386	9.202	10.311	112,1%
3	Lợi nhuận trước thuế		3.836	3.263	3.088	94,6%
4	Lợi nhuận sau thuế		3.611	3.100	2.912	93,9%

So với Kế hoạch SXKD năm 2019, hầu hết các chỉ tiêu về sản lượng và tài chính đều vượt kế hoạch đề ra, đặc biệt chỉ tiêu sản lượng đã về đích trước 26 ngày. Tuy nhiên, do

thị trường dầu mỏ không thuận lợi như đề cập ở trên nên chỉ tiêu lợi nhuận không đạt kế hoạch.

## **2. Công tác an ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ**

Công tác đảm bảo An ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ (ATSKMT) của BSR được đảm bảo với kết quả như sau: Không có sự cố mất an ninh, không có sự cố cháy nổ, không có sự cố môi trường và không có sự cố mất ngày công lao động. Tính đến hết năm 2019, BSR đạt hơn 23,7 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công (LTI), vượt so với KPI năm 2019 (23 triệu giờ). Công việc được triển khai chủ động bám sát kế hoạch, chương trình đề ra. Công tác kiểm tra, giám sát, huấn luyện và quản lý về an toàn, PCCC được thực hiện thường xuyên. Công tác Quan trắc môi trường tiến hành thường xuyên, kiểm soát tốt các nguồn thải và tuân thủ yêu cầu pháp luật hiện hành.

## **3. Công tác vận hành và bảo dưỡng sửa chữa**

### **a) Công tác vận hành**

Trong năm 2019, Nhà máy vận hành an toàn, liên tục tại công suất trung bình gần 107% công suất thiết kế. Công tác thực tập xử lý tình huống khẩn cấp, tầm soát rò rỉ, công tác bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ được tổ chức và thực hiện theo kế hoạch, đảm bảo chất lượng, giữ ổn định Nhà máy, đảm bảo không sự cố ảnh hưởng đến vận hành. Đã hoàn thành mục tiêu cho một số hạng mục quan trọng như:

–Giữ công suất phân xưởng CDU vận hành trung bình gần 107% công suất thiết kế, phân xưởng RFCC vận hành tại 100% công suất, phân xưởng PP vận hành tại 112% công suất thiết kế.

–Chỉ số sẵn sàng vận hành (OA) trong năm 2019 đạt 94,6%.

–Tiếp tục kiểm soát các bất thường công nghệ/thiết bị thông qua nhận diện và kiểm soát các mối nguy có khả năng ảnh hưởng đến an toàn, ổn định vận hành Nhà máy.

### **b) Công tác bảo dưỡng sửa chữa**

Trong năm 2019, Nhà máy đã lập kế hoạch và tổ chức thực hiện 44.700 lượt bảo dưỡng phòng ngừa (PM) và 11.512 lượt sửa chữa (CM) cho khoảng 24.131 thiết bị có trên hệ thống CMMS với tỷ lệ hoàn thành PM = 92%, CM = 85%. Công tác BDSC thường xuyên đã đạt được các chỉ tiêu KPI đề ra. Tỷ lệ PM/CM năm 2019 tương ứng khoảng 80/20, số lượng PM đã được tối ưu và giảm thêm khoảng 2.398 lượt so với năm 2018.

Công tác kiểm tra, kiểm định thiết bị được triển khai và thực hiện tuân thủ nghiêm các quy định của Nhà nước và các hệ thống tiêu chuẩn quốc tế liên quan thông qua hệ thống RBI. Đảm bảo kiểm tra, đo đạc và giám sát liên tục tình trạng kỹ thuật thiết bị. Thu thập số liệu, phân tích và đưa ra các biện pháp ngăn ngừa trong suốt quá trình vận hành Nhà máy.

## **4. Kết quả tối ưu hóa sản xuất, tiết giảm chi phí SXKD**

### **a) Tối ưu hóa công nghệ & đa dạng hóa sản phẩm**

Trong năm 2019, BSR tiếp tục thực hiện công tác tối ưu hóa vận hành, nâng cao công suất vận hành của Nhà máy, tiết giảm chi phí vận hành, đa dạng hóa sản phẩm, tìm kiếm/chế

biên thử nghiệm/chế biến thương mại các loại dầu thô mới, dầu thô có tiềm năng, tối ưu hóa tăng cường sản xuất xăng RON 95 đáp ứng nhu cầu của thị trường nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

–Về đa dạng hóa nguồn dầu thô chế biến: BSR đã tiến hành chế biến các loại dầu thô mới và chế biến thành công ở mức cao như: dầu thô WTI Midland đã chế biến thành công ở mức 35% thể tích, dầu thô Bonny Light đã chế biến thành công ở mức 50% thể tích, nâng tỷ lệ chế biến dầu thô Ruby lên 25% thể tích.

–Về công suất vận hành Nhà máy: BSR đã vận hành Nhà máy ở mức công suất tối ưu, các phân xưởng chính của Nhà máy như CDU/ RFCC/ CCR/ ISOM/ NHT/ KTU/ PP vận hành ở mức cao tương ứng 107%/103%/102%/130%/120%/125%/110%.

–Về đa dạng hóa sản phẩm: BSR đã tiến hành nghiên cứu sản xuất và xuất bán lô sản phẩm 6.000 tấn MFO đầu tiên đạt tiêu chuẩn ISO 8217:2017 theo quy định IMO 2020. Việc sản xuất thành công sản phẩm này đã mang lại cho BSR cơ hội sản xuất các sản phẩm mới trong điều kiện phù hợp.

–Về công tác thử nghiệm Hóa phẩm xúc tác (HPXT) mới: BSR đã tiến hành tìm kiếm/thử nghiệm các loại HPXT mới nhằm tăng độ linh động, tăng tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như thử nghiệm phụ gia chống oxy hóa AE-STB, AK-STB ở phân xưởng PP, thử nghiệm hóa chất Demulsifier + Fe/Ca Removal tại Desalter CDU để loại bỏ Fe/Ca trong dầu thô, thử nghiệm xúc tác chính ở phân xưởng PP do MCI sản xuất, thử nghiệm thành công phụ gia tăng RON-A819 ở nồng độ 0,3% có độ tăng RON 01 đơn vị.

–Về tối ưu hóa công nghệ: BSR đã tiến hành nghiên cứu/thực hiện giải pháp đốt 2 loại nhiên liệu đốt (FO – FG) trong cùng một Boiler, việc thực hiện giải pháp này tăng độ linh động trong quá trình cân bằng FO và FG của BSR trong điều kiện phù hợp.

–Về công tác tăng công suất của các phân xưởng: BSR đã tiến hành nghiên cứu thử nghiệm thành công các phân xưởng RFCC/CCR/NHT/ISOM/PP tương ứng 105%/103%/130%/150%/112%. Điều này đã giúp Nhà máy tăng độ linh động khi chế biến các chủng loại dầu thô, nhu cầu thị trường khác nhau làm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

–Công tác nghiên cứu và sản xuất nhiên liệu cho quốc phòng: BSR đã phối hợp với Bộ Quốc phòng để thực hiện Dự án nhiên liệu quốc phòng theo nội dung Biên bản ghi nhớ ký kết ngày 22/7/2019.

#### **b) Tối ưu hóa năng lượng**

–BSR tiếp tục thực hiện theo dõi giám sát việc tiêu thụ/sử dụng năng lượng trong toàn Nhà máy.

–Các giải pháp tối ưu năng lượng trong năm 2019: Đến nay, đã triển khai thành công 04/16 giải pháp, 03/16 giải pháp đang được tiếp tục thực hiện, 05/16 giải pháp tạm dừng



thực hiện do gặp một số khó khăn khách quan về mặt kỹ thuật, 04/16 giải pháp hủy không thực hiện do chưa khả thi về mặt kỹ thuật và/hoặc hiệu quả kinh tế thấp.

### **c) Tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh**

Kết quả số liệu tiết kiệm chi phí ước thực hiện năm 2019 đạt giá trị 798 tỷ đồng, đạt 149%, vượt kế hoạch với các yếu tố đóng góp chính như sau:

–Nâng cao hiệu suất chế biến, duy trì công suất vận hành tối ưu (gần 107% công suất thiết kế) dẫn đến giảm thiểu hệ số tiêu hao còn 1,081 tấn dầu thô/tấn sản phẩm thấp hơn so với kế hoạch (1,082 tấn dầu thô/ tấn sản phẩm).

–Tối ưu hóa vận hành sản xuất giúp giảm thiểu tiêu hao, tiết kiệm chi phí hóa phẩm xúc tác tiêu thụ.

–Thực hiện tối đa công tác bảo dưỡng sửa chữa các công trình/vật tư thiết bị bằng năng lực hiện có, chỉ thuê bên ngoài thực hiện dịch vụ khi công ty không tự hiện được.

–BSR đã rà soát phân kỳ, giãn dưng các hạng mục đầu tư, mua sắm phù hợp với tình hình SXKD hiện tại để tiết kiệm chi phí.

## **5. Cung ứng dầu thô và tiêu thụ sản phẩm**

### **a) Cung cấp dầu thô**

Công tác cung cấp dầu thô được thực hiện theo các hợp đồng dài hạn và theo chuyên như kế hoạch đã được Tập đoàn chấp thuận. Năm 2019 Nhà máy nhập khoảng 7,47 triệu tấn dầu thô nhập khẩu và trong nước (gồm dầu thô Bạch Hổ, Tê Giác Trắng, Sư Tử Đen, Rạng Đông, Chim Sáo, Ruby, Thăng Long, Champion, WTI, Bonny light), đạt 107% kế hoạch năm 2019. Công tác cung ứng dầu thô tiếp tục được BSR/PVOIL tổ chức, phối hợp cung cấp kịp thời, đáp ứng đủ lượng dầu thô để chế biến.

### **b) Tình hình tiêu thụ sản phẩm**

#### **–Xăng dầu**

+Công tác tiêu thụ sản phẩm xăng dầu năm 2019 của BSR khá ổn định và đảm bảo tiêu thụ được toàn bộ sản phẩm của NMLD Dung Quất, tồn kho của Nhà máy duy trì ở mức phù hợp. Trong năm 2019, thị trường xăng dầu Việt Nam thiếu ổn định do NSRP vận hành không đúng theo kế hoạch dẫn đến hụt nguồn cung cho thị trường tại một số thời điểm và BSR cũng đã nỗ lực duy trì công suất vận hành tối đa, đặc biệt trong giai đoạn có lợi nhuận lọc dầu tốt để tận dụng cơ hội chào bán hàng với mức giá tốt.

+Trong các tháng đầu năm 2019, BSR xuất bán sản phẩm theo hợp đồng định hạn (term) và không xuất bán sản phẩm theo hợp đồng chuyên (spot), khách hàng nhận hàng tốt, tồn kho sản phẩm duy trì mức thấp. Tuy nhiên, ở một vài thời điểm như cuối tháng 5 và tháng 6/2019, do ảnh hưởng của thị trường tiêu thụ chậm và tồn kho cao nên có khách hàng hủy/chậm nhận hàng. BSR cũng đã đôn đốc khách hàng nhận hàng theo hợp đồng tránh ảnh hưởng đến công tác xuất bán sản phẩm.

+Khối lượng xăng dầu tiêu thụ năm 2019 đạt 6,270 triệu tấn sản phẩm các loại, đạt 109,9% so với kế hoạch năm 2019.

–**Xăng E5 RON 92:** Khối lượng xăng E5 RON 92 xuất bán qua kho PVOil Dung Quất cho Petrolimex trong năm 2019 đạt 44,21 nghìn tấn, đạt 101,3% kế hoạch năm 2019.

–**LPG:**

+Tình hình nhận hàng của các khách hàng tiêu thụ sản phẩm LPG trong 05 tháng đầu năm khá tốt, các khách hàng nhận hàng theo đúng kế hoạch đã xác nhận. Riêng tháng 6/2019, giá CP đột ngột giảm sâu dẫn đến một số khách hàng chậm nhận hàng, tồn kho đầu tháng 6/2019 ở mức cao, tuy nhiên tại thời điểm này phân xưởng RFCC dừng hoạt động do gặp sự cố nên khối lượng xuất bán giảm 13.500 tấn làm hạn chế lượng hàng tồn kho đầu tháng.

+Từ tháng 9/2019 đến tháng 12/2019, sản lượng LPG giảm mạnh và không đủ hàng để giao cho khách hàng theo hợp đồng đã ký. Do đó để đảm bảo tồn kho, BSR đã xuất bán giảm 5% theo hợp đồng đã ký với các khách hàng từ tháng 9/2019 đến tháng 12/2019 và cắt giảm thêm 1 phần sản lượng của tháng 11&12/2019 với tổng khối lượng cắt giảm 15.000 tấn. Mặc dù những khó khăn như trên nhưng nhìn chung các khách hàng nhận sản phẩm LPG tương đối ổn định, tổng khối lượng xuất bán LPG năm 2019 đạt 496,4 nghìn tấn, đạt 92,9% kế hoạch năm 2019.

–**Sản phẩm PP:** Tình hình tiêu thụ PP trong năm 2019 ổn định, các khách hàng đều thực hiện tốt hợp đồng, nhận hàng theo đúng kế hoạch và khối lượng đã cam kết, không có trường hợp hủy, bỏ nhận hàng và thực hiện tốt thanh toán tiền hàng. Việc phối hợp giữa BSR và khách hàng thuận lợi, có sự phối hợp tốt và kịp thời. Khối lượng tiêu thụ trong năm 2019 đạt khoảng 181,16 nghìn tấn, đạt khoảng 107,6% kế hoạch năm 2019.

**6. Tình hình tồn kho vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác**

Tình hình lưu kho được kiểm soát theo hướng tối ưu, công tác lưu kho dầu thô, sản phẩm, vật tư phụ tùng thay thế, hóa chất phục vụ công tác thí nghiệm và hóa phẩm xúc tác phục vụ sản xuất được kiểm soát tốt.

**7. Triển khai vốn đầu tư**

Kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư thấp hơn Kế hoạch 2019 được giao. Nguyên nhân chủ yếu do tiến độ triển khai đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất bị chậm ngoài ra BSR cũng thực hiện giãn/dừng đầu tư một số dự án, cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu đầu tư	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện	So sánh
			(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
<b>I</b>	<b>Giá trị thực hiện đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>917,5</b>	<b>227,8</b>	<b>24,8%</b>
1	Dự án NCMR NMLD	Tỷ đồng	524,8	90,0	17,2%
2	Các dự án đầu tư khác	Tỷ đồng	90,1	29,1	32,2%
3	Mua sắm tài sản cố định	Tỷ đồng	302,7	108,7	35,9%
<b>II</b>	<b>Giá trị giải ngân</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>917,5</b>	<b>220,8</b>	<b>24,1%</b>

Stt	Chỉ tiêu đầu tư	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện	So sánh
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	917,5	220,8	24,1%
2	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	-	-	-

#### **a) Dự án NCMR NMLD Dung Quất**

Ước thực hiện Dự án chỉ đạt 17,2% so với Kế hoạch vì một số nguyên nhân chính sau:

–Gói thầu EPC đang trong giai đoạn triển khai lựa chọn nhà thầu nên ảnh hưởng đến tiến độ tổng thể và kết quả thực hiện/giải ngân của Dự án.

–Việc thanh toán mốc 15 của Hợp đồng FEED chậm so với dự kiến do liên quan đến việc xác nhận hoàn thành các mốc thanh toán và xử lý tranh chấp phát sinh theo quy định của Hợp đồng FEED.

–Tạm ứng chi phí Tiểu dự án chậm so với kế hoạch do Chủ đầu tư Tiểu dự án chưa cung cấp đủ hồ sơ như dự kiến.

–Gói thầu San lấp mặt bằng, xây dựng tường rào, cổng ngõ và hạng mục xây dựng cơ bản khác: DQRE đang thực hiện các công việc chuẩn bị (lập HSMT, dự toán gói thầu...) để triển khai gói thầu.

–Gói thầu 8b - Thi công rà phá bom mìn vật nổ: Đang đề nghị Bộ Quốc phòng và Bộ tư lệnh Công binh hướng dẫn thực hiện công tác khảo sát, lập phương án RPBM sau khi điều chỉnh phao SPM và tuyến ống dẫn dầu thô tại công văn số 282/DQRE-XD ngày 19/12/2019.

–Một số công việc chưa đủ điều kiện để thực hiện và giải ngân: Tư vấn thu xếp tài chính, rà phá bom mìn, san lấp chuẩn bị mặt bằng, bảo hiểm, kiểm toán.

#### **b) Đối với các dự án đầu tư khác**

–Các hạng mục chuyển tiếp năm 2018: Đang được triển khai, giá trị thực hiện/giải ngân chậm, đạt 32,2% so với Kế hoạch năm, cụ thể:

+Đang tiến hành công tác quyết toán hợp đồng của gói thầu mua sắm và xây lắp công trình Kho lưu chứa nguồn phóng xạ.

+Đã hoàn thành công tác quyết toán các công trình: Nâng cấp mở rộng cảng tin NMLD Dung Quất, công trình nhà để xe cầu, phòng chứa Testring và phòng làm sạch trước khi sơn, công trình Nhà thay đồ cho nhân sự vận hành và bảo dưỡng khu vực Offsite; công trình nâng cấp trung tâm huấn luyện PCCC; công trình Xây dựng phòng làm việc chống cháy nổ cho nhân viên vận hành ngoài công trường U60-Hot và đường dẫn.

+BSR đang thực hiện công tác thẩm định các công trình như: Xây dựng nhà cố định cho nhân sự vận hành tại hiện trường thay thế container tạm của phân xưởng U33/U57 và 06 nhà cố định thay thế cho container chứa dụng cụ tạm tại các khu vực, công trình nâng cấp mở rộng nhà niêm xe bồn. Dự kiến các dự án này sẽ tiếp tục chuyển tiếp qua năm 2020.

+Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu công trình nâng cấp, cải tạo mái che bảo vệ cho bộ lọc khí đầu vào máy nén A-3501A/B/C, A-3603-C-01 tại U34.

+Đang triển khai lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng trạm điện 110/22KV kết nối EVN về NMLD.

-Thực hiện rà soát, dừng/giãn tiến độ các dự án: Trong năm 2019, BSR đã tổ chức rà soát, đánh giá lại hiệu quả và sự cần thiết đầu tư, theo đó đã dừng 05 dự án và tạm dừng 06 dự án với tổng giá trị là 35,27 tỷ đồng, bao gồm:

+Dừng dự án “Lắp đặt hệ thống chữa cháy toàn bộ bề mặt cho các bể chứa dầu thô (full surface)” với tổng mức đầu tư (TMĐT) dự kiến 73,22 tỷ đồng vì không đáp ứng được mục tiêu đầu tư.

+Dừng 04 dự án chuẩn bị đầu tư gồm: (1) Dự án xây dựng phòng kho lạnh, xây dựng bãi bê tông lấy hàng từ thùng container 40 feet bằng cầu dẫn và xây dựng trạm cân xe 60T cho kho HPXT P1; (2) Dự án xây dựng văn phòng làm việc cho Ban BDSC bên trong khu công nghệ; (3) Dự án xây dựng tuyến đường mở thông lối đi từ phân xưởng PP sang cụm xử lý nước RO; (4) Cải tạo, mở rộng phần mái Nhà chữa cháy P1 thành phòng làm việc, phòng họp cho CBCNV Ban ATMT vì các dự án này chưa thật sự cần thiết và cấp bách phải đầu tư.

+Tạm dừng dự án “Hệ thống thu hồi hơi sản phẩm tại trạm xuất xe bồn và cảng xuất sản phẩm Jetty” với TMĐT dự kiến là 232,35 tỷ đồng vì Việt Nam không quy định giới hạn hàm lượng hydrocarbon phát thải ra môi trường và hiệu quả kinh tế thấp không đảm bảo khả năng thu hồi vốn.

+Tạm dừng dự án “Đầu tư lắp đặt hệ thống đường Offgas từ D-1103 (CDU) đến D-1514 (RFCC) và các van điều khiển để tối đa công suất phân xưởng CDU” với TMĐT dự kiến là 8,55 tỷ đồng vì nhu cầu sử dụng đường ống này tùy thuộc vào hỗn hợp dầu thô chế biến và công suất vận hành phân xưởng CDU trên 114% công suất thiết kế, đồng thời không còn nhu cầu sau khi hoàn thành dự án NCMR NMLD Dung Quất và hiệu quả kinh tế thấp không đảm bảo khả năng thu hồi vốn.

+Tạm dừng dự án “Nghiên cứu, thiết kế, lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy tại U40 theo khuyến cáo” vì đây là dự án nâng cao độ an toàn nhưng không bắt buộc và có thể giãn tiến độ thực hiện.

+Tạm dừng 03 dự án đầu tư cải tạo, xây dựng, nâng cấp phòng làm việc, phòng họp cố định và dự án đầu tư các nhà chờ xe buýt bên trong nhà máy vì các dự án này chưa thật sự cấp bách, có thể giãn tiến độ thực hiện.

### **c) Đầu tư mua sắm TTB/ TSCĐ**

-Thực hiện thanh quyết toán các hợp đồng mua sắm Tài sản cố định/TTB chuyển tiếp năm 2018.

-Các hạng mục mua sắm trong Kế hoạch năm 2019 đang thực hiện lập đơn hàng, dự toán và triển khai công tác lựa chọn nhà thầu nên chưa ghi nhận được giá trị thực hiện.

–Thực hiện rà soát nhu cầu đánh giá lại sự cần thiết đầu tư, hiệu quả mang lại, BSR đã dừng đầu tư 10 hạng mục mua sắm và chuyển sang thực hiện năm 2020 gồm 15 hạng mục mua sắm trong kế hoạch 2019. Tổng giá trị thực hiện mua sắm TTB&TSCĐ năm 2019 là 108,72 tỷ đồng, giá trị giãn/dừng/chuyển sang năm 2020 khoảng 193,93 tỷ đồng.

–Kết quả thực hiện với giá trị đạt 35,9% so với Kế hoạch được duyệt.

### **8. Phân tích, đánh giá**

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 2.796 tỷ đồng, đạt 90,2% Kế hoạch ban đầu theo Nghị quyết số 1312/NQ-BSR ngày 25/4/2019. Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty cụ thể như sau:

#### **a) Sản lượng**

Tổng sản lượng sản phẩm tiêu thụ cả năm đạt 6,99 triệu tấn, vượt 8,3% kế hoạch năm nên đã làm tăng doanh thu của Công ty.

#### **b) Thị trường dầu mỏ**

Trong năm 2019, giá dầu thô và sản phẩm không thuận lợi cho hoạt động lọc dầu khiến hiệu quả SXKD của Công ty bị suy giảm mạnh (*Chi tiết xin xem mục I.2 ở trên*).

#### **c) Chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành**

Để giảm thiểu tác động tiêu cực của thị trường dầu mỏ, BSR đã chủ động, linh hoạt trong việc tối ưu hóa cơ cấu sản phẩm và tối ưu hóa công suất vận hành trên cơ sở cung cầu của thị trường. Tăng cường công tác điều độ nhập dầu thô và xuất bán sản phẩm và tồn kho hợp lý để giảm thiểu tác động biến động giá. Công tác kiểm soát chi phí được thực hiện thường xuyên và liên tục, các khoản chi phí SXKD ngoài dầu thô như HPXT, chi phí sản xuất chung... đều thấp hơn so với kế hoạch.

### **III. Điều chỉnh Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2019**

Với bức tranh tổng thể về tình hình thị trường dầu mỏ năm 2019 và nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty trong công tác vận hành Nhà máy ổn định tại công suất tối ưu cũng như luôn thực hiện tối ưu hóa chi phí sản xuất để giảm thiểu các tác động tiêu cực từ nguyên nhân khách quan do thị trường dầu mỏ như đề cập ở trên, do đó, để đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động SXKD năm 2019 cụ thể như sau:

#### **1. Kế hoạch tài chính toàn Công ty (Hợp nhất)**

<b>Stt</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KH năm 2019 đã phê duyệt</b>	<b>KH năm 2019 điều chỉnh</b>
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.103,1	1.238,2
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.938,8	1.165,1

#### **2. Kế hoạch Công ty mẹ**

##### **a) Kế hoạch tài chính**

<b>Stt</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KH năm 2019 đã phê duyệt</b>	<b>KH năm 2019 điều chỉnh</b>
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	34.604,0	32.395,9
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.263,2	1.389,9
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.100,0	1.318,8
4	Tỷ lệ chia cổ tức/ Vốn điều lệ	%	7,0	0,0
5	Chia cổ tức	Tỷ đồng	2.170,4	0,0

**b) Kế hoạch vốn đầu tư**

<b>Stt</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KH năm 2019 đã phê duyệt</b>	<b>KH năm 2019 điều chỉnh</b>
<b>1</b>	<b>Tổng nhu cầu vốn đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>917,52</b>	<b>340,7</b>
a	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	614,87	232,0
b	Mua sắm TTB & TSCĐ	Tỷ đồng	302,65	108,7
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>917,52</b>	<b>340,7</b>
a	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	917,52	340,7
b	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-	-

*(Chi tiết xin xem Bảng 1 đính kèm)*

**BẢNG 1 - KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẴM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH NĂM 2019 ĐIỀU CHỈNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt				Kế hoạch năm 2019			Kế hoạch năm 2019 điều chỉnh			Ghi chú		
		Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
		Tổng số	Vốn chủ sở hữu				Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu			
			Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác			Vốn TD cấp			Vốn chủ sở hữu của đơn vị		Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị
1	2	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
	<b>Tổng cộng (A+B)</b>	<b>38.993,98</b>		<b>11.701,26</b>	<b>27.292,72</b>	<b>917,52</b>		<b>917,52</b>		<b>340,71</b>		<b>340,71</b>		
	Ngoại tệ													
	Nội tệ													
<b>A</b>	<b>Các dự án</b>					<b>614,87</b>		<b>614,87</b>		<b>231,99</b>		<b>231,99</b>		
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>					<b>552,75</b>		<b>552,75</b>		<b>221,98</b>		<b>221,98</b>		
<b>1</b>	<b>Dự án nhóm A</b>					<b>524,82</b>		<b>524,82</b>		<b>202,98</b>		<b>202,98</b>		
-	Dự án NCMR NMLD Dung Quất	38.989,6		11.696,9	27.292,7	524,82		524,82		202,98		202,98	Chậm tiến độ giải ngân	
<b>2</b>	<b>Dự án nhóm B</b>													
<b>3</b>	<b>Dự án nhóm C</b>					<b>27,93</b>		<b>27,93</b>		<b>19,01</b>		<b>19,01</b>		
3.1	Đầu tư nâng cấp mở rộng Cảng tin NMLD Dung Quất	14,50		14,50		6,95		6,95		6,95		6,95	Quyết toán hợp đồng	
3.2	Kho lưu chứa nguồn phóng xạ	3,22		3,22		2,25		2,25		1,11		1,11	Chậm tiến độ	
3.3	Nhà thay đồ cho nhân sự vận hành + bảo dưỡng khu vực Offsite 2	4,87		4,87		1,95		1,95		3,73		3,73	Do chậm thanh toán khối lượng hoàn thành năm 2018, nên phần thanh toán chậm chuyển qua năm 2019.	
3.4	Xây dựng phòng làm việc chống cháy nổ cho nhân viên vận hành ngoài công trường U60-Hot và đường dẫn	10,27		10,27		7,40		7,40		3,55		3,55	Chậm tiến độ quyết toán	

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt				Kế hoạch năm 2019				Kế hoạch năm 2019 điều chỉnh				Ghi chú	
		Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
		Tổng số	Vốn chủ sở hữu				Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu			Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu			Vốn vay + khác
			Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác			Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị			Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị		
1	2	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
3.5	Nâng cấp mở rộng trạm xuất xe bồn hiện hữu cho các sản phẩm DO, JetA1 tại NMLD Dung Quất (chuyển tiếp của dự án Đầu tư nâng cấp trạm xuất xe bồn cho các sản phẩm)	38,35		38,35		1,74		1,74		0,41		0,41		Đang xem xét dừng thực hiện dự án. Chi thanh toán chi phí tư vấn lập báo cáo DFS.	
3.6	Nâng cấp trung tâm huấn luyện PCCC	9,42		9,42		6,57		6,57		2,83		2,83		Chậm tiến độ quyết toán	
3.7	Nâng cấp, cải tạo mái che máy nén U34	4,38		4,38		0,15		0,15		0,12		0,12		Chậm tiến độ	
3.8	Xây dựng nhà cố định cho nhân sự vận hành hiện trường thay thế container tạm tại phân xưởng U33/U57 và 6 nhà cố định thay thế cho container chứa dụng cụ tạm tại các khu vực					0,19		0,19						Đang thực hiện thẩm định dự án, năm 2020 sẽ tiếp tục đầu tư	
3.9	Nâng cấp mở rộng nhà niêm xe bồn					0,10		0,10						Đang thực hiện thẩm định dự án, năm 2020 sẽ tiếp tục đầu tư	
3.10	Xây dựng một số phòng làm việc chuyên môn như: Phòng hiệu chuẩn van an toàn; Phòng mài, sửa mechanical seal, Phòng QAQC, Phòng Đào tạo - Hướng dẫn - Kiểm tra chuyên môn, thực hành					0,10		0,10		0,10		0,10		Đang xem xét dừng thực hiện dự án. Chi thanh toán chi phí tư vấn lập báo cáo DFS.	



Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt				Kế hoạch năm 2019				Kế hoạch năm 2019 điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
		Tổng số	Trong đó				Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu									
		Vốn TB cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác		Vốn TB cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác		Vốn TB cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác		
1	2	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
3.11	Xây dựng các nhà chờ xe buýt bên trong nhà máy					0,12		0,12		0,12		0,12		Đang xem xét dừng thực hiện dự án. Chỉ thanh toán chi phí tư vấn lập báo cáo DFS.
3.12	Lắp đặt hệ thống chữa cháy toàn bộ bề mặt cho các bể chứa dầu thô (full surface)					0,21		0,21						Dự án dừng thực hiện
3.13	Dự án đầu tư, cải hoán hệ thống đường ống Offgas mới từ D-1103 (CDU) đến D-1514 (RFCC) và các Van điều khiển để tối đa công suất phân xưởng CDU					0,20		0,20		0,08		0,08		Dự án dừng thực hiện. Chỉ thanh toán chi phí tư vấn lập báo cáo DFS.
<b>II</b>	<b>Dự án thực hiện trong năm</b>													
<b>1</b>	<b>Dự án nhóm A</b>													
<b>2</b>	<b>Dự án nhóm B</b>													
<b>3</b>	<b>Dự án nhóm C</b>													
<b>III</b>	<b>Dự án mới</b>	<b>22,43</b>		<b>22,43</b>		<b>14,96</b>		<b>14,96</b>		<b>8,71</b>		<b>8,71</b>		
<b>1</b>	<b>Dự án nhóm A</b>													
<b>2</b>	<b>Dự án nhóm B</b>													
<b>3</b>	<b>Dự án nhóm C</b>	<b>22,43</b>		<b>22,43</b>		<b>14,96</b>		<b>14,96</b>		<b>8,71</b>		<b>8,71</b>		
3.1	Nâng cấp, cải tạo chốt bảo vệ, hàng rào Nhà máy giai đoạn 2	12,50		12,50		8,36		8,36		8,36		8,36		
3.2	Nghiên cứu, thiết kế, lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy theo khuyến cáo.	9,93		9,93		6,60		6,60		0,35		0,35		Đang xem xét dừng thực hiện dự án. Chỉ thanh toán chi phí tư vấn lập báo cáo DFS.

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt				Kế hoạch năm 2019				Kế hoạch năm 2019 điều chỉnh				Ghi chú	
		Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
		Tổng số	Trong đó				Vốn chủ sở hữu		Vốn vay + khác		Tổng số	Vốn chủ sở hữu			Vốn vay + khác
			Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác		Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị				Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị		
1	2	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
<b>IV</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>					<b>47,15</b>		<b>47,15</b>		<b>1,30</b>		<b>1,30</b>			
<b>1</b>	<b>Dự án nhóm A</b>														
<b>2</b>	<b>Dự án nhóm B</b>					<b>10,76</b>		<b>10,76</b>		<b>1,30</b>		<b>1,30</b>			
2.1	Đầu tư hệ thống thu hồi hơi sản phẩm tại trạm xuất xe bồn và cảng xuất sản phẩm Jetty					4,74		4,74		1,03		1,03	Đang xem xét dừng. Chi trả chi phí tư vấn lập báo cáo DFS.		
2.2	Đầu tư xây dựng trạm điện 110/22KV kết nối EVN về NMLD					6,02		6,02		0,27		0,27	Đang triển khai lập báo cáo nghiên cứu khả thi		
<b>3</b>	<b>Dự án nhóm C</b>					<b>36,39</b>		<b>36,39</b>		-		-			
3.1	Xây dựng văn phòng làm việc cho Ban BDSC bên trong khu công nghệ					1,35		1,35				-	Dự án dừng thực hiện		
3.2	Nâng cấp, cải tạo mái che máy nén U34	4,38		4,38		4,46		4,46					Đang trình kế hoạch LCNT		
3.3	Xây dựng nhà cố định cho nhân sự vận hành hiện trường thay thế container tạm tại phân xưởng U33/U57 và 6 nhà cố định thay thế cho container chứa dụng cụ tạm tại các khu vực					6,6		6,6					Đang thực hiện thẩm định dự án, năm 2020 sẽ tiếp tục đầu tư		
3.4	Nâng cấp mở rộng nhà niêm xe bồn					6,6		6,6					Đang thực hiện thẩm định dự án, năm 2020 sẽ tiếp tục đầu tư		
3.5	Xây dựng một số phòng làm việc chuyên môn như: Phòng hiệu chuẩn van an toàn; Phòng mài, sửa mechanical seal, Phòng QAQC, Phòng Đào tạo - Hướng dẫn - Kiểm tra chuyên môn, thực hành					3,7		3,7					Đang xem xét dừng thực hiện dự án.		

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt				Kế hoạch năm 2019				Kế hoạch năm 2019 điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
		Tổng số	Trong đó				Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	Tổng số		Trong đó		Vốn vay + khác	
			Vốn chủ sở hữu	Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị						Vốn chủ sở hữu	Vốn TD cấp		
1	2	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
3.6	Xây dựng các nhà chờ xe buýt bên trong nhà máy					3,5		3,5				-		Đang xem xét dừng thực hiện dự án.
3.7	Lắp đặt hệ thống chữa cháy toàn bộ bề mặt cho các bể chứa dầu thô (full surface)					1,0		1,0				-		Dự án dừng thực hiện
3.8	Dự án đầu tư, cải hoán hệ thống đường ống Offgas mới từ D-1103 (CDU) đến D-1514 (RFCC) và các Van điều khiển để tối đa công suất phân xưởng CDU					5,2		5,2				-		Dự án dừng thực hiện
3.9	Xây dựng tuyến đường mở thông lối đi từ PP sang RO					0,5		0,5				-		Dự án dừng thực hiện
3.10	Xây dựng phòng kho lạnh, xây dựng bãi bê tông lấy hàng từ thùng container 40 feet bằng cầu dẫn cho kho HPXT P1					0,4		0,4				-		Dự án tạm dừng thực hiện năm 2019
3.11	Cải tạo, mở rộng phần mái Nhà chữa cháy P1 thành phòng làm việc, phòng họp cho CBCNV Ban ATMT					0,3		0,3				-		Dự án dừng thực hiện
3.12	Lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động cho các kho vật tư tại khu vực P7					0,5		0,5				-		Đang trình KH LCNT gói thầu tư vấn lập BC KTKT
3.13	Xây dựng và mua sắm thiết bị cho phòng thí nghiệm thiết bị điện					0,2		0,2				-		Đang dự thảo KH LCNT gói thầu tư vấn
3.14	Các dự án phục vụ đầu tư SXKD khác (cải tạo, xây dựng)					2,0		2,0				-		
<b>B</b>	<b>Mua sắm tài sản cố định + TTB</b>					<b>302,65</b>		<b>302,65</b>		<b>108,72</b>		<b>108,72</b>		
<b>B1</b>	<b>Các hạng mục chuyển tiếp năm 2018</b>					<b>122,90</b>		<b>122,90</b>		<b>10,00</b>		<b>10,00</b>		

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt				Kế hoạch năm 2019				Kế hoạch năm 2019 điều chỉnh				Ghi chú	
		Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
		Tổng số	Vốn chủ sở hữu				Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu			Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu			Vốn vay + khác
			Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác			Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị			Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị		
1	2	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
1	Các hạng mục mua sắm lập dự án đầu tư					60,00		60,00		-	-	-	-		
1.1	Triển khai tối ưu hóa giai đoạn 2 hệ thống điều khiển cao cấp APC cho các phân xưởng công nghệ thuộc cụm phân xưởng NHT/CCR/ISOM/LCO-HDT/PP					60,00		60,00						Chuyển sang 2020	
2	Hạng mục mua sắm thông thường (theo hình thức đơn hàng/dự toán)					62,90		62,90		10,00		10,00			
2.1	Triển khai giải pháp Tối ưu hóa quản lý năng lượng Visual MESA giai đoạn II					8,00		8,00						Chuyển sang 2020	
2.2	Hệ thống quản lý, giám sát và phân tích hoạt động tổng thể toàn Nhà máy - Dashboard / BI.					12,00		12,00						Chuyển sang 2020	
2.3	Mua licens End Point Protection					4,50		4,50						Chuyển sang 2020	
2.4	Mua bổ sung license hệ thống EAM Maximo theo yêu cầu mở rộng thêm các module, bổ sung cho các ban chức năng.					6,50		6,50		6,50		6,50			
2.5	Mua bản quyền phần mềm quan trọng (Windows, Office, Acrobat...)					4,50		4,50						Chuyển sang 2020	
2.6	Mua bộ đàm và điện thoại CCN trang bị bổ sung cho các ban chức năng					3,50		3,50		3,50		3,50			
2.7	Mở rộng hệ thống kiểm soát vào ra					5,60		5,60						Chuyển sang 2020	
2.8	Mở rộng các hệ thống giám sát an ninh, an toàn tại các khu vực quan trọng					6,80		6,80						Chuyển sang 2020	

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt				Kế hoạch năm 2019				Kế hoạch năm 2019 điều chỉnh				Ghi chú	
		Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
		Tổng số	Vốn chủ sở hữu				Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu			Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu			Vốn vay + khác
			Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác			Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị			Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị		
1	2	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
2.9	Trang bị bổ sung các camera ở một số vị trí quan trọng trong Nhà máy					6,50		6,50						Chuyển sang 2020	
2.10	Xe chữa cháy bột dùng để ứng phó sự cố hóa chất kết hợp chữa cháy					5,00		5,00						Đang xem xét dừng thực hiện	
<b>B2</b>	<b>Hạng mục mua sắm mới trong năm 2019</b>					<b>179,75</b>		<b>179,75</b>		<b>98,72</b>		<b>98,72</b>			
<b>I</b>	<b>Hạng mục mua sắm lập dự án đầu tư</b>					45,00		45,00							
-	Xe cầu 300T					45,00		45,00						Đang xem xét dừng thực hiện	
<b>II</b>	<b>Hạng mục mua sắm thông thường (theo hình thức đơn hàng/dự toán)</b>					<b>120,34</b>		<b>120,34</b>		<b>84,31</b>		<b>84,31</b>			
<b>1</b>	<b>Mua sắm TSCĐ + trang thiết bị phục vụ sản xuất</b>					<b>14,40</b>		<b>14,40</b>		<b>14,37</b>		<b>14,37</b>			
1.1	Nâng cấp hệ thống RBI					5,00		5,00		2,80		2,80		Điều chỉnh giảm theo đơn hàng	
1.2	Lắp đặt hệ thống kiểm soát ăn mòn cho giai đoạn xử lý dầu chua (giai đoạn 2)					2,00		2,00		8,88		8,88		Điều chỉnh tăng theo dự toán đã duyệt	
1.3	Trang bị bộ dụng cụ kiểm tra, thí nghiệm đơn giản như kính hiển vi, máy đánh bóng bề mặt, máy ảnh chụp cận cảnh...					1,50		1,50						Đang xem xét dừng thực hiện	
1.4	Trang bị camera nhiệt chuyên dụng kiểm tra bảo ôn					1,90		1,90		0,69		0,69		Điều chỉnh giảm theo hợp đồng đã ký	
1.5	Mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất, các loại tài sản cố định như mua các thiết bị đo nhiệt độ, bơm các loại, thiết bị chống nghẽn và nạp dầu, steam trap)					2,00		2,00		2,00		2,00			

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt				Kế hoạch năm 2019				Kế hoạch năm 2019 điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
		Tổng số	Trong đó				Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	Tổng số		Trong đó		Vốn vay + khác	
			Vốn chủ sở hữu	Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị						Vốn chủ sở hữu	Vốn TD cấp		
10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21			
1.6	Trang bị camera chuyên dụng để kiểm tra bên trong thiết bị (có khả năng chụp hình ảnh và định vị vị trí)				2,00		2,00						Đang xem xét dừng thực hiện	
<b>2</b>	<b>Mua sắm TSCĐ + Trang thiết bị VP, TTB phục vụ quản lý</b>				<b>4,70</b>		<b>4,70</b>		<b>1,00</b>		<b>1,00</b>			
2.1	Mua màn hình đèn LED trong nhà (In door) tại Hội trường A				0,70		0,70						Chuyển sang 2020	
2.2	Mua phần mềm quản lý công tác lưu trữ và số hóa tài liệu				1,00		1,00		1,00		1,00			
2.3	Lắp đặt các cây nước lọc công nghiệp (nóng, lạnh, mát) phục vụ CBCNV sinh hoạt trong Công ty				0,80		0,80						Chuyển sang 2020	
2.4	Mua mới 02 xe 30 chỗ				2,20		2,20						Chuyển sang 2020	
<b>3</b>	<b>Mua sắm TSCĐ + Trang thiết bị phục vụ thí nghiệm</b>				<b>52,90</b>		<b>52,90</b>		<b>52,90</b>		<b>52,90</b>			
3.1	Thiết bị đo khói thải cầm tay (01 thiết bị) (Hãng Lancom hoặc tương đương)				0,50		0,50		0,50		0,50			
3.2	Thiết bị đo chỉ số chảy của nhựa (01 thiết bị) (Hãng Zwick/Roell, INSTRON, Ray-Ran hoặc tương đương)				1,60		1,60		1,60		1,60			
3.3	Thiết bị đo hàm lượng C, H, N (Hãng Elementar hoặc tương đương) (01 thiết bị)				4,10		4,10		4,10		4,10			
3.4	Thiết bị sắc ký ion 1 hệ gồm System #1 & #2 (Hãng Metrohm hoặc tương đương).				6,20		6,20		6,20		6,20			

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt				Kế hoạch năm 2019				Kế hoạch năm 2019 điều chỉnh				Ghi chú	
		Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
		Tổng số	Vốn chủ sở hữu				Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu			Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu			Vốn vay + khác
			Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác			Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị			Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị		
1	2	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
3.5	Thiết bị Sắc ký phân tích hàm lượng lưu huỳnh trong các sản phẩm dầu mỏ sử dụng PFPD hoặc FPD (GC # 4) (Hãng AC/PAC hoặc tương đương) (01 thiết bị).					4,50		4,50		4,50		4,50			
3.6	Thiết bị Sắc ký khí phân tích hàm lượng CO, CO2, aromatic (Hãng AC/PAC hoặc tương đương) (GC # 6) (01 thiết bị).					4,50		4,50		4,50		4,50			
3.7	Thiết bị đo nhiệt trị độ chính xác cao theo ASTM D4809 cho Jet A1 và FO (PE).					2,50		2,50		2,50		2,50			
3.8	Thiết bị so màu Saybolt tự động (PE)					2,00		2,00		2,00		2,00			
3.9	Thiết bị đo độ nhớt tự động nhiệt độ cao (PE)					2,50		2,50		2,50		2,50			
3.10	Thiết bị đo độ nhớt tự động nhiệt độ thấp -20°C cho Jet A1 (PE)					2,50		2,50		2,50		2,50			
3.11	Thiết bị đo tính chất (độ nhớt, oxidation, nhiễm bẩn) của dầu nhờn (Emerson hoặc tương đương).					4,50		4,50		4,50		4,50			
3.12	Thiết bị AAS (Hãng PerkinElmer hoặc tương đương).					5,00		5,00		5,00		5,00			
3.13	Thiết bị xác định hàm lượng H <sub>2</sub> S trong dầu thô theo ASTM D7621.					2,20		2,20		2,20		2,20			
3.14	Thiết bị đo phổ NIR (Hãng ABB hoặc tương đương).					4,90		4,90		4,90		4,90			
3.15	Thiết bị xác định điểm aniline tự động theo ASTM D611 (Hãng Phase hoặc tương đương)					1,40		1,40		1,40		1,40			

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt				Kế hoạch năm 2019				Kế hoạch năm 2019 điều chỉnh				Ghi chú		
		Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó					
		Tổng số	Trong đó				Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay + khác	Tổng số	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay + khác	
			Vốn TD cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác								Vốn TD cấp			Vốn chủ sở hữu của đơn vị
1	2	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21			
3.16	Thiết bị TOC (Hãng Elementar, Shimadzu hoặc tương đương).					4,00		4,00		4,00		4,00				
<b>4</b>	<b>Mua sắm TSCĐ +Trang thiết bị phục vụ công tác ATMT&amp;PCCC</b>					<b>29,31</b>		<b>29,31</b>		<b>0,00</b>		<b>0,00</b>				
4.1	Máy đo khí (X-am 5600 hoặc tính năng tương đương)					0,48		0,48					Đang xem xét dừng thực hiện			
4.2	Máy đo khí (X-am 7000 hoặc tính năng tương đương)					0,36		0,36					Chuyển sang 2020			
4.3	Bộ hỗ trợ khí thở có chức năng giám sát, báo động tình trạng của người sử dụng					0,60		0,60					Chuyển sang 2020			
4.4	Ổng trượt thoát hiểm lắp cho toà nhà 208 Hùng vương					1,50		1,50					Đang xem xét dừng thực hiện			
4.5	Camera phát hiện rò rỉ khí Hydro					5,00		5,00					Đang xem xét dừng thực hiện			
4.6	Bộ kiểm tra chất lượng khí thở (SCBA)					2,00		2,00					Đang xem xét dừng thực hiện			
4.7	Thiết bị rửa mắt di động					0,43		0,43					Đang xem xét dừng thực hiện			
4.8	Máy dò chất nổ cầm tay					5,20		5,20					Đang xem xét dừng thực hiện			
4.9	Máy in nhãn thiết bị Brady BBP85 + BBP31 hoặc dòng máy tương đương					0,19		0,19					Đang xem xét dừng thực hiện			
4.10	Mua Monitor theo dõi chỉ số sinh tồn bệnh nhân (gắn trên xe cứu thương)					0,19		0,19					Đang xem xét dừng thực hiện			
4.11	Quạt hút khói phục vụ ứng phó sự cố khẩn cấp					0,52		0,52					Đang xem xét dừng thực hiện			
4.12	Phao quay dầu trên biển					3,94		3,94					Chuyển sang 2020			



Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt				Kế hoạch năm 2019				Kế hoạch năm 2019 điều chỉnh				Ghi chú		
		Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó					
		Tổng số	Trong đó				Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay + khác	Tổng số	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay + khác	
			Vốn TB cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác								Vốn TB cấp			Vốn chủ sở hữu của đơn vị
10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21					
4.13	Camera gắn trên mũ chữa cháy để thực hiện nhiệm vụ trình sát đám cháy, tìm kiếm cứu nạn. Kết nối hình ảnh với trung tâm chỉ huy					0,90		0,90						Chuyển sang 2020		
4.14	Lắp đặt hệ thống soi gầm xe					3,00		3,00						Đang xem xét dừng thực hiện		
4.15	Thiết bị thu hồi dầu trên biển					5,00		5,00						Chuyển sang 2020		
<b>5</b>	<b>Mua sắm TSCD +Trang thiết bị phục vụ công tác BDSC</b>					<b>19,04</b>		<b>19,04</b>		<b>16,04</b>		<b>16,04</b>				
5.1	Mua dụng cụ hỗ trợ bảo dưỡng sửa chữa, bao gồm: đồng hồ đo PT100, bộ tạo nguồn dòng và áp, Máy đo nội trở của ắc quy Ni-Cd.; Máy phân tích chất lượng điện năng MPQ2000; bộ DC clamp metter cho PQ3100					2,50		2,50		2,50		2,50				
5.2	Mua thiết bị "module chẩn đoán PD chuyên dụng" để kiểm tra, chẩn đoán phóng điện cục bộ cho cáp điện cao áp (6,6kV, 11kV, 22kV) trong toàn nhà máy					2,50		2,50		2,50		2,50				
5.3	Đầu tư bổ sung theo giai đoạn số lượng bus của phần mềm ETAP từ 500 bus hiện nay lên 1500 bus để nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm áp dụng cho các phụ tải điện hiện tại và giai đoạn mở rộng nhà máy					1,50		1,50		1,50		1,50				
5.4	Mua bổ sung các thiết bị đo, dụng cụ chuyên dùng để phục vụ công tác BDSC					1,00		1,00		1,00		1,00				
5.5	Máy cân chỉnh đồng trục E-720 loại chống cháy nổ					1,00		1,00		1,00		1,00				

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt				Kế hoạch năm 2019				Kế hoạch năm 2019 điều chỉnh				Ghi chú		
		Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó					
		Tổng số	Trong đó				Vốn chủ sở hữu	Vốn	Vốn chủ sở hữu của đơn vị		Vốn vay + khác	Vốn chủ sở hữu	Vốn		Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác
			Vốn TB cấp	Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác											
1	2	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21			
5.6	Dụng cụ đo rung cầm tay					3,00		3,00						Đang xem xét dừng thực hiện		
5.7	Dụng cụ, thiết bị, máy móc phục vụ công việc việc thiết bị tĩnh (máy cắt, máy khoan, mũi khoan, dụng cụ mở bu lông, lục giác, túi đựng tool, kìm, dụng cụ cắt ống, đồng hồ đo áp suất, đèn pin.....)					2,90		2,90		2,90		2,90				
5.8	Máy bôi trơn dây cáp					0,50		0,50		0,50		0,50				
5.9	Bơm nước áp lực cao 250 -300 bar					1,05		1,05		1,05		1,05				
5.10	Quạt khí nén (AIR DRIVEN FAN)					0,90		0,90		0,90		0,90				
5.11	Máy dập/đục khắc tag name					0,19		0,19		0,19		0,19				
5.12	Giá đỡ quay và dụng cụ đo chuyên dụng phục vụ công tác chế tạo và sửa chữa thiết bị chịu áp					0,90		0,90		0,90		0,90				
5.13	Bộ thiết bị làm sạch dầu mỡ cho thiết bị					0,60		0,60		0,60		0,60				
5.14	Hệ thống tủ chứa, giá đỡ dụng cụ, vật tư và phụ tùng tiêu chuẩn cho Xưởng cơ khí.					0,50		0,50		0,50		0,50				
<b>6</b>	<b>Dự phòng cho mua sắm TSCĐ</b>					<b>14,41</b>		<b>14,41</b>		<b>14,41</b>		<b>14,41</b>				
6.1	Triển khai Phân hệ Tài chính Kế toán và tích hợp SOA của giải pháp ERP trên cơ sở tối đa sử dụng, tích hợp hạ tầng và hệ thống EAM hiện có.									4,72		4,72				
6.2	Dự phòng khác trong quá trình thực hiện mua sắm cho các mục TSCĐ đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2019									9,69		9,69				

## Phụ lục 03

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN NĂM 2019 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

## A. ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã cùng với Ban Điều hành triển khai các hoạt động với tâm thế chủ động, mạnh dạn ứng dụng hiệu quả các công cụ quản trị hiện đại, tận dụng tối đa những thuận lợi và có các giải pháp thiết thực trên các lĩnh vực hoạt động để triển khai Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD), kịp thời đối phó với khó khăn, qua đó giúp Công ty cơ bản hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ được ĐHCĐ giao. Công ty tiếp tục vận hành an toàn nhà máy lọc dầu; mở rộng nguồn dầu thô và chế biến thành công dầu thô WTI Midland (Mỹ); đa dạng hóa sản phẩm khi sản xuất và chế biến lô sản phẩm dầu nhiên liệu tàu biển (MFO) đầu tiên đạt tiêu chuẩn sản phẩm theo quy định của tổ chức hàng hải quốc tế (IMO) 2020; trong năm 2019 Chính phủ và các Bộ ngành liên quan đã điều chỉnh giảm thuế nhập khẩu dầu Azeri về 0% giúp BSR tạo đà phát triển bền vững trong tương lai.

Năm 2019 là năm khó khăn cho ngành lọc dầu nói chung và BSR nói riêng. Giá dầu thô và sản phẩm diễn biến không thuận lợi cho hoạt động lọc dầu khi khoảng chênh lệch giá giữa sản phẩm và dầu thô bị thu hẹp nhiều so với kế hoạch và giá dầu thô và sản phẩm biến động bất thường với biên độ lớn dẫn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty bị suy giảm.

### I. VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

- Năm 2019 Nhà máy vận hành an toàn, ổn định ở công suất cao đạt trung bình khoảng 106,3% so với thiết kế (tính theo công suất phân xưởng CDU), góp phần quan trọng hoàn thành chỉ tiêu sản xuất năm 2019 sớm 26 ngày so với kế hoạch. Tính đến ngày 31/12/2019 BSR đạt được mốc 23,75 triệu giờ công an toàn.

- Tổng doanh thu Công ty mẹ năm 2019 là 103.330 tỷ đồng đạt 105,7% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế là 2.912 tỷ đồng đạt 93,95% so với kế hoạch được ĐHCĐ phê duyệt theo Nghị quyết số 1312/NQ-BSR ngày 25/4/2019. Sản phẩm được tiêu thụ kịp thời, hạn chế tối đa hàng tồn kho, sản lượng tiêu thụ quy đổi đạt 6.995 nghìn tấn đạt 108,3% kế hoạch.

### II. VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐÃ ĐỀ RA

#### 1. Công tác chiến lược, kế hoạch:

- Thực hiện Nghị quyết số 1312/NQ-BSR của ĐHCĐ, trong năm 2019 BSR đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm: vận hành Nhà máy đảm bảo an toàn, ổn định và tối ưu; nắm bắt thị trường để nâng cao hiệu quả công tác kinh doanh; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và tối ưu hóa sản xuất; tích cực triển khai dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; tăng cường tự chủ trong công tác bảo dưỡng sửa chữa bằng chính nội lực của BSR; cắt giảm chi phí hoạt động; tiếp tục thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp và hoàn thiện, kiện toàn cơ cấu tổ chức theo mô hình công ty cổ phần.

- Việc chế biến thành công dầu thô WTI Midland (Mỹ) giúp BSR mở rộng nguồn cung cấp dầu thô trữ lượng lớn, sản lượng cao, chất lượng và giá cả hợp lý; xuất bán lô sản phẩm 6.000 tấn MFO đầu tiên đạt tiêu chuẩn ISO 8217:2017 theo quy định IMO 2020 vào cuối tháng 11/2019; Chính phủ và các Bộ ngành liên quan đã điều chỉnh giảm thuế nhập khẩu dầu Azeri về 0% theo kiến nghị của BSR; công tác tiết giảm chi phí và việc triển khai xây dựng văn hóa doanh nghiệp là những điểm nhấn nổi bật của BSR trong năm 2019.

## **2. Công tác quản trị:**

- Tập trung nâng cao hệ thống quản trị ở tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện các hệ thống quản trị nội bộ, xây dựng và hoàn chỉnh các chiến lược, mục tiêu kinh doanh. Tiếp tục thực hiện hoàn thiện các quy trình quản lý/quản trị, cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của BSR luôn được chú trọng. Trong năm 2019, Công ty đã tổ chức thực hiện được 150 khóa đào tạo cho 13.349 lượt người, đạt 182% so với kế hoạch cả năm đề ra. Tổng chi phí đào tạo đã sử dụng là 19,706 tỷ đồng, chiếm 78,54% so với kế hoạch.

- Các bộ định mức kinh tế kỹ thuật vận hành và khai thác tại nhà máy phù hợp với các cải tiến công nghệ tại nhà máy và kiểm soát chính xác tiêu hao. Tiêu hao năng lượng, hóa chất, vật tư đều thấp hơn so với định mức. Tiêu hao bình quân nguyên liệu chính 1,0816 tấn dầu thô/tấn sản phẩm thấp hơn định mức tiêu hao kế hoạch.

- Công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nâng cao sức khỏe cho người lao động của BSR đã đang được triển khai mạnh mẽ và có sức lan tỏa rất cao thông qua chương trình đào tạo 7 thói quen hiệu quả, hội thi sáng tác văn thơ về công tác an toàn, các câu lạc bộ thể thao, các giải thể thao, bài tập thể dục giữa giờ.

## **3. Công tác khác:**

Bên cạnh việc chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD thì trách nhiệm đối với môi trường và xã hội cũng được BSR xem là một trong những ưu tiên hàng đầu. Nhận thức rõ vấn đề an toàn và môi trường là vấn đề sống còn của doanh nghiệp, từ khi thành lập đến nay, BSR luôn thể hiện trách nhiệm cao trong việc tuân thủ, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về môi trường. BSR đã và đang triển khai công tác bảo vệ môi trường theo hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001, ISO 14001, OHSAS 18001. Với định hướng phát triển bền vững, các sản phẩm của BSR luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường.

Ngoài ra, thực hiện chủ trương lớn của Tập đoàn Dầu khí là phát triển sản xuất kinh doanh phải gắn liền với công tác an sinh xã hội (ASXH), năm 2019 BSR thực hiện ASXH theo kế hoạch tại các địa phương trong và ngoài tỉnh Quảng Ngãi. Kết quả giải ngân đối với công tác ASXH cả năm 2019 khoảng 25,5 tỷ đồng. Dù còn gặp nhiều khó khăn thách thức nhưng BSR vẫn chủ động thực hiện và cam kết sẽ tiếp tục duy trì triển khai các chương trình hoạt động ASXH trong những năm tiếp để góp phần đảm bảo chương trình mục tiêu Quốc gia cho sự phát triển bền vững, xóa đói giảm nghèo, chung tay vì cộng đồng.

## **B. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **1. Phương thức giám sát:**

- Giám sát quá trình lập kế hoạch SXKD năm 2019 và việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Tham dự các cuộc họp thường kỳ của Ban điều hành về hoạt động SXKD và giao ban định kỳ hàng tháng/quý nhằm kịp thời hỗ trợ, chỉ đạo và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban TGD, bộ máy giúp việc cho Ban TGD và Người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát trong việc kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động SXKD thực tế của Công ty, thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính theo đúng quy định hiện hành.

### **2. Kết quả giám sát:**

Năm 2019, HĐQT đánh giá Ban TGD đã hoàn thành tốt vai trò điều hành SXKD, nỗ lực hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể như sau:

- Ban TGD đã nỗ lực quản lý, điều hành hoạt động SXKD với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ các quy trình, quy định trong hoạt động điều hành Công ty theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị doanh nghiệp cũng như các quy định của pháp luật có liên quan.
- BSR đạt được hầu hết các chỉ tiêu theo kế hoạch của năm. Nhà máy được vận hành hiệu quả, an toàn, ổn định.
- Không ngừng cải tiến nâng cao năng lực quản trị, điều hành sâu sát, linh hoạt và quyết liệt qua đó giúp BSR triển khai bài bản và ứng dụng hiệu quả các công cụ hỗ trợ công tác quản trị.
- Tuân thủ, chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.

## **C. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2022 có 6 thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT, 01 Thành viên kiêm Tổng Giám đốc, 02 Thành viên chuyên trách và 02 Thành viên độc lập.

<b>Stt</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Số cổ phần đại diện</b>	<b>Số cổ phần sở hữu</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Lê Xuân Huyền	Chủ tịch			(*)
2	Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch	837.334.898	10.400	27% Vốn Điều lệ
3	Bùi Minh Tiến	Thành viên	1.240.199.846	42.000	40% Vốn Điều lệ
4	Nguyễn Quang Hòa	Thành viên			(*)

5	Hà Đông	Thành viên	465.074.942	2.000	15% Vốn Điều lệ
6	Khương Lê Thành	Thành viên	313.770.561	3.400	10,12% Vốn Điều lệ
7	Nguyễn Bá Phước	Thành viên	0	0	Thành viên độc lập
8	Nguyễn Hải Âu	Thành viên	0	10.000	Thành viên độc lập

(\*) ĐHĐCĐ miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với các ông Lê Xuân Huyền và ông Nguyễn Quang Hòa theo Nghị quyết số 319/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/02/2020.

## 2. Hoạt động của HĐQT:

Hoạt động của HĐQT được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ; các thành viên HĐQT cùng thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT trước khi HĐQT ra quyết định. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc chỉ đạo, giám sát và đôn đốc Ban điều hành triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, đảm bảo hiệu quả trong công tác quản trị.

Năm 2019, HĐQT đã thực hiện 10 cuộc họp. Các cuộc họp của HĐQT đã tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng trong việc xây dựng và thực thi kế hoạch SXKD, các dự án đầu tư trọng điểm; rà soát định hướng chiến lược của Công ty; bàn các giải pháp ứng phó với sự biến đổi phức tạp của thị trường dầu mỏ, ... bao gồm một số nội dung chính như: (i) chỉ đạo công tác đấu thầu các gói chính của Bảo dưỡng tổng thể lần 4 đã tiết kiệm được đáng kể chi phí cho BSR; (ii) tiếp tục chỉ đạo đôn đốc xử lý các vấn đề của dự án Nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất như đấu thầu lựa chọn tư vấn Thu xếp vốn, đấu thầu EPC,...; (iii) tiếp tục chỉ đạo xử lý các vấn đề của dự án nhiên liệu sinh học tại BSR-BF (duy trì hoạt động, đôn đốc chạy nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải,...); (iv) chỉ đạo xử lý các vấn đề của quyết toán cổ phần hóa và niêm yết cổ phiếu BSR trên sàn chứng khoán; (v) chỉ đạo đề xuất và xây dựng cơ chế tự chủ trong mua dầu thô và kinh doanh sản phẩm; (vi) hợp tác với Bộ quốc phòng trong dự án sản xuất nhiên liệu cho mục đích quốc phòng. Ngoài các cuộc họp trực tiếp, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản.

Năm 2019, HĐQT đã ban hành 46 nghị quyết và 392 quyết định, trong đó có các nghị quyết/quyết định quan trọng như sau:

Stt	Ngày	Số quyết định /nghị quyết	Nội dung
1	14/01/2019	00139/NQ-BSR	Nghị quyết về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT (được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)
2	28/01/2019	00328/NQ-BSR	Nghị quyết về việc cho BSR-BF vay kinh phí để duy trì hoạt động nhà máy NLSH Dung Quất

<b>Stt</b>	<b>Ngày</b>	<b>Số quyết định /nghị quyết</b>	<b>Nội dung</b>
3	31/01/2019	00401/NQ-BSR	Nghị quyết về việc thay đổi Người đại diện của BSR tại BSR-BF
4	31/01/2019	00400/NQ-BSR	Nghị quyết về việc chấp thuận sử dụng kinh phí dự phòng từ nguồn kinh phí thực hiện công tác an sinh xã hội năm 2017-2018 của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
5	31/01/2019	00391/NQ-BSR	Nghị quyết về việc thông qua việc lập danh sách cổ đông Công ty để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
6	31/01/2019	00383/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng phương tiện đi lại của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
7	14/02/2019	00474/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế mua sắm hàng hóa và dịch vụ của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
8	14/03/2019	00817/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý và bố trí nhà ở của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
9	20/03/2019	00871/QĐ-BSR	Quyết định thành lập Ban kiểm soát nội bộ và Văn phòng Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
10	10/04/2019	01144/NQ-BSR	Nghị quyết về việc phê duyệt thiết kế FEED và dự toán xây dựng công trình dự án NCMR NMLD Dung Quất
11	24/04/2019	01298/QĐ-BSR	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch mua sắm hàng hóa và dịch vụ chi tiết năm 2019 của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
12	24/04/2019	01297/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế cấp vốn cho Ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất
13	25/04/2019	01312/NQ-BSR	Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
14	07/05/2019	01462/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý nợ của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
15	08/05/2019	01463/NQ-BSR	Nghị quyết phê duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
16	05/06/2019	02096/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế Người đại diện của BSR tại các công ty con/công ty

<b>Stt</b>	<b>Ngày</b>	<b>Số quyết định /nghị quyết</b>	<b>Nội dung</b>
			liên kết
17	11/06/2019	02160/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
18	11/06/2019	02157/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế về chế độ đi công tác trong nước và Chế độ thông tin liên lạc của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
19	25/06/2019	02282/NQ-BSR	Nghị quyết về việc phê duyệt kinh phí thực hiện Chương trình an sinh xã hội của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn năm 2018-2019
20	28/06/2019	02310/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế văn thư, lưu trữ của Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn
21	23/07/2019	02614/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định và công cụ dụng cụ của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
22	06/08/2019	02879/QĐ-BSR	Quyết định về việc phê duyệt Chính sách bán sản phẩm của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
23	13/08/2019	02969/QĐ-BSR	Quyết định về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ
24	14/08/2019	02976/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế thanh lý, nhượng bán tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
25	26/08/2019	03106/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
26	26/08/2019	03104/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế về công tác lễ tân của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
27	27/08/2019	03127/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế cung cấp dịch vụ ra bên ngoài của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
28	29/08/2019	03177/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế khoa học và công nghệ của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
29	29/08/2019	03176/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động sáng kiến sáng chế của BSR



<b>Stt</b>	<b>Ngày</b>	<b>Số quyết định /nghị quyết</b>	<b>Nội dung</b>
30	06/09/2019	03297/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá Nhà cung cấp dầu thô nhập khẩu cho NMLD DQ
31	10/09/2019	03327/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí phục vụ công tác an sinh xã hội của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
32	25/09/2019	03580/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh dầu thô của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
33	04/10/2019	03710/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy chế dân chủ tại Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (sửa đổi, bổ sung)
34	08/10/2019	03780/QĐ-BSR	Quyết định về việc phê duyệt danh sách nhà cung cấp dầu thô nhập khẩu cho NMLD Dung Quất
35	09/10/2019	03811/NQ-BSR	Nghị quyết liên tịch về việc hỗ trợ kinh phí nhằm duy trì hoạt động tối thiểu, bảo vệ tài sản NM Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung
36	11/10/2019	03885/QĐ-BSR	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản lý và sử dụng Quỹ Phúc lợi tập thể Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
37	28/10/2019	04162/QĐ-BSR	Quyết định về việc Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Chi nhánh Công ty cổ phần LHD Bình Sơn - Ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất
38	29/10/2019	04186/QĐ-BSR	Quyết định về việc phê duyệt phương án hỗ trợ duy trì hoạt động tối thiểu cho Nhà máy Nhiên liệu sinh học Dung Quất
39	01/11/2019	04259/QĐ-BSR	Quyết định về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019
40	11/11/2019	04408/QĐ-BSR	Quyết định về việc ban hành Quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và định biên lao động của BSR
41	12/11/2019	04422/QĐ-BSR	Quyết định về việc phê duyệt phương án bán sản phẩm của BSR năm 2020
42	25/12/2019	05171/NQ-BSR	Nghị quyết về việc công tác cán bộ

### **3. Báo cáo hoạt động của từng thành viên HĐQT:**

Căn cứ kế hoạch hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trong năm 2019, tất cả các thành viên HĐQT Công ty đều đã thực hiện nhiệm vụ của mình theo đúng lĩnh vực được phân công, rà soát các vấn đề trọng yếu (về hoạt động, tài chính, tuân thủ và quản lý rủi ro...) với tinh thần trách nhiệm cao, chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty được thông suốt và hoàn thành tốt các nhiệm vụ. Các thành viên HĐQT đã tập trung xem xét chỉ đạo thực hiện các nội dung trọng tâm, bao gồm: rà soát lại chiến lược phát triển/tầm nhìn của Công ty, thực hiện công tác tái cấu trúc, hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty, cải thiện chất lượng công tác pháp chế và quản lý rủi ro, triển khai Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, cập nhật chiến lược đầu thô, đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, tối ưu hóa công suất Nhà máy, ...

Năm 2019, HĐQT Công ty làm việc theo nguyên tắc các thành viên HĐQT cho ý kiến tất cả các vấn đề mà HĐQT xử lý. Đa số các thành viên HĐQT hoạt động theo cơ chế chuyên trách nên nắm bắt kịp thời, sát sao tình hình hoạt động của Công ty, thường xuyên chỉ đạo và cho ý kiến/biểu quyết độc lập đối với các nội dung/tờ trình do Ban điều hành trình. HĐQT đã lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản đề thông qua các vấn đề thuộc quyền hạn HĐQT. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT được thành viên HĐQT xem xét cẩn thận, giám sát, chỉ đạo hoạt động Ban điều hành và được ban hành dưới các hình thức văn bản nghị quyết, quyết định. Các nghị quyết/quyết định của HĐQT đều được thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định đến Ban điều hành và Ban kiểm soát.

Những thành viên HĐQT là đại diện cho phần vốn Nhà nước, ngoài nhiệm vụ tuân thủ các quy định của pháp luật và chế độ quản trị doanh nghiệp thì thành viên HĐQT còn ràng buộc trách nhiệm quản lý, bảo toàn vốn Nhà nước. Trong năm 2019, các thành viên HĐQT đã cùng với Ban điều hành Công ty đã hết sức nỗ lực trong việc áp dụng những giải pháp linh hoạt kịp thời ứng phó với các tác động không thuận lợi của thị trường tình hình dịch bệnh, góp phần đem lại các kết quả tốt nhất cho Công ty và các cổ đông.

### **4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:**

Các thành viên HĐQT độc lập của BSR có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, có năng lực chuyên môn phù hợp với các yêu cầu của Công ty cũng như trong lĩnh vực được phân công. Các ý kiến đóng góp của thành viên HĐQT độc lập trong lĩnh vực được phân công trong năm 2019 đã thể hiện được vai trò, trách nhiệm cao, đảm bảo sự khách quan và độc lập.

### **5. Đào tạo về quản trị Công ty:**

Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị BSR đều đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ BSR và được đào tạo về quản trị Công ty.

### **6. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và cổ đông lớn và người liên quan:**

Trong năm 2019, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đăng ký mua CP theo phương thức giao dịch khớp lệnh 100.000 CP BSR, số lượng cổ phiếu khớp lệnh là 42.000 CP.

Công ty không có thông tin về cổ phần gián tiếp của Cổ đông lớn và người nội bộ.

## **7. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

Trong năm 2019 không phát sinh các giao dịch giữa Công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.

## **8. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng.

## **9. Bổ nhiệm cán bộ:**

Trong năm 2019, HĐQT đã ra quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm ông Nguyễn Hải Âu làm Thành viên độc lập HĐQT; quyết định bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty đối với ông Trần Đoàn Thịnh; quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm ông Bạch Đức Long giữ chức Kế toán trưởng Công ty. Trong tháng 2/2020, HĐQT đã ra quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty đối với ông Bùi Ngọc Dương; quyết định miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Lê Xuân Huyền và ông Nguyễn Quang Hòa; quyết định bổ nhiệm ông Khương Lê Thành, ông Nguyễn Văn Hội giữ chức danh Thành viên HĐQT và HĐQT đã ra quyết định bầu ông Nguyễn Văn Hội giữ chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2022.

## **10. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng Thành viên HĐQT:**

Chi tiết thù lao của HĐQT được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình thông qua báo cáo tiền lương, thu nhập năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của HĐQT và Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán và báo cáo thường niên năm 2019 theo quy định.

Các thành viên HĐQT làm việc thường xuyên tại Công ty, sử dụng phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo, ... theo các quy định hiện hành của Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, chế độ công tác phí, ... Chi phí hoạt động của HĐQT được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.

## **D. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020**

Dự báo tình hình thị trường dầu mỏ năm 2020 diễn biến phức tạp, khó lường và nhiều khó khăn thách thức. Các nhân tố tác động mạnh đến giá dầu và hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR như quan hệ thương mại Mỹ - Trung Quốc, cuộc chiến thị phần giữa các nước OPEC+, tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự báo giảm mạnh đặc biệt sau giai đoạn bùng phát của dịch CoVid-19, quy định của IMO về giới hạn hàm lượng lưu huỳnh tối đa. HĐQT đã đề ra một số nhiệm vụ chính như sau:

### **1. Về chiến lược, kế hoạch:**

- Vận hành NMLD Dung Quất đảm bảo an toàn, ổn định, liên tục.
- Tập trung cao độ, nhạy bén nắm bắt thị trường và khách hàng để giữ vững thị trường, đảm bảo an toàn hiệu quả trong kinh doanh sản phẩm. Chủ động, tự chủ trong kinh doanh dầu thô, đảm bảo nguồn dầu thô cung cấp cho vận hành Nhà máy.
- Nhạy bén, linh hoạt trong việc tối ưu hóa cơ cấu sản phẩm và tối ưu hóa công suất vận hành trên cơ sở cung cầu của thị trường.
- Thực hiện an toàn, thành công tác bảo dưỡng tổng thể (BDTT) lần 4.

- Tối ưu hóa chi phí SXKD, tăng cường hiệu quả của công tác mua sắm, rà soát, tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh triển khai đầu tư dự án NCMR NMLD Dung Quất theo đúng kế hoạch, tiến độ đề ra.
- Chủ động và quyết liệt thực hiện tái cơ cấu Doanh nghiệp theo định hướng chỉ đạo của Tập đoàn, trọng tâm là thực hiện thoái vốn của Tập đoàn tại BSR sau cổ phần hóa. Đồng thời thực hiện quyết liệt việc thoái phần vốn của BSR tại các đơn vị theo phương án tái cấu trúc đã được phê duyệt, trong đó đối với Dự án nhiên liệu sinh học Dung Quất sẽ được thoái vốn ngay sau khi hoàn thành công tác quyết toán dự án, phù hợp với kế hoạch hành động thực hiện Đề án xử lý các dự án, doanh nghiệp yếu kém ngành Công thương tại Quyết định số 4269/QĐ-BCĐĐDNCT ngày 14/11/2017.
- Phối hợp BSR-BF sớm hoàn thành công tác chạy nghiệm thu xử lý nước thải theo quy định, làm cơ sở hoàn thành xử lý tranh chấp, quyết toán Hợp đồng EPC, quyết toán Dự án để triển khai công tác định giá và thoái vốn tại BSR-BF.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu, mô hình tổ chức Công ty đảm bảo hoạt động hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế SXKD của Công ty. Tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.
- Quản lý hệ thống định mức KTKT: tiếp tục rà soát, cập nhật để góp phần nâng cao hiệu quả vận hành, tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện đẩy mạnh công tác Nghiên cứu khoa học nhằm mang lại hiệu quả trực tiếp và thiết thực cho BSR như nâng cao năng suất lao động, nâng cao độ tin cậy của thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất. Áp dụng triệt để các giải pháp tiết giảm tiêu hao nguyên liệu, năng lượng, phụ trợ và vật tư thiết bị... sử dụng cho sản xuất để ngày càng tiết giảm và tiệm cận với chuẩn các NMLD tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

## **2. Về công tác quản trị:**

- Tập trung nâng cao hệ thống quản trị ở tất cả các khâu trong hoạt động SXKD.
- Triển khai giải pháp ERP giai đoạn 1 (bao gồm các phân hệ Quản lý tài chính – kế toán; Kế toán quản trị; Quản lý mua sắm hàng hóa và kho; Quản lý phân phối và bán hàng; Tích hợp hệ thống).
- Tiếp tục rà soát tổng thể các quy trình quản lý/quản trị, tiếp tục thực hiện cải cách hành chính theo hướng xử lý công việc nhanh gọn, hiệu quả phù hợp với xu hướng chuyển đổi số.
- Hoàn thiện hệ thống đánh giá KPI đến cấp Tổ, cá nhân.

**Phụ lục 04**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG, KIỂM TRA GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM**  
**SOÁT CÔNG TY NĂM 2019, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

**Phần A: Báo cáo kết quả hoạt động, kết quả công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát (BKS):**

**I. Báo cáo của BKS về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Ban tổng giám đốc**

**1. Tình hình hoạt động SXKD**

**a. Tình hình sản xuất kinh doanh**

Trong năm 2019, Nhà máy vận hành ổn định, công suất bình quân của Nhà máy đạt cao. Tổng sản lượng sản xuất đạt khoảng 6,94 triệu tấn. Sản lượng tiêu thụ khoảng 6,99 triệu tấn. Doanh thu đạt 103.330 tỷ đồng. Nộp ngân sách 10.311 tỷ đồng.

Về lợi nhuận: Năm 2019 lợi nhuận sau thuế đạt 2.912 tỷ đồng, đây là chỉ tiêu duy nhất thấp hơn kế hoạch năm do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt (đạt 93,94% kế hoạch)

Số liệu cụ thể

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện cả năm 2019	
				Giá trị	Tỷ lệ%/KH năm
1	Sản lượng sản xuất	Ngàn Tấn	6.457	6.941	107,5
2	Sản lượng tiêu thụ	Ngàn Tấn	6.457	6.994	108,3
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	97.783	103.330	105,7
4	Các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	9.202	10.311	112,1
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.100	2.912	93,9

**b. Công tác triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản**

Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất: Dự án đã triển khai được 56 tháng trên kế hoạch tổng thể 78 tháng. Về tổng thể, Dự án đã hoàn thành thiết kế tổng thể FEED; hoàn thành công tác giải phóng đền bù mặt bằng; hoàn thành các hợp đồng bản quyền công nghệ, Phát hành hồ sơ mời thầu hợp đồng EPC (giai đoạn 2), đấu thầu chọn tư vấn thu xếp tài chính phục vụ dự án.

Nhận xét chung là dự án đến nay đã rất chậm so với kế hoạch tổng thể. Việc triển khai dự án có nhiều khó khăn liên quan đến hiệu quả đầu tư, khó khăn trong việc thu xếp vốn.

**c. Công tác nghiên cứu phát triển, tối ưu hóa và tiết kiệm:**

*Tối ưu hóa công nghệ & đa dạng hóa sản phẩm:* Năm 2019, BSR tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác tối ưu hóa vận hành nhằm tối đa hóa lợi nhuận và đa dạng hóa chủng loại dầu thô chế biến, cụ thể như sau: Vận hành các phân xưởng ở mức công suất cao nhất có thể nhằm sản xuất tối đa sản phẩm, tăng lợi nhuận cho Công ty;

Vận hành thử nghiệm nhiều loại dầu thô như Kimanis, Rạng Đông ở mức cao nhằm đa dạng hóa nguồn dầu thô chế biến; Giảm thiểu thải khí đốt ra đūốc đūót.

*Công tác sử dụng và tối ưu hóa năng lượng:* Công ty thường xuyên áp dụng các hình thức tối ưu hóa năng lượng là hoạt động chiến lược nhằm tiết giảm chi phí vận hành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

*Tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh:* BSR đã ban hành các chương trình hành động tiết kiệm, chống lãng phí. Kết quả số liệu tiết kiệm chi phí ước thực hiện năm 2019 theo báo cáo của Công ty là 426 tỷ đồng. Trong năm, Công ty đã áp dụng tất cả các biện pháp kiểm soát chi phí và tối ưu hóa vận hành, dẫn đến ngoại trừ chi phí nguyên liệu chính dầu thô là tăng còn các chi phí khác đều giảm so với kế hoạch.

#### **d. Công tác tái cấu trúc:**

Công ty đang tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu, tìm cổ đōng chiến lược cho công ty; Thực hiện thoái vốn đầu tư của BSR tại các công ty con.

Đánh giá chung: công tác tìm cổ đōng chiến lược không có tiến triển. Công tác thoái vốn của BSR tại PV Building, PMS còn có vướng mắc do phải thực hiện theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ.

#### **e. Công tác quản trị doanh nghiệp**

Công tác quản trị luôn được Ban Lãnh đạo Công ty chú trọng hàng đầu, đưa vào ứng dụng và triển khai hiệu quả các hệ thống quản trị hiện đại, đơn vị cũng hoàn thiện chiến lược phát triển Công ty, xây dựng văn hóa doanh nghiệp tạo môi trường và động lực phát triển bền vững. Cụ thể:

- Đang triển khai các bước đōi với chương trình quản trị ERP;
- Công ty thường xuyên thực hiện công tác giám sát hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, tăng cường hệ thống báo cáo quản trị ...;
- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, tối ưu hóa sản xuất, chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Từng bước ứng dụng quản trị hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ thông tin; Tăng cường trách nhiệm, quyền hạn và chỉ đạo của người đứng đầu BSR đōi với người đại diện vốn của BSR tại doanh nghiệp khác; Chỉ thực hiện đầu tư mới vào lĩnh vực kinh doanh chính và có hiệu quả sau khi được Tập đoàn phê duyệt.
- Đang triển khai việc ban hành cách quy chế, quy định về quản trị đōi với công ty cổ phần.

#### **f. Công tác đầu tư tài chính**

Tính đến thời điểm báo cáo Công ty đã đầu tư vốn vào 4 Công ty trong đó có 2 Công ty con với số vốn là 362 tỉ đồng.

## **II. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và của từng thành viên của BKS:**

Các thành viên BKS làm việc thường xuyên tại Công ty, sử dụng cơ sở vật chất, phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo các quy định hiện hành của Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, chế độ công tác phí,... Chi phí hoạt động

của BKS được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.

Lương, thù lao và chi phí hoạt động của từng thành viên BKS được chi trả tuân thủ theo quy định của Công ty và đã được ĐHCĐ thông qua. Tiền lương/thù lao kế hoạch và thực hiện của các thành viên BKS trong năm 2019 như sau:

STT	Chức danh	Kế hoạch		Thực hiện	
		Số người BQ	Số tiền	Số người BQ	Số tiền
<b>I</b>	<b>Chuyên trách</b>	<b>2</b>	<b>2.006.913.000</b>	<b>2</b>	<b>1.957.100.000</b>
1	Trưởng BKS	1	1.085.707.000	1	1.058.800.000
2	Thành viên BKS	1	921.206.000	1	898.300.000
<b>II</b>	<b>Không chuyên trách</b>	<b>1</b>	<b>184.200.000</b>	<b>1</b>	<b>179.700.000</b>
1	Thành viên BKS	1	184.200.000	1	179.700.000
	<b>Cộng</b>	<b>3</b>	<b>2.191.113.000</b>	<b>3</b>	<b>2.136.800.000</b>

### III. Tổng kết các cuộc họp của BKS, các kết luận, kiến nghị của BKS:

BKS thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý để đánh giá các nội dung hoạt động của BKS, kế hoạch triển khai các công việc trong quý tiếp theo. Các nội dung, ý kiến, kiến nghị của các cuộc họp BKS được gửi cho Ban điều hành Công ty.

Thời điểm	Nội dung Ý kiến-Kiến nghị của BKS đối với HĐQT, TGD Công ty	Đánh giá của BKS về phản hồi của Ban điều hành
Quý I	Tiếp tục giải quyết các khó khăn vướng mắc của hoạt động SXKD của công ty BSR-BF. Để có cơ sở đánh giá hiệu quả cho việc chạy lại, Công ty cần chỉ đạo để đẩy nhanh công tác nghiệm thu và quyết toán đối với nhà máy BSR-BF. Có kiến nghị cấp thẩm quyền hỗ trợ đối với việc thúc đẩy các cổ đông khác thực hiện việc góp vốn theo đúng quy định	- Ban điều hành đã có các chỉ đạo kịp thời, có các giải pháp tháo gỡ các khó khăn đối với Công ty BSR-BF
Quý II	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục giải quyết các khó khăn vướng mắc của hoạt động SXKD của công ty BSR-BF. Để có cơ sở đánh giá hiệu quả cho việc chạy lại, Công ty cần chỉ đạo để đẩy nhanh công tác nghiệm thu và quyết toán đối với nhà máy BSR-BF.</li> <li>- Xây dựng phương án đảm bảo thực hiện thành công kế hoạch 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông giao. Đặc biệt là phương án bù đắp chỉ tiêu lợi nhuận trong 6 tháng cuối năm 2019.</li> <li>- Tiến hành rút kinh nghiệm, giảm thiểu rủi ro xảy ra trong hoạt động của nhà máy, đảm bảo an toàn hiệu quả.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban điều hành đã có các chỉ đạo kịp thời, có các giải pháp tháo gỡ các khó khăn đối với Công ty BSR-BF</li> <li>- Đã có các giải pháp đối với công tác SXKD của Công ty.</li> <li>- Đã khắc phục, có các giải pháp đối với sự cố hỏng quạt tại phân xưởng RFCC</li> <li>- Đã thực hiện, báo cáo việc xử lý tài chính, thoái vốn, tái cơ cấu tuy nhiên do vướng</li> </ul>

Thời điểm	Nội dung Ý kiến-Kiến nghị của BKS đối với HĐQT, TGD Công ty	Đánh giá của BKS về phản hồi của Ban điều hành
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện xử lý tài chính, thoái vốn và tái cơ cấu tại các đơn vị thành viên theo kế hoạch và mục tiêu được phê duyệt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>mắc cơ chế nên chưa thực hiện được công tác thoái vốn tại các đơn vị</li> </ul>
Quý III	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục giải quyết các khó khăn vướng mắc của hoạt động SXKD của công ty BSR-BF. Để có cơ sở đánh giá hiệu quả cho việc chạy lại, Công ty cần chỉ đạo để đẩy nhanh công tác nghiệm thu và quyết toán đối với nhà máy BSR-BF. Có kiến nghị Tập đoàn hỗ trợ đối với việc thúc đẩy các cổ đông khác thực hiện việc góp vốn theo đúng quy định.</li> <li>- Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban KSNB và các Ban chức năng đánh giá các nội dung và khả năng hoàn trả của BSR-BF đối với hợp đồng cho vay hỗ trợ BSR-BF. Ban kiểm soát kiến nghị xem xét tính cần thiết để đưa BSR-BF vào diện kiểm soát tài chính đặc biệt theo quy định.</li> <li>- Xây dựng phương án đảm bảo thực hiện thành công kế hoạch 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông giao. Đặc biệt là phương án bù đắp chỉ tiêu lợi nhuận trong 3 tháng cuối năm 2019.</li> <li>- Thực hiện xử lý tài chính, thoái vốn và tái cơ cấu tại các đơn vị thành viên theo kế hoạch và mục tiêu được phê duyệt.</li> <li>- Đối với việc cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát, đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành và lưu ý cung cấp các văn bản đi/đến, văn bản nội bộ cho Kiểm soát viên “như đối với thành viên Hội đồng quản trị” như quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban điều hành đã tiếp tục có các chỉ đạo kịp thời, có các giải pháp tháo gỡ các khó khăn đối với Công ty BSR-BF</li> <li>- Công ty đang xem xét phương án về kiểm soát đặc biệt đối với BSR-BF</li> <li>- Đã cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cho Ban kiểm soát</li> </ul>
Quý IV	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục giải quyết các khó khăn vướng mắc của hoạt động SXKD của công ty BSR-BF. Thực hiện xử lý tài chính, thoái vốn và tái cơ cấu tại các đơn vị thành viên theo kế hoạch và mục tiêu được phê duyệt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Ban điều hành đã có các chỉ đạo kịp thời, có các giải pháp tháo gỡ các khó khăn đối với Công ty BSR-BF</li> <li>-Đã thực hiện, báo cáo việc xử lý tài chính, thoái vốn, tái cơ cấu tuy nhiên do vướng mắc cơ chế nên chưa thực hiện được công tác thoái vốn tại các đơn vị</li> </ul>

#### IV. Kết quả giám sát hoạt động và tình hình tài chính của Công ty

Trên cơ sở kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động thực tế tại đơn vị và báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Deloitte Việt Nam), kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, BKS đánh giá tình hình tài chính của Công ty trong năm



2019 lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ, bảo toàn và phát triển vốn. Các kết quả đánh giá cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019.
- Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty và được trình bày các mẫu biểu theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế đáp ứng đúng chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Công ty đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn, quản lý tài chính trong năm 2019.

Các chỉ số tài chính cơ bản đều đạt ở mức tốt, cụ thể: Hệ số thanh toán tổng quát là 2,86; Tỷ số thanh toán nhanh là 1,52; Hệ số nợ/Tổng tài sản là 0,35; Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu là 0,53; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu ROE = 8,57%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản ROA = 5,58%.

#### **V. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban tổng giám đốc**

Trong năm 2019 HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp chính để đưa ra những quyết định, chỉ đạo kịp thời trong việc thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHCĐ thông qua. Báo cáo của HĐQT và Ban TGD đã phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động năm 2019 của Công ty.

- HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Ban TGD đã chỉ đạo các ban chức năng nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của HĐQT và ĐHCĐ.
- Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc thực hiện công tác điều hành hoạt động SXKD.
- Ban TGD đã hết sức nỗ lực và điều hành hoạt động của Công ty một cách linh hoạt, luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, nâng cao công tác quản trị, điều hành, thực hiện tốt tối đa hóa sản xuất, tiết kiệm, tiết giảm chi phí, chủ động trong công tác mua đầu thô, tiêu thụ sản phẩm và đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD 2019.

#### **VI. Kết quả đánh giá sự phối hợp của BKS với HĐQT, Ban tổng giám đốc**

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông.

HQĐT và Ban TGD đã phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong công tác kiểm tra, giám sát. Cung cấp đầy đủ thông tin, mời tham gia các cuộc họp và thực hiện các khuyến nghị của BKS đưa ra.

#### **VII. Về mối quan hệ giữa BKS/Thành viên BKS với cổ đông:**

BKS đã thực hiện gửi Báo cáo giám sát định kỳ cho Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trong năm 2019 BKS không nhận được yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông về việc thực hiện kiểm tra một nội dung/vụ việc nào theo quy định tại Điểm 6, Điều 165-Quyền và nghĩa vụ của BKS- của Luật Doanh nghiệp.

## **VIII. Báo cáo tự đánh giá kết quả của BKS và từng thành viên BKS**

### **1. Hoạt động của BKS**

Hoạt động của BKS được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ; các thành viên BKS cùng chịu trách nhiệm chung đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của BKS. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc theo dõi, giám sát các hoạt động của Công ty theo quy định.

BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tại đơn vị trong năm 2019 dựa trên kế hoạch hoạt động đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

- Việc chấp hành điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định nội bộ Công ty;
- Sử dụng và bảo tồn vốn; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019; thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm/tiết giảm chi phí; thực hiện các dự án đầu tư; thẩm định các báo cáo tài chính.
- Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua việc xem xét, đánh giá các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, phòng ban về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty; kiểm tra trực tiếp hoạt động tại các đơn vị/phòng ban; giám sát việc thực hiện kiến nghị các đoàn kiểm tra thanh tra, kiểm tra, của đơn vị cấp trên; tham gia các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty, .... Qua đó, BKS đã có những đề xuất, kiến nghị kịp thời đến HĐQT, Ban TGD Công ty.

BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ của BKS.

### **2. Hoạt động của từng thành viên**

BKS gồm có 03 thành viên, các Kiểm soát viên thực hiện chức trách, nhiệm vụ dựa trên sự phân công công việc cụ thể như sau:

#### **- Ông Phạm Ngọc Quý – Trưởng BKS**

- Phụ trách chung trong việc điều hành hoạt động của BKS.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát trong năm và tổ chức triển khai thực hiện.
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định Nhà nước, điều lệ Công ty, việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát công tác đầu tư, mua sắm; định mức kinh tế - kỹ thuật; công tác nhân sự, đào tạo.
- Xem xét, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC hàng năm trình ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

#### **- Ông Hoàng Ngọc Xuân – Thành viên BKS:**

- Kiểm tra các hoạt động liên quan đến công tác tài chính, xem xét các hoạt động của Ban Tài chính Kế toán Công ty.
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính.

- Giám sát việc sử dụng, quản lý và bảo toàn vốn tại Công ty
  - Tham gia xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát trong năm.
  - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
- **Ông Vũ Lê Huy – Thành viên BKS không chuyên trách**
- Giám sát công tác triển khai dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất.
  - Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm.
  - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

*Nhận xét:* Các thành viên của BKS đã thực hiện tốt vai trò chức trách của mình đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

## **IX. Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán:**

### **1. Nhận xét chung:**

BKS cho rằng Báo cáo tài chính (BCTC) riêng và BCTC hợp nhất năm 2019 của BSR đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **2. Về việc thực hiện chế độ kế toán và Báo cáo tài chính:**

- BCTC riêng của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất năm 2019 đã được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính hợp lý, tuân thủ các quy định, các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam.

- BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng và hợp nhất của BSR tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng, hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

- Thuyết minh BCTC riêng và BCTC hợp nhất được trình bày rõ ràng theo đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam. Ý kiến nhấn mạnh của Kiểm toán trong BCTC riêng và BCTC hợp nhất dựa trên căn cứ thích hợp và phù hợp với nguyên tắc thận trọng của kiểm toán.

### **3. Về số liệu của Báo cáo tài chính năm 2019 của BSR:**

Ban Kiểm soát nhất trí với các số liệu thể hiện trong BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2019 của BSR đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

### **4. Về số liệu của Báo cáo tài chính năm 2019 của BSR:**

BKS nhất trí với các số liệu thể hiện trong BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2019 của BSR đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

### **5. Vấn đề ngoại trừ và nhấn mạnh trong BCTC 2018 của BSR:**

Trong BCTC riêng và BCTC Hợp nhất năm 2019 của BSR, Kiểm toán Deloitte đã lưu ý 02 vấn đề cần nhấn mạnh và không có yếu tố ngoại trừ, cụ thể:

**Vấn đề cần nhấn mạnh của Kiểm toán trong BCTC riêng và hợp nhất :** Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết Minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng/hợp nhất cho kỳ hoạt động đầu tiên sau khi Công ty chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018 cho mục đích cung cấp thông tin và không so sánh được do kỳ kế toán không tương ứng. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng/hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

**Ý kiến của BKS:** Việc BSR chưa được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa có thể làm thay đổi các khoản mục trên báo cáo tài chính và các thuyết minh tương ứng tùy thuộc vào sự phê duyệt cuối cùng của các cơ quan có thẩm quyền.

**Vấn đề cần nhấn mạnh của Kiểm toán trong BCTC hợp nhất:** “Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (“BSR-BF” - Công ty con của Công ty) đã tạm ghi tăng nguyên giá các tài sản cố định của dự án Nhà máy Nhiên liệu sinh học Bio-Ethanol Dung Quất (“Nhà máy”) trong năm 2014 và hiện nay, đang tạm dừng hoạt động sản xuất. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, BSR-BF đang trong quá trình thực hiện các thủ tục quyết toán chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy và tiếp tục thực hiện các kiến nghị của Thanh tra chính phủ theo Thông báo số 3129/TB-TTCT ngày 24/11/2016. Tại ngày 31/12/2019, lỗ lũy kế và thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn của BSR-BF và các vấn đề khác nên trên dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của BSR-BF.”

**Ý kiến của Ban Kiểm soát:** Tại ngày lập báo cáo tài chính, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán cổ phần hóa vì vậy việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư và BSR-BF dựa trên cơ sở không chắc chắn và có thể bị thay đổi.

## **Phần B: Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2020**

BKS sẽ tiếp tục tập trung giám sát, kiểm tra định kỳ hoạt động của Công ty cũng như tăng cường công tác phối hợp giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và các phòng/ban liên quan sao cho việc tiếp nhận và xử lý thông tin giữa các bên hiệu quả nhất. Kế hoạch hoạt động trong năm 2020 chủ yếu tập trung vào các nội dung:

- Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ: Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật nhà nước...;
- Kiểm tra/giám sát, đánh giá:
  - Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
  - Tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn;
  - Bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.
- Kiểm tra công tác thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý.
- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai, tiến độ và hiệu quả các dự án đầu tư
- Kiểm tra giám sát việc xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp

tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm (nếu có).

- Kiểm tra giám sát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết và việc bảo toàn vốn đầu tư của Công ty Công tác đầu tư vốn của Công ty tại các công ty này
- Tiếp tục kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác tái cấu trúc theo các chỉ thị, nghị quyết được phê duyệt.
- Kiểm tra, xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, công tác đấu thầu, quản lý tài chính.
- Kiểm tra giám sát công tác triển khai nâng cấp và mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- Đề xuất đại hội đồng cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra công tác thực hiện các Quy chế, Quy định của Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính theo quy định.
- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

**Phụ lục 05 - Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2019 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2020 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ về việc quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1312/NQ-BSR ngày 25/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn,

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện tiền lương, thù lao năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn như sau:

**I. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 của HĐQT, BKS**

Căn cứ kế hoạch tiền lương, thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 như sau:

STT	Chức danh	Kế hoạch		Thực hiện	
		Số người BQ	Số tiền (đồng)	Số người BQ	Số tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Chuyên trách</b>	<b>7,64</b>	<b>8.563.000.000</b>	<b>7,23</b>	<b>7.853.800.000</b>
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1,00	1.266.659.000	0,68	833.800.000
2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1,00	1.250.209.000	1,00	1.219.200.000
3	Thành viên Hội đồng quản trị	3,64	4.039.219.000	3,55	3.843.700.000
4	Trưởng Ban kiểm soát	1,00	1.085.707.000	1,00	1.058.800.000
5	Thành viên Ban Kiểm soát	1,00	921.206.000	1,00	898.300.000
<b>II</b>	<b>Không chuyên trách (*)</b>	<b>1,00</b>	<b>184.200.000</b>	<b>1,33</b>	<b>260.000.000</b>
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0	0	0,33	80.300.000
2	Thành viên Ban Kiểm soát	1,00	184.200.000	1,00	179.700.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>8.747.200.000</b>		<b>8.113.800.000</b>

(\*) Ghi chú: Thực tế trong năm 2019, BSR có 02 Người quản lý không chuyên trách với thời gian làm việc cụ thể như sau:

- Ông Lê Xuân Huyền:

+ Từ 01/01/2019 – 03/09/2019: Chủ tịch HĐQT BSR chuyên trách.

+ Từ 04/09/2019 – 31/12/2019: Phó Tổng Giám đốc PVN kiêm nhiệm Chủ tịch HĐQT BSR (3,9 tháng).

- Ông Vũ Lê Huy - Kiểm soát viên DQS kiêm nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát BSR trong năm 2019 (12 tháng).

## II. Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2020 của HĐQT, BKS

### 1. Số lượng Thành viên HĐQT, BKS: 09 người.

+ Hội đồng quản trị gồm 06 người: 01 Chủ tịch HĐQT (ông Lê Xuân Huyền kiêm nhiệm Chủ tịch HĐQT từ 01/01/2020 đến 03/02/2020, ông Nguyễn Văn Hội bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT từ 04/02/2020), 01 thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc và 04 thành viên HĐQT (trong đó có 02 Thành viên độc lập HĐQT).

+ Ban Kiểm soát gồm 03 người: 01 Trưởng ban, 01 Thành viên BKS chuyên trách và 01 Thành viên BKS kiêm nhiệm.

### 2. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020 của HĐQT, BKS:

STT	Chức danh	Số người BQ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Chuyên trách</b>	<b>7,83</b>	<b>8.304.200.000</b>	
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0,91	1.096.900.000	
2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1,00	1.186.500.000	
3	Thành viên Hội đồng quản trị	3,92	4.116.700.000	
4	Trưởng Ban kiểm soát	1,00	1.030.300.000	
5	Thành viên Ban Kiểm soát	1,00	873.800.000	
<b>II</b>	<b>Không chuyên trách (**)</b>	<b>1,09</b>	<b>196.200.000</b>	Hưởng bằng 20% mức tiền lương của Thành viên chuyên trách
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0,09	21.100.000	
2	Thành viên Ban Kiểm soát	1,00	175.100.000	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>8.500.400.000</b>	

(\*\*) Ghi chú: Kế hoạch năm 2020, BSR có 02 Người quản lý không chuyên trách: Ông Lê Xuân Huyền - Phó Tổng Giám đốc PVN kiêm nhiệm Chủ tịch HĐQT BSR từ 01/01/2020 đến 03/02/2020 (1,05 tháng) và ông Vũ Lê Huy - Kiểm soát viên DQS kiêm nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát BSR (12 tháng).

Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT, BKS sẽ được thực hiện và điều chỉnh tùy thuộc vào số lượng thành viên chuyên trách, không chuyên trách và kết quả hoạt động SXKD của Công ty phù hợp với quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn

thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.



## Phụ lục 06 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1312/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1312/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

### 1. Bảng cân đối kế toán:

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2019 Công ty mẹ	Ngày 31/12/2019 Hợp nhất
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>26.763.219.059.007</b>	<b>26.895.631.213.358</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	8.319.298.565.883	8.352.397.877.468
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	4.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	9.920.309.508.712	9.972.423.123.156
Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9.756.155.809.041	9.754.734.792.457
IV. Hàng tồn kho	8.475.333.350.140	8.515.237.725.245
V. Tài sản ngắn hạn khác	46.277.634.272	51.572.487.489
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>25.454.993.387.089</b>	<b>26.688.361.782.701</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	542.434.551.736	533.509.547.749
II. Tài sản cố định	23.395.129.591.839	24.847.509.724.927
V. Đầu tư tài chính dài hạn	229.803.304.387	10.018.235.823
VI. Tài sản dài hạn khác	264.749.198.339	270.825.849.092
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>52.218.212.446.096</b>	<b>53.583.992.996.059</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>18.242.558.329.309</b>	<b>19.530.395.992.348</b>
I. Nợ ngắn hạn	12.013.493.136.242	12.916.387.379.661
Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn	7.096.119.738.696	7.067.941.410.738
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>33.975.654.116.787</b>	<b>33.980.054.211.015</b>
I. Vốn chủ sở hữu	33.975.654.116.787	33.980.054.211.015

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2019 Công ty mẹ	Ngày 31/12/2019 Hợp nhất
Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu	31.004.996.160.000	31.004.996.160.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.970.657.956.787	2.975.058.051.015
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>52.218.212.446.096</b>	<b>53.510.450.203.363</b>

2. Kết quả kinh doanh:

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019 Công ty mẹ	Năm 2019 Hợp nhất
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.724.546.230.672	102.823.752.645.297
2. Giá vốn hàng bán	98.697.523.697.030	98.850.991.293.829
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.027.022.533.642	3.972.761.351.468
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.026.492.090.811	2.989.878.369.540
5. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.087.515.647.745	3.054.394.241.670
6. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.912.421.396.083	2.872.997.410.347
7. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		2.913.820.263.418
8. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(40.822.853.071)

Ngoài ra, trên BCTC riêng và hợp nhất, Kiểm toán nêu ý kiến nhấn mạnh như sau:

Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC riêng:

*“Nhu trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động đầu tiên sau khi Công ty chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho mục đích cung cấp thông tin và không so sánh được do kỳ kế toán không tương ứng. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.”*

Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC hợp nhất:

*“Nhu trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động đầu tiên sau khi Công ty chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho mục đích cung cấp thông tin và*

*không so sánh được do kỳ kế toán không tương ứng. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.”*

*“Nhu trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Nhiên liệu và Sinh học Dầu khí Miền Trung (“BSR-BF” - Công ty con của Công ty) đã tạm ghi tăng nguyên giá các tài sản cố định của dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất (“Nhà máy”) trong năm 2014 và hiện nay, đang tạm dừng hoạt động sản xuất. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, BSR-BF đang trong quá trình thực hiện các thủ tục quyết toán chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy và tiếp tục thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo Thông báo số 3129/TB-TTCP ngày 24 tháng 11 năm 2016. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, lỗ lũy kế và thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn của BSR-BF và các vấn đề khác nêu trên dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của BSR-BF. Kế hoạch của Ban Giám đốc BSR-BF liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 01.”*

BSR đã và đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền về việc phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung đã tạm ghi tăng nguyên giá các tài sản cố định của dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất (“Nhà máy”) với số tiền là 1.790 tỷ đồng trong năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang trong quá trình thực hiện các thủ tục quyết toán chi phí đầu tư xây dựng và tiếp tục thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo Thông báo số 3129/TB-TTCP ngày 24 tháng 11 năm 2016. Giá trị quyết toán Nhà máy sẽ được điều chỉnh (nếu có) khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHCĐ Công ty xem xét, thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Người Phụ trách quản trị Công ty;
- Thư ký Công ty;
- Website BSR;
- Lưu: VT, VP HĐQT, binhvt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**  
*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

(  
:  
)

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 39

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)
Ông Lê Xuân Huyền	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)
Ông Bùi Minh Tiến	Thành viên
Ông Hà Đông	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Phước	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Hải Âu	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019)
Ông Khương Lê Thành	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)
Ông Nguyễn Quang Hòa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Bùi Minh Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nghiêm Đức Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Thái Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đoàn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Dương	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03 tháng 02 năm 2020)
Ông Nguyễn Văn Hội	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)
Ông Khương Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

11/07/2019  
ĐC  
E1  
H1

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Đinh Thái Hà**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
(Theo Quyết định ủy quyền số 4142/QĐ-BSR ngày 28 tháng 10  
năm 2019 của Tổng Giám đốc Công ty)

Ngày 17 tháng 3 năm 2020

50  
G 1  
HH  
N  
2-1

Số: 0678 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2020, từ trang 5 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đồng thời chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

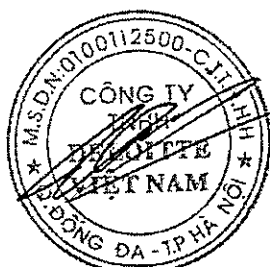


## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động đầu tiên sau khi Công ty chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho mục đích cung cấp thông tin và không so sánh được do kỳ kế toán không tương ứng. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0891-2018-001-1

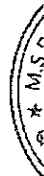
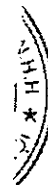
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 17 tháng 3 năm 2020  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1924-2018-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>26.763.219.059.007</b>	<b>23.913.177.428.533</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>8.319.298.565.883</b>	<b>5.740.507.130.037</b>
1. Tiền	111		384.668.870.374	905.877.434.528
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.934.629.695.509	4.834.629.695.509
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.000.000.000	2.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.920.309.508.712</b>	<b>8.911.615.191.594</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	9.756.155.809.041	8.749.427.049.423
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	110.941.745.898	124.038.077.821
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	51.098.609.976	33.902.094.807
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.113.343.797	4.247.969.543
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>8.475.333.350.140</b>	<b>9.188.786.184.058</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.493.105.831.582	9.442.448.591.737
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.772.481.442)	(253.662.407.679)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>46.277.634.272</b>	<b>70.268.922.844</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	43.469.758.885	16.218.538.206
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.271.726	31.214.090
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	2.806.603.661	54.019.170.548
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>25.454.993.387.089</b>	<b>27.934.095.552.799</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>542.434.551.736</b>	<b>525.170.152.590</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	533.509.547.749	521.395.822.590
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		8.925.003.987	3.774.330.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.395.129.591.839</b>	<b>25.768.388.710.070</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	23.047.317.847.387	25.361.124.799.236
- Nguyên giá	222		45.337.089.884.008	45.151.243.189.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.289.772.036.621)	(19.790.118.390.208)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	347.811.744.452	407.263.910.834
- Nguyên giá	228		794.978.812.522	769.088.948.251
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(447.167.068.070)	(361.825.037.417)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.022.876.740.788</b>	<b>986.737.352.963</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.022.876.740.788	986.737.352.963
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>229.803.304.387</b>	<b>313.480.888.331</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		351.664.874.292	351.664.874.292
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.244.000.000	11.244.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(133.105.569.905)	(49.427.985.961)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>264.749.198.339</b>	<b>340.318.448.845</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	264.749.198.339	340.318.448.845
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>52.218.212.446.096</b>	<b>51.847.272.981.332</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>18.242.558.329.309</b>	<b>20.591.533.160.628</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.013.493.136.242</b>	<b>12.422.702.595.169</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	7.096.119.738.696	6.031.357.171.338
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		729.076.839	76.600.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.323.295.116.408	779.627.766.616
4. Phải trả người lao động	314		132.717.600.969	133.241.682.543
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	72.987.599.341	1.528.529.704.158
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	2.869.652.856.908	1.618.291.990.388
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	400.000.000.000	2.291.723.317.194
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		117.991.147.081	39.854.362.932
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.229.065.193.067</b>	<b>8.168.830.565.459</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		2.771.193.987	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	4.813.997.880.000	6.753.016.820.000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	20	1.412.296.119.080	1.415.813.745.459
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>33.975.654.116.787</b>	<b>31.255.739.820.704</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>33.975.654.116.787</b>	<b>31.255.739.820.704</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.004.996.160.000	31.004.996.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.004.996.160.000	31.004.996.160.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.970.657.956.787	250.743.660.704
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		186.153.660.704	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.784.504.296.083	250.743.660.704
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>52.218.212.446.096</b>	<b>51.847.272.981.332</b>



Lê Thị Hồng Trâm  
 Người lập biểu



Bạch Đức Long  
 Kế toán trưởng



Đinh Thái Hà  
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

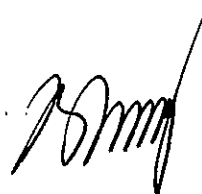
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	102.724.546.230.672	56.055.058.673.292
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		102.724.546.230.672	56.055.058.673.292
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	98.697.523.697.030	55.075.966.629.888
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.027.022.533.642	979.092.043.404
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	540.611.746.886	338.994.056.719
6. Chi phí tài chính	22	28	450.120.163.243	509.272.928.715
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		311.410.605.185	195.514.928.178
7. Chi phí bán hàng	25	29	710.446.673.326	373.252.220.045
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	380.575.353.148	168.151.769.407
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		3.026.492.090.811	267.409.181.956
10. Thu nhập khác	31	30	65.215.359.148	9.627.101.215
11. Chi phí khác	32	31	4.191.802.214	2.166.832.005
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		61.023.556.934	7.460.269.210
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.087.515.647.745	274.869.451.166
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	175.094.251.662	24.125.790.462
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		2.912.421.396.083	250.743.660.704



Lê Thị Hồng Trâm  
Người lập biểu



Bạch Đức Long  
Kế toán trưởng



Đinh Thái Hà  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<b>01</b>	<b>3.087.515.647.745</b>	<b>274.869.451.166</b>
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.583.758.405.138	1.282.621.688.091
Các khoản dự phòng	03	(152.212.342.293)	303.090.393.640
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(90.571.666.216)	76.126.821.860
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(346.251.704.941)	(222.698.804.182)
Chi phí lãi vay	06	311.410.605.185	195.514.928.178
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	57.718.950.430
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>5.393.648.944.618</b>	<b>1.967.243.429.183</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(961.061.755.838)	1.417.626.623.719
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	949.342.760.155	(344.137.886.483)
Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.835.413.382)	(1.281.096.161.980)
Giảm chi phí trả trước	12	48.318.029.827	104.721.742.505
Tiền lãi vay đã trả	14	(314.058.808.996)	(197.414.338.036)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(84.201.965.721)	(184.441.604.678)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	8.709.901.052	4.843.930.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(116.628.511.254)	(38.236.568.715)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>4.922.233.180.461</b>	<b>1.449.109.165.515</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(268.468.418.514)	(125.589.832.720)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	489.500.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.150.673.987)	(3.774.330.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	331.972.544.727	251.104.488.042
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>58.842.952.226</b>	<b>121.740.325.322</b>

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	13.328.000.892.845	4.290.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.223.349.059.443)	(7.131.479.211.573)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(506.245.087.886)	(4.850.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>(2.401.593.254.484)</b>	<b>(7.691.479.211.573)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50=20+30+40)	50	2.579.482.878.203	(6.120.629.720.736)
Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	5.740.507.130.037	11.861.209.118.484
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(691.442.357)	(72.267.711)
Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ (70=50+60+61)	70	8.319.298.565.883	5.740.507.130.037

Lê Thị Hồng Trâm  
Người lập biểu

Bạch Đức Long  
Kế toán trưởng

Đinh Thái Hà  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2020

10/01/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH MTV Lộc hóa dầu Bình Sơn (là công ty con do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3404000189 ngày 05 tháng 6 năm 2008).

Công ty thực hiện chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lộc hóa dầu Bình Sơn. Công ty hoàn thành bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 17 tháng 01 năm 2018 và chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCOM với mã chứng khoán BSR. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01 tháng 3 năm 2018.

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 với vốn điều lệ là 31.004.996.160.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp và các giấy chứng nhận thay đổi.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.508 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.516).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong ngành lọc - hóa dầu;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát lắp thiết bị công trình, hoàn thiện hệ thống đường ống dầu khí, kho chứa dầu khí;
- Đào tạo nguồn nhân lực, thuê và cung cấp chuyên gia về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ phân tích, dầu thô, sản phẩm dầu mỏ và các hoá chất, phụ gia, xúc tác, nhiên liệu sinh học liên quan đến lĩnh vực lọc - hóa dầu;
- Dịch vụ hải cảng, cảng biển liên quan đến ngành lọc - hóa dầu;
- Đầu tư và phát triển các dự án lọc - hóa dầu, nhiên liệu sinh học trong và ngoài nước.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Ban quản lý Dự án Nâng cấp Mở rộng Nhà máy Lộc dầu Dung Quất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 02 công ty con sau:

	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ góp vốn</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ</u>	<u>Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2019 (*)</u> VND	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Quảng Ngãi	83,26%	83,26%	145.892.845.365	Quản lý nhà ở và kinh doanh dịch vụ khu dân cư, khu đô thị
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	65,54%	61,00%	205.772.028.927	Sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm nhiên liệu sinh học

(\*) Giá trị đầu tư tại ngày cuối năm được Công ty xác định bằng giá gốc của khoản đầu tư trừ giá trị tổn thất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Thuyết minh số 5).

Công ty Cổ phần Nhiên liệu và Sinh học Dầu khí Miền Trung chính thức hoạt động thương mại từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và đang tạm dừng hoạt động sản xuất.

### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Số liệu trình bày trên cột so sánh của Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Số liệu trình bày trên cột so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động đầu tiên sau khi Công ty chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho mục đích cung cấp thông tin và không so sánh được do kỳ kế toán không tương ứng.

### **Quyết toán cổ phần hóa**

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo quy định hiện hành yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

##### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

##### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

11/07/2011

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành sản xuất của từng loại sản phẩm xăng, dầu hàng tháng được xác định như sau: chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm được xác định theo mức tiêu hao nguyên vật liệu thực tế đối với từng sản phẩm; chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm.

Giá trị các sản phẩm dở dang tại thời điểm cuối tháng được xác định theo mức độ hoàn thành của các sản phẩm dở dang.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của các sản phẩm lọc hóa dầu và dầu thô tồn kho được Công ty xác định như sau:

- Thành phẩm lọc hóa dầu: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở giá bán ước tính trừ đi các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Sản phẩm lọc hóa dầu dở dang: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở quy đổi về thành phẩm tương đương và giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Dầu thô: Theo hướng dẫn tại Công văn số 2801/BTC-CĐKT ngày 02 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho, dầu thô tồn kho của Công ty tại thời điểm trích lập dự phòng có giá gốc trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và giá bán sản phẩm được sản xuất từ dầu thô bị giảm giá thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với dầu thô trên cơ sở giá trị thuần có thể thực hiện được của dầu thô (giá bán ước tính của dầu thô).

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài

sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u>
	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 20
<i>Trong đó: Máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu</i>	<i>10 - 20</i>
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 25
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 5

Theo Quyết định số 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2012 về một số cơ chế tài chính của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn) (sau đây gọi tắt là "Quyết định 952"), Công ty được trích khấu hao tài sản cố định đối với thiết bị chính của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất trong thời gian tối đa là 20 năm.

Theo Công văn số 18327/BTC-CĐKT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho, cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty được tính giá trị hàng tồn kho cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào nguyên giá tài sản cố định. Đồng thời, số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập đến năm 2016 sẽ được hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định. Về mức khấu hao và thời điểm trích khấu hao, Công ty trích khấu hao của dây chuyền nhà máy trên cơ sở giá trị đã bao gồm giá trị hàng tồn kho cố định trong đường ống được xác định như trên từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 theo thời gian sử dụng ước tính còn lại của tài sản cố định (nhóm máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu).

Căn cứ vào khối lượng hàng tồn kho cố định là dầu thô, sản phẩm trung gian, thành phẩm tồn cố định trong đường ống, thiết bị và bể chứa của Công ty theo Chứng thư giám định khối lượng hàng tồn kho cố định số 17631001 ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam, Công ty đã xác định giá trị hàng tồn kho cố định được hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền khoảng 1.007 tỷ VND và đã ghi giảm giá trị hàng tồn kho với số tiền tương ứng. Việc điều chỉnh giá trị và hạch toán hàng tồn kho như trên đã được Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (đơn vị cổ phần hóa) phê duyệt tại Quyết định số 905/QĐ-BSR ngày 17 tháng 3 năm 2017. Công ty kế thừa và tiếp tục theo dõi giá trị hàng tồn kho cố định nêu trên.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u>
	Số năm
Bản quyền, bằng sáng chế	15
Phần mềm máy tính	3
Tài sản cố định vô hình khác	6

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phản ánh chi phí bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí bảo hiểm nhân thọ và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm nhân thọ được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí cải tạo và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí trích trước khác chưa chi nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong năm.

Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản khác là các chi phí khác đã phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.

### **Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm. Trong năm 2019, dựa trên tình hình sử dụng quỹ, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trích lập thêm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

### **Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng:*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

11/01/2020

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

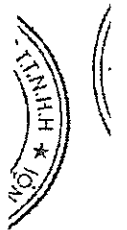
**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Quyết định 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2012, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 30 năm từ năm 2010 đến năm 2029; được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong thời gian 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ Dự án Nhà máy Lộc dầu Dung Quất. Năm 2019 là năm thứ sáu (6) Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam với một số ưu đãi cho Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đầu tư số 13/ƯĐĐT ngày 15 tháng 02 năm 2006 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, cụ thể: được miễn nộp tiền thuế đất trong suốt thời gian thực hiện dự



án; được miễn nộp tiền sử dụng đất; được miễn nộp thuế sử dụng đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn chất lượng trong 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất; được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu chất lượng.

Theo Công văn số 520/CT-TTHT của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi ngày 05 tháng 3 năm 2018, Công ty TNHH MTV Lộc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn) đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn (khu Kinh tế Dung Quất) thì thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi (bao gồm cả khoản Chênh lệch lãi tiền gửi ngân hàng lớn hơn lãi tiền vay, thu nhập từ cung cấp dịch vụ tại cảng biển, và các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi).

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	504.009.260	669.580.425
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	384.164.861.114	905.207.854.103
Các khoản tương đương tiền (*)	7.934.629.695.509	4.834.629.695.509
	<b><u>8.319.298.565.883</u></b>	<b><u>5.740.507.130.037</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tương đương tiền bao gồm 2.734.629.695.509 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.734.629.695.509 VND) là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi đang tạm dừng giao dịch. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Quảng Ngãi đang tạm dừng giao dịch. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Tỷ lệ	Dự phòng	Giá gốc	Tỷ lệ	Dự phòng
	VND	%		VND	%	
<b>b1) Đầu tư vào công ty con</b>	<b>351.664.874.292</b>		<b>(131.879.805.728)</b>	<b>351.664.874.292</b>		<b>(49.427.985.961)</b>
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	145.892.845.365	83,26%	-	145.892.845.365	83,26%	-
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (*)	205.772.028.927	65,54%	(131.879.805.728)	205.772.028.927	65,54%	(49.427.985.961)
<b>b2) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>11.244.000.000</b>		<b>(1.225.764.177)</b>	<b>11.244.000.000</b>		<b>-</b>
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	7.000.000.000	8,75%	-	7.000.000.000	8,75%	-
Công ty TNHH Kho ngâm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	4.244.000.000	5,03%	(1.225.764.177)	4.244.000.000	5,77%	-
	<b>362.908.874.292</b>		<b>(133.105.569.905)</b>	<b>362.908.874.292</b>		<b>(49.427.985.961)</b>

(\*) Giá trị đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung ("BSR-BF") trước xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần là 742.165.320.000 VND. Công ty đã đánh giá, xác định giá trị tổn thất của khoản đầu tư vào BSR-BF tương đương với giá trị dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào BSR-BF đã trích lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và quyết định sử dụng toàn bộ giá trị khoản dự phòng đã trích lập để bù đắp tổn thất tại thời điểm Công ty chuyển thành công ty cổ phần với số tiền là 536.393.291.073 VND. Do đó, Công ty trình bày giá gốc của khoản đầu tư vào BSR-BF là 205.772.028.927 VND.

Tóm tắt tình hình hoạt động công ty con trong năm:

Trong năm 2019, kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí có lãi còn của Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung bị lỗ.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	3.535.894.938.330	3.165.211.371.019
Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	781.224.375.250	709.077.185.116
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	417.493.076.919	280.583.780.611
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	368.899.103.335	186.109.698.117
Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ	356.963.568.927	343.364.195.401
Công ty Cổ phần thương mại đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	337.646.814.576	-
Công ty TNHH một thành viên Tổng công ty Xăng dầu Quân đội	228.173.977.433	209.827.987.448
Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	172.609.849.830	268.885.735.528
Công ty Cổ phần Nhựa OPEC	159.266.036.547	269.853.743.082
Các khách hàng khác	1.545.441.578.600	1.766.262.585.465
<b>b. Phải thu khách hàng các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)		
	1.852.542.489.294	1.550.250.767.636
	<b>9.756.155.809.041</b>	<b>8.749.427.049.423</b>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Man Energy Solutions Malaysia ES Sdn. Bhd	110.941.745.898	124.038.077.821
Remosa Sri	20.302.087.680	-
Albemarle Singapore Pte. Ltd	10.359.832.411	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ SIB Việt Nam	9.156.456.181	16.338.745.518
Các đối tượng khác	7.876.000.000	-
	63.247.369.626	107.699.332.303
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>		
Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất (*)	533.509.547.749	521.395.822.590
	533.509.547.749	521.395.822.590
	<b>644.451.293.647</b>	<b>645.433.900.411</b>
<i>Trong đó: Trả trước cho các bên liên quan</i> (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	1.893.955.833	1.866.499.833

(\*) Phản ánh khoản tiền Công ty ứng trước cho Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất từ năm 2015 để thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng cho Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lộc dầu Dung Quất.



8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	40.190.646.258	26.185.224.707
Phải thu về cổ phần hóa	5.701.672.688	5.701.672.688
Tạm ứng	1.118.321.793	461.400.000
Phải thu khác	4.087.969.237	1.553.797.412
	<b>51.098.609.976</b>	<b>33.902.094.807</b>
<i>Trong đó: Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	<i>1.163.651.175</i>	<i>1.373.441.175</i>

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	2.149.988.909.171	-	2.088.100.419.061	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.896.927.568.494	(1.294.708.510)	3.159.296.605.527	(495.369.860)
Công cụ, dụng cụ	1.553.782.335.777	(11.008.550.222)	1.485.475.565.884	(4.567.441.194)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	964.968.968.977	(2.786.333.815)	999.032.491.711	(85.996.525.519)
Thành phẩm	927.438.049.163	(2.682.888.895)	1.710.543.509.554	(162.603.071.106)
	<b>8.493.105.831.582</b>	<b>(17.772.481.442)</b>	<b>9.442.448.591.737</b>	<b>(253.662.407.679)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 17.772.481.442 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 253.662.407.679 VND) đối với hàng tồn kho bị giảm giá, kém phẩm chất và có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc của các hàng tồn kho này.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>43.469.758.885</b>	<b>16.218.538.206</b>
Bảo hiểm con người, rủi ro tài sản	33.677.203.004	3.012.263.115
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.792.555.881	13.206.275.091
<b>b. Dài hạn</b>	<b>264.749.198.339</b>	<b>340.318.448.845</b>
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	257.751.270.212	302.572.239.075
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.997.928.127	37.746.209.770
	<b>308.218.957.224</b>	<b>356.536.987.051</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	6.374.288.744.113	38.109.345.367.920	154.924.429.584	512.129.979.915	554.667.912	45.151.243.189.444
Tăng trong năm	-	106.272.351.424	-	28.610.162.634	-	134.882.514.058
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	33.998.560.506	-	-	17.574.500.000	-	51.573.060.506
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(608.880.000)	-	-	(608.880.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.408.287.304.619</b>	<b>38.215.617.719.344</b>	<b>154.315.549.584</b>	<b>558.314.642.549</b>	<b>554.667.912</b>	<b>45.337.089.884.008</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	2.362.442.493.384	17.095.189.756.034	81.439.923.885	250.561.548.986	484.667.919	19.790.118.390.208
Khấu hao trong năm	297.755.886.421	2.105.680.367.419	14.043.685.538	81.835.441.795	18.666.672	2.499.334.047.845
Khấu hao tài sản của dự án, tài sản cho mục đích phúc lợi	263.938.164	460.036.680	-	204.503.724	-	928.478.568
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(608.880.000)	-	-	(608.880.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.660.462.317.969</b>	<b>19.201.330.160.133</b>	<b>94.874.729.423</b>	<b>332.601.494.505</b>	<b>503.334.591</b>	<b>22.289.772.036.621</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu năm	4.011.846.250.729	21.014.155.611.886	73.484.505.699	261.568.430.929	69.999.993	25.361.124.799.236
Số dư cuối năm	3.747.824.986.650	19.014.287.559.211	59.440.820.161	225.713.148.044	51.333.321	23.047.317.847.387

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 297,7 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 219,6 tỷ VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	438.606.719.617	297.779.056.129	32.703.172.505	769.088.948.251
Tăng trong năm	-	16.551.893.018	-	16.551.893.018
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	9.337.971.253	-	9.337.971.253
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>438.606.719.617</b>	<b>323.668.920.400</b>	<b>32.703.172.505</b>	<b>794.978.812.522</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	240.746.018.684	93.880.514.757	27.198.503.976	361.825.037.417
Khấu hao trong năm	28.385.376.984	55.559.416.689	479.563.620	84.424.357.293
Khấu hao tài sản của dự án, tài sản cho mục đích phúc lợi	-	917.673.360	-	917.673.360
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>269.131.395.668</b>	<b>150.357.604.806</b>	<b>27.678.067.596</b>	<b>447.167.068.070</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu năm	197.860.700.933	203.898.541.372	5.504.668.529	407.263.910.834
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>169.475.323.949</b>	<b>173.311.315.594</b>	<b>5.025.104.909</b>	<b>347.811.744.452</b>

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 39,2 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 36,6 tỷ VND).

Handwritten signature and a circular stamp containing the letters 'HH' and a star symbol.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế xuất, nhập khẩu	17.528.596.489	105.318.864.515	88.455.362.283	665.094.257
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.395.479.244	34.395.479.244	-	-
Thuế nhà thầu	2.095.094.815	58.153.342.552	58.170.974.041	2.112.726.304
- Thuế GTGT nộp thay nhà thầu	2.095.094.815	32.023.277.683	32.023.277.683	2.095.094.815
- Thuế TNDN nộp thay nhà thầu	-	26.130.064.869	26.147.696.358	17.631.489
Tiền thuế đất	-	391.779.592	420.562.692	28.783.100
	<b>54.019.170.548</b>	<b>198.259.465.903</b>	<b>147.046.899.016</b>	<b>2.806.603.661</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	358.244.408.972	5.437.304.189.628	5.116.986.085.451	678.560.513.149
- Thuế GTGT đầu ra	358.244.408.972	4.215.389.431.091	3.895.084.003.734	678.549.836.329
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.221.914.758.537	1.221.904.081.717	10.676.820
Thuế tiêu thụ đặc biệt	410.182.624.354	4.368.705.672.651	4.208.554.142.857	570.334.154.148
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	140.698.772.418	84.201.965.721	56.496.806.697
Thuế thu nhập cá nhân	1.950.699.845	47.847.136.901	45.820.036.332	3.978.000.414
Thuế nhà thầu	1.917.717.917	-	1.917.717.917	-
- Thuế TNDN nộp thay nhà thầu	1.917.717.917	-	1.917.717.917	-
Thuế nhà đất	697.818.500	(687.403.309)	10.415.191	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế bảo vệ môi trường	5.267.517.900	118.779.290.000	110.121.165.900	13.925.642.000
Các khoản phí, lệ phí khác	1.366.779.128	575.024.856	1.941.803.984	-
	<b>779.627.766.616</b>	<b>10.113.226.683.145</b>	<b>9.569.559.333.353</b>	<b>1.323.295.116.408</b>
<i>Trong đó:</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	54.019.170.548			2.806.603.661
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	779.627.766.616			1.323.295.116.408

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	1.003.884.732.778	930.151.544.565
Dự án kho lưu chứa nguồn phóng xạ	2.430.982.552	185.630.532
Các công trình khác	16.561.025.458	56.400.177.866
	<b>1.022.876.740.788</b>	<b>986.737.352.963</b>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Liên doanh điều hành Cửu Long	1.002.560.729.188	1.002.560.729.188	1.645.545.089.735	1.645.545.089.735
Công ty Hoàng Long	860.407.745.789	860.407.745.789	244.595.897.248	244.595.897.248
Công ty Điều hành chung Thăng Long	175.238.596.078	175.238.596.078	217.669.842.227	217.669.842.227
Công ty Premier Oil Việt Nam Offshore B.V	44.144.550.755	44.144.550.755	-	-
Công ty Dầu khí Việt Nhật	-	-	571.739.264.948	571.739.264.948
Các đối tượng khác	357.350.193.675	357.350.193.675	424.901.663.835	424.901.663.835
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (chi tiết tại Thuyết minh số 34)				
	4.656.417.923.211	4.656.417.923.211	2.926.905.413.345	2.926.905.413.345
	<b>7.096.119.738.696</b>	<b>7.096.119.738.696</b>	<b>6.031.357.171.338</b>	<b>6.031.357.171.338</b>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả chi phí, vật tư vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định	45.275.257.314	-
Lãi vay phải trả	9.156.974.502	11.805.178.313
Phải trả chi phí vận chuyển	8.091.361.074	16.537.777.835
Phải trả chi phí mua đầu thô nhập khẩu	-	1.499.493.149.796
Chi phí, vật tư phải trả khác	10.464.006.451	693.598.214
	<b>72.987.599.341</b>	<b>1.528.529.704.158</b>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trả hộ nợ vay trước hạn (i)	1.925.894.960.000	-
Lợi nhuận còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	917.747.535.419	1.423.992.623.305
Phải trả tiền bán cổ phần	9.211.577.795	9.211.577.795
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.199.260.710	6.457.497.195
Ban quản lý Dự án Nhà máy Lộc dầu Dung Quất	1.118.996.642	170.383.701.042
Phải trả ngắn hạn khác	11.480.526.342	8.246.591.051
	<b><u>2.869.652.856.908</u></b>	<b><u>1.618.291.990.388</u></b>
<i>Trong đó: Phải trả khác cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	<i>2.846.136.260.431</i>	<i>1.595.592.303.815</i>

- (i) Phản ánh khoản phải trả Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam (PVN) theo Nghị quyết số 7301/NQ-DKVN ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng Thành viên PVN về việc phê duyệt chủ trương ứng trả nợ trước hạn khoản vay Dự án Nhà máy Lộc dầu Dung Quất theo Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01/2007/HĐTD-DQR giữa PVN và Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) tương ứng với số tiền 83.336.000 USD để trả trước hạn 04 kỳ trả gốc năm 2020. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty và PVN đang chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền để hai bên hoàn thành các thủ tục liên quan đến khoản trả nợ trước nêu trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA ĐẦU BÌNH SƠN  
THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	-	13.328.000.892.845	12.928.000.892.845	400.000.000.000	400.000.000.000
Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội	-	-	780.000.000.000	780.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	-	1.410.557.460.733	1.410.557.460.733	-	-
Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải - Chi nhánh Hà Nội	-	-	2.340.000.000.000	2.340.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	-	1.675.000.000.000	1.675.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh - Hội sở	-	-	3.765.044.242.219	3.765.044.242.219	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	1.800.000.000.000	1.800.000.000.000	-	-
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam)	-	-	127.599.189.893	127.599.189.893	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	-	-	1.429.800.000.000	1.029.800.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 19)</b>	<b>2.291.723.317.194</b>	<b>2.291.723.317.194</b>	<b>1.932.666.010.000</b>	<b>4.224.389.327.194</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>2.291.723.317.194</b>	<b>2.291.723.317.194</b>	<b>15.260.666.902.845</b>	<b>17.152.390.220.039</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>400.000.000.000</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên theo hợp đồng tín dụng số 1701LAV190113043 ngày 24 tháng 10 năm 2019, Khế ước số 1701LDS190002039 ngày 31 tháng 12 năm 2019 với thời hạn vay từ ngày 31 tháng 12 năm 2019 đến ngày 07 tháng 01 năm 2020, số tiền giải ngân là 400.000.000.000 VND với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hợp đồng vay không có tài sản thế chấp. Gốc vay và lãi vay được trả một lần vào cuối thời hạn khế ước, lãi suất 4,4%/năm. Công ty đã thanh toán gốc và lãi của khoản vay tại ngày 02 tháng 01 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	9.044.740.137.194	9.044.740.137.194	-	4.230.742.257.194	4.813.997.880.000	4.813.997.880.000
	<b>9.044.740.137.194</b>	<b>9.044.740.137.194</b>	<b>-</b>	<b>4.230.742.257.194</b>	<b>4.813.997.880.000</b>	<b>4.813.997.880.000</b>

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng	2.291.723.317.194
- Số phải trả sau 12 tháng	6.753.016.820.000
	4.813.997.880.000

Các khoản vay dài hạn bao gồm:

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Giá trị VND	Nợ phải trả sau 12 tháng VND
Vay dài hạn	4.813.997.880.000	-	4.813.997.880.000	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi			8.682.661.900.000	1.929.645.080.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam			362.078.237.194	362.078.237.194
	<b>4.813.997.880.000</b>	<b>-</b>	<b>9.044.740.137.194</b>	<b>2.291.723.317.194</b>
				<b>6.753.016.820.000</b>



Các khoản vay dài hạn của Công ty được dùng để đầu tư, mua sắm và xây dựng tài sản cố định. Lãi suất trong năm là 3,6%/năm đến 4,39%/năm đối với Đô la Mỹ. Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền vay, hình thức bảo đảm, và lãi suất vay như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Vay bằng USD	4.813.997.880.000	9.044.740.137.194
	<b>4.813.997.880.000</b>	<b>9.044.740.137.194</b>
	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Vay có bảo lãnh của bên thứ 3 (Tập đoàn, Bộ Tài chính)	-	362.078.237.194
Vay tín chấp	4.813.997.880.000	8.682.661.900.000
	<b>4.813.997.880.000</b>	<b>9.044.740.137.194</b>
	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Vay theo lãi suất thả nổi	-	362.078.237.194
Vay theo lãi suất cố định	4.813.997.880.000	8.682.661.900.000
	<b>4.813.997.880.000</b>	<b>9.044.740.137.194</b>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	-	2.291.723.317.194
Trong năm thứ hai	1.925.894.960.000	1.929.645.080.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.888.102.920.000	4.823.371.740.000
	<b>4.813.997.880.000</b>	<b>9.044.740.137.194</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	-	2.291.723.317.194
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>4.813.997.880.000</b>	<b>6.753.016.820.000</b>

**20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Số dư đầu năm/kỳ	1.415.813.745.459	1.423.123.900.248
Giảm trong năm/kỳ	(3.517.626.379)	(7.310.154.789)
- Sử dụng quỹ	(3.517.626.379)	(7.310.154.789)
<b>Số dư cuối năm/kỳ</b>	<b>1.412.296.119.080</b>	<b>1.415.813.745.459</b>

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>(57.718.950.430)</b>	-	<b>30.947.277.209.570</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	250.743.660.704	250.743.660.704
Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá	-	57.718.950.430	-	57.718.950.430
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>31.004.996.160.000</b>	-	<b>250.743.660.704</b>	<b>31.255.739.820.704</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	2.912.421.396.083	2.912.421.396.083
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018 (i)	-	-	(64.590.000.000)	(64.590.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019 (ii)	-	-	(127.917.100.000)	(127.917.100.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>31.004.996.160.000</b>	-	<b>2.970.657.956.787</b>	<b>33.975.654.116.787</b>

(i) Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 1312/NQ-BSR ngày 25 tháng 4 năm 2019.

(ii) Công ty tạm Quỹ khen thưởng, phúc từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Quyết định số 264/BSR-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 21 tháng 01 năm 2020.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 18 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 31.004.996.160.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	28.563.802.470.000	92,13%	28.563.802.470.000	92,13%
Các cổ đông khác	2.441.193.690.000	7,87%	2.441.193.690.000	7,87%
	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>100%</b>	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>100%</b>

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu phổ thông	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu phổ thông	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	382.314,14	2.937.468,53
Euro (EUR)	2,16	2,16

**23. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ dầu mỏ. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ dầu mỏ. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 24 và số 25.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ dầu mỏ và các dịch vụ khác chủ yếu đều hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

110  
C  
DI  
VI  
CÔNG

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Kỳ trước VND
Doanh thu Diesel DO	38.125.709.062.933	20.492.414.568.177
Doanh thu Xăng Mogas 95	26.692.353.973.898	13.699.235.857.922
Doanh thu Xăng Mogas 92	16.430.742.751.160	9.536.374.771.381
Doanh thu Kerosen/Jet A1	8.479.141.714.457	4.254.147.217.291
Doanh thu LPG	5.983.079.101.866	3.954.797.078.382
Doanh thu Polypropylene	4.512.124.901.322	2.439.066.287.452
Doanh thu Dầu nhiên liệu FO	1.661.960.488.449	1.201.781.252.288
Doanh thu Xăng sinh học E5	704.950.001.899	404.781.381.979
Doanh thu dịch vụ cảng biển	132.327.172.807	66.827.994.125
Doanh thu lưu huỳnh	1.061.241.387	1.850.943.953
Doanh thu Polypropylene Off Spec	571.921.654	-
Doanh thu khác	523.898.840	3.781.320.342
	<b>102.724.546.230.672</b>	<b>56.055.058.673.292</b>
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	<i>15.463.973.323.593</i>	<i>9.911.028.810.411</i>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng bán Diesel DO	37.009.464.968.400	19.805.471.589.431
Giá vốn hàng bán Xăng Mogas 95	25.789.079.015.418	14.087.241.162.978
Giá vốn hàng bán Xăng Mogas 92	15.808.778.247.701	9.637.356.820.369
Giá vốn hàng bán Kerosen/Jet A1	7.740.466.487.400	3.856.258.438.396
Giá vốn hàng bán LPG	5.902.869.971.359	3.595.667.801.631
Giá vốn hàng bán Polypropylene	4.507.810.974.409	2.289.339.406.970
Giá vốn hàng bán Dầu nhiên liệu FO	1.428.509.340.911	1.098.911.362.503
Giá vốn Xăng sinh học E5	684.020.650.274	412.481.947.603
Giá vốn dịch vụ cảng biển	55.590.959.997	31.270.648.233
Giá vốn hàng bán Polypropylene Off Spec	483.937.568	-
Giá vốn hàng bán Propylene	242.336.695	584.756.989
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(235.889.926.237)	253.662.407.679
Giá vốn khác	6.096.733.135	7.720.287.106
	<b>98.697.523.697.030</b>	<b>55.075.966.629.888</b>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.153.134.447.214	54.699.306.726.736
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.359.783.610	17.912.181.719
Chi phí nhân công	752.873.944.098	316.616.065.187
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.583.260.331.386	1.282.310.391.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.669.343.247.909	910.504.458.939
Chi phí khác bằng tiền	358.565.307.968	163.904.089.794
	<b>103.529.537.062.185</b>	<b>57.390.553.914.371</b>

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	338.301.342.106	218.360.036.810
Lãi chênh lệch tỷ giá	194.843.780.608	116.295.252.537
Cổ tức được chia	7.466.624.172	4.338.767.372
	<b>540.611.746.886</b>	<b>338.994.056.719</b>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	311.410.605.185	195.514.928.178
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	83.677.583.944	49.427.985.961
Lỗ chênh lệch tỷ giá	53.747.346.371	206.608.882.403
Lỗ chênh lệch tỷ giá tại ngày 30/6/2018 chuyển sang công ty cổ phần	-	57.718.950.430
Chi phí tài chính khác	1.284.627.743	2.181.743
	<b>450.120.163.243</b>	<b>509.272.928.715</b>

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Kỳ trước VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm/kỳ</b>	<b>380.575.353.148</b>	<b>168.151.769.407</b>
Chi phí nhân viên quản lý	140.667.594.891	63.081.299.538
Chi phí vật liệu quản lý	2.441.767.786	1.150.164.957
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.345.338.660	1.122.726.619
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.689.900.244	17.065.632.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.457.313.325	35.217.234.078
Chi phí khác bằng tiền	135.973.438.242	50.514.712.135
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm/kỳ</b>	<b>710.446.673.326</b>	<b>373.252.220.045</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	42.278.905.674	17.088.908.036
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.736.383.372	73.868.191.686
Chi phí vận chuyển bán sản phẩm	394.795.375.482	229.595.955.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.754.635.898	51.214.357.570
Chi phí bán hàng xăng sinh học E5	-	248.000.000
Chi phí khác bằng tiền	881.372.900	1.236.807.000
	<b>1.091.022.026.474</b>	<b>541.403.989.452</b>

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Kỳ trước VND
Chênh lệch thừa do kiểm kê kho thành phẩm	44.478.206.730	7.994.014.790
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường, phạt hợp đồng	17.543.088.058	1.746.700
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	483.738.663	-
Thu nhập khác	2.710.325.697	1.631.339.725
	<b>65.215.359.148</b>	<b>9.627.101.215</b>

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Kỳ trước VND
Chi phí bồi thường, bị phạt	2.025.664.825	267.220.899
Chi phí khác	2.166.137.389	1.899.611.106
	<b>4.191.802.214</b>	<b>2.166.832.005</b>

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Kỳ trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm/kỳ	173.940.237.137	24.125.790.462
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành trong năm/kỳ	1.154.014.525	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>175.094.251.662</b>	<b>24.125.790.462</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm/kỳ được tính như sau:

	Năm nay VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	3.087.515.647.745	274.869.451.166
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>7.854.149.603</i>	<i>4.603.345.365</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>147.748.182.660</i>	<i>54.736.437.065</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.243.117.980.008	325.002.542.866
<i>Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi</i>	<i>3.164.555.725.764</i>	<i>272.498.120.744</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	<i>78.562.254.244</i>	<i>52.504.422.122</i>
Thuế suất ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thông thường	20%	20%
Giảm thuế cho hoạt động được ưu đãi	50%	50%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm/kỳ</b>	<b>173.940.237.137</b>	<b>24.125.790.462</b>

O.C  
 TY  
 TE  
 AM  
 P.H.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 30 năm; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ Dự án Nhà máy Lộc dầu Dung Quất. Năm 2019 là năm thứ 6 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp tính trên mức thuế suất ưu đãi là 10%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

### **33. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

#### ***Cam kết mua hàng và sử dụng dịch vụ***

Theo Hợp đồng số 98/2018/HĐ/BSR-QPC ngày 15 tháng 8 năm 2018 và phụ lục số 01 ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (BSR) và Công ty QUAD Personnel Consultant (QUAD), QUAD cung cấp cho BSR dịch vụ quản lý, vận hành và sửa chữa Nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nhà máy Polypropylene (bao gồm cả dịch vụ hướng dẫn, đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên) trong thời gian tổng cộng 20 tháng với tổng giá trị là 17,8 triệu USD, hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký kết.

#### ***Cam kết tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất***

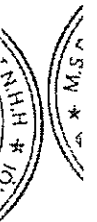
Theo điều khoản của các Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm xăng dầu của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất ký giữa Công ty (bên A) và các đầu mối (bên B) như Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVOil), Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hàng không Việt Nam (Vinapco), Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)..., trong năm 2020 bên A cung cấp cho bên B các sản phẩm xăng dầu của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với giá bán theo điều kiện FOB/FCA Dung Quất, LPG theo điều kiện CIF được xác định trên cơ sở giá tham chiếu quốc tế cộng thêm phụ phí thị trường và các khoản thuế nộp vào Ngân sách Nhà nước (nếu có) đảm bảo cạnh tranh với thị trường.

#### ***Cam kết đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất***

Theo Quyết định số 9016/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 12 năm 2014, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với quy mô đầu tư khoảng 8,5 triệu tấn/năm. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.813.470.000 USD với cơ cấu vốn của chủ sở hữu/vốn vay tối thiểu là 30/70. Thời gian thực hiện dự án là 78 tháng kể từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu (ITB) lựa chọn nhà thầu thiết kế tổng thể (FEED). Theo Nghị Quyết số 1144/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt thiết kế FEED và dự toán của dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang tiến hành công tác thu xếp vốn và lựa chọn nhà thầu EPC.

#### ***Cam kết thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần 4 Nhà máy Lọc dầu Dung Quất***

Theo Quyết định số 2639/QĐ-BSR ngày 24 tháng 7 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Kế hoạch bảo dưỡng tổng thể lần 4 Nhà máy lọc dầu Dung Quất trong năm 2020. Tổng dự toán bao gồm 79.651.797,90 USD và 216.528.480.490 VND với nguồn vốn từ nguồn chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời gian thực hiện bảo dưỡng dự kiến hoàn thành trước ngày 02 tháng 8 năm 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu trong kế hoạch.



**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm/kỳ:*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung	Công ty con
Các công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn

*Trong năm/kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:*

	Năm nay VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>15.463.973.323.593</b>	<b>9.911.028.810.411</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	13.564.916.942.377	7.703.470.480.664
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	793.396.952.424	703.075.958.206
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	524.990.208.996	580.624.729.362
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	373.261.641.531	640.528.759.475
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	91.392.759.358	136.163.607.448
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Chi nhánh Quảng Ngãi	84.331.191.229	45.381.394.695
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	30.236.913.901	100.873.549.784
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	1.043.608.050	601.880.504
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	345.321.182	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	57.784.545	246.720.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt	-	61.730.273

// 9/11  
 D  
 1/11



	<u>Năm nay</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
<b>Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp</b>	<b>53.213.274.276.062</b>	<b>32.462.265.174.454</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (*)	47.268.273.589.266	28.895.209.512.892
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01 & 02 - Điều hành Dầu khí)	2.102.825.226.565	688.686.607.403
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	1.299.009.748.855	1.444.304.108.284
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.282.983.079.618	688.190.283.080
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)	624.027.081.610	145.609.915.227
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	240.444.022.955	153.852.960.192
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	171.623.014.517	95.890.517.398
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	84.893.179.436	54.150.028.080
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	37.909.959.309	20.926.492.820
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	34.302.966.076	229.595.955.753
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	23.652.459.215	27.092.269.146
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	14.777.377.414	-
Viện Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	8.941.483.653	12.462.261.176
Công ty Cổ phần Bảo Dưỡng Và Sửa Chữa Công Trình Dầu Khí - Chi nhánh Giải Pháp Công Nghệ Kiểm Tra Không Phá Hủy Dầu Khí Việt Nam (PV NDT)	7.436.037.913	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOil Miền Trung	3.071.283.652	1.650.864.290
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	2.895.489.851	292.011.200
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đồng Dương	2.033.380.880	122.043.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	1.306.368.132	-
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil	1.174.036.600	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	699.381.420	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	296.000.000	335.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí tại Hồ Chí Minh	248.784.125	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	100.000.000	198.409.091
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	50.325.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển PVD	-	1.598.085.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	1.538.837.640
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	223.145.400
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	-	170.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	-	165.867.382

(\*) Mua hàng từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần bao gồm:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
- Giá trị hàng hóa và dịch vụ	141.432.616.735	53.307.181.561
- Giá trị đầu thô mua ủy thác	47.118.615.643.352	28.827.057.789.859
- Các khoản ủy thác khác	8.225.329.179	14.844.541.472
	<b>47.268.273.589.266</b>	<b>28.895.209.512.892</b>

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
<b>Nộp lợi nhuận</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	506.245.087.886	4.850.000.000.000
<b>Nhận trả trước nợ vay</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.935.895.280.000	-
<b>Thu nhập của Ban lãnh đạo</b>	<b>20.148.019.000</b>	<b>8.613.130.000</b>

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:*

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>1.852.542.489.294</b>	<b>1.550.250.767.636</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.588.023.774.134	1.038.656.820.793
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	103.854.638.626	174.793.874.384
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	71.143.449.656	154.463.491.386
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	53.216.420.850	135.460.121.321
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	15.898.947.552	33.353.137.809
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	15.251.135.610	12.579.511.554
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	5.090.559.866	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	63.563.000	271.392.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	-	413.549.421
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	210.743.968
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu Khí Quảng Ngãi PTSC	-	48.125.000
<b>Trả trước nhà cung cấp</b>	<b>1.893.955.833</b>	<b>1.866.499.833</b>
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	1.109.856.000	-
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí	694.999.833	694.999.833
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	89.100.000	89.100.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	1.082.400.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>1.163.651.175</b>	<b>1.373.441.175</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.118.996.642	1.118.996.642
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	44.444.533	44.444.533
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	210.000	-
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	210.000.000
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>8.925.003.987</b>	<b>3.774.330.000</b>
Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung	8.925.003.987	3.774.330.000

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>	<b>4.656.417.923.211</b>	<b>2.926.905.413.345</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	3.704.917.704.343	2.499.485.052.166
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí lô 01 & 02 (Điều hành Dầu khí)	578.259.334.464	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	208.557.105.747	187.604.273.197
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	46.394.049.318	21.578.162.071
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	43.616.077.342	52.973.669.940
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	24.068.225.962	50.892.318.163
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)	15.111.408.994	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	11.774.127.960	1.538.837.640
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	6.962.649.159	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	6.868.486.519	7.284.541.221
Viện Dầu khí Việt Nam	4.401.603.822	10.387.758.223
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	2.402.898.994	217.645.800
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	1.286.382.937	1.347.639.267
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOil Miền Trung	656.531.150	885.222.220
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	651.673.962	68.381.500
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch Khoan và hóa phẩm dầu khí - CTCP tại Thành phố Hồ Chí Minh	273.662.538	-
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	216.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	-	66.698.100.429
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm dầu khí - CTCP	-	20.002.072.148
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí - Chi nhánh Giải pháp Công nghệ Kiểm tra không phá hủy Dầu khí Việt Nam	-	4.734.705.360
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển PVD	-	1.057.034.000
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	-	150.000.000
<b>Phải trả khác</b>	<b>2.846.136.260.431</b>	<b>1.595.592.303.815</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.843.642.495.419	1.423.992.623.305
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.374.768.370	1.215.979.468
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.118.996.642	170.383.701.042

///  
Y  
B  
///

**35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 69.525.263.490 VND (cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018: 124.490.576.426 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán, và đã bao gồm 3.268.908.404 VND (cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018: 534.469.832.380 VND), là số tiền ứng trước cho mua sắm tài sản cố định. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Lê Thị Hồng Trâm  
Người lập biểu



Bạch Đức Long  
Kê toán trưởng



Đinh Thái Hà  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**  
*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 40

11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)
Ông Lê Xuân Huyền	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)
Ông Bùi Minh Tiến	Thành viên
Ông Hà Đồng	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Phước	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Hải Âu	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2019)
Ông Khương Lê Thành	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)
Ông Nguyễn Quang Hòa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Bùi Minh Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nghiêm Đức Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Thái Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đoàn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Dương	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03 tháng 02 năm 2020)
Ông Nguyễn Văn Hội	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)
Ông Khương Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Đinh Thái Hà**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
(Theo Quyết định Ủy quyền số 4142/QĐ-BSR  
ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tổng Giám đốc công ty)

Ngày 17 tháng 3 năm 2020



Số: 0674 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đồng thời chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

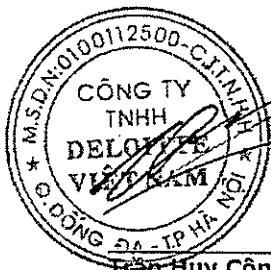
## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động đầu tiên sau khi Công ty chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho mục đích cung cấp thông tin và không so sánh được do kỳ kế toán không tương ứng. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Nhiên liệu và Sinh học Dầu khí Miền Trung ("BSR-BF" - Công ty con của Công ty) đã tạm ghi tăng nguyên giá các tài sản cố định của dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất ("Nhà máy") trong năm 2014 và hiện nay, đang tạm dừng hoạt động sản xuất. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, BSR-BF đang trong quá trình thực hiện các thủ tục quyết toán chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy và tiếp tục thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo Thông báo số 3129/TB-TTCP ngày 24 tháng 11 năm 2016. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, lỗ lũy kế và thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn của BSR-BF và các vấn đề khác nêu trên dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của BSR-BF. Kế hoạch của Ban Giám đốc BSR-BF liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 01.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



**Trần Huy Công**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0891-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 17 tháng 3 năm 2020  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Đỗ Trung Kiên**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1924-2018-001-1

Y  
C  
L  
B  
H  
A  
N  
H

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>26.895.631.213.358</b>	<b>24.036.089.036.297</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>8.352.397.877.468</b>	<b>5.762.092.884.337</b>
1. Tiền	111		392.665.500.509	919.360.507.378
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.959.732.376.959	4.842.732.376.959
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.000.000.000	4.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.972.423.123.156</b>	<b>8.965.318.338.722</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	9.754.734.792.457	8.740.999.399.692
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	160.845.267.236	180.863.940.632
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	52.817.734.366	37.259.350.805
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(883.549.676)	(847.856.926)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.908.878.773	7.043.504.519
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>8.515.237.725.245</b>	<b>9.226.599.613.860</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.535.271.500.226	9.482.615.081.749
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.033.774.981)	(256.015.467.889)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>51.572.487.489</b>	<b>78.078.199.378</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	44.866.445.221	17.673.063.903
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		521.459.153	970.480.288
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	6.184.583.115	59.434.655.187
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>26.688.361.782.701</b>	<b>29.175.515.773.384</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>533.509.547.749</b>	<b>521.395.822.590</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	533.509.547.749	521.395.822.590
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24.847.509.724.927</b>	<b>27.305.953.183.640</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	24.499.697.980.475	26.898.689.272.806
- Nguyên giá	222		47.318.448.424.010	47.131.761.180.980
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.818.750.443.535)	(20.233.071.908.174)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	347.811.744.452	407.263.910.834
- Nguyên giá	228		795.174.418.522	769.284.554.251
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(447.362.674.070)	(362.020.643.417)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.026.498.425.110</b>	<b>990.359.037.285</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.026.498.425.110	990.359.037.285
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>10.018.235.823</b>	<b>11.244.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.244.000.000	11.244.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(1.225.764.177)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>270.825.849.092</b>	<b>346.563.729.869</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	270.814.231.247	346.548.051.418
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		11.617.845	15.678.451
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)	<b>270</b>		<b>53.583.992.996.059</b>	<b>53.211.604.809.681</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>19.530.395.992.348</b>	<b>21.834.058.479.841</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.916.387.379.661</b>	<b>13.100.402.057.914</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	7.067.941.410.738	5.999.845.766.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.414.770.972	13.503.645.791
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.324.184.390.421	779.703.276.274
4. Phải trả người lao động	314		137.672.947.027	135.968.584.861
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	281.977.244.160	1.689.432.095.651
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	2.874.051.897.441	1.624.093.475.531
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	1.106.165.600.001	2.815.862.717.195
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		119.979.118.901	41.992.496.611
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.614.008.612.687</b>	<b>8.733.656.421.927</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		2.771.193.987	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	5.192.347.309.334	7.315.371.277.170
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		6.593.990.286	2.471.399.298
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	20	1.412.296.119.080	1.415.813.745.459
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>34.053.597.003.711</b>	<b>31.377.546.329.840</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>34.053.597.003.711</b>	<b>31.377.546.329.840</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.004.996.160.000	31.004.996.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.004.996.160.000	31.004.996.160.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.440.434.975	2.440.434.975
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		106.709.914	106.709.914
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.975.058.051.015	256.261.875.092
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		183.357.183.151	48.827.439.761
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/kỳ này	421b		2.791.700.867.864	207.434.435.331
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		70.995.647.807	113.741.149.859
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>53.583.992.996.059</b>	<b>53.211.604.809.681</b>

Lê Thị Hồng Trâm  
 Người lập biểu

Bạch Đức Long  
 Kế toán trưởng

Đinh Thái Hà  
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2020


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	102.823.756.014.297	56.058.842.429.120
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	3.369.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	102.823.752.645.297	56.058.842.429.120
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	98.850.991.293.829	55.111.289.678.611
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.972.761.351.468	947.552.750.509
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	536.775.450.247	335.764.591.549
7. Chi phí tài chính	22	28	416.118.869.286	494.697.028.827
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		359.859.613.027	218.962.701.239
8. Chi phí bán hàng	25	29	714.115.014.949	374.634.440.194
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	389.424.547.940	168.627.162.125
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		2.989.878.369.540	245.358.710.912
11. Thu nhập khác	31	30	68.881.593.622	10.435.721.466
12. Chi phí khác	32	31	4.365.721.492	2.369.841.584
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		64.515.872.130	8.065.879.882
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.054.394.241.670	253.424.590.794
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	177.270.179.729	24.811.999.472
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		4.126.651.594	2.473.429.601
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.872.997.410.347	226.139.161.721
Trong đó:				
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		2.913.820.263.418	250.790.073.767
17.2. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(40.822.853.071)	(24.650.912.046)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	898	60



Lê Thị Hồng Trâm  
 Người lập biểu



Bạch Đức Long  
 Kế toán trưởng



Đinh Thái Hà  
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>3.054.394.241.670</b>	<b>253.424.590.794</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.669.783.294.085	1.325.208.044.482
Các khoản dự phòng	03	(234.720.235.981)	252.554.422.459
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(92.553.411.901)	87.486.082.194
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(340.068.595.319)	(219.619.935.492)
Chi phí lãi vay	06	359.859.613.027	218.962.701.239
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	57.718.950.430
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>5.416.694.905.581</b>	<b>1.975.734.856.106</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(959.592.960.335)	1.447.670.574.624
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	946.329.042.126	(356.284.357.139)
Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(9.513.946.266)	(1.302.733.198.822)
Giảm chi phí trả trước	12	49.554.978.250	102.970.764.777
Tiền lãi vay đã trả	14	(314.058.808.996)	(197.414.338.036)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(84.201.965.721)	(183.805.186.749)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	11.410.204.883	5.228.204.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(119.502.861.254)	(38.783.254.711)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.937.118.588.268</b>	<b>1.452.584.064.050</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(269.230.928.980)	(125.589.832.720)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	489.500.000	1.427.272.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	325.634.820.268	247.448.091.251
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>56.893.391.288</b>	<b>123.285.531.258</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	13.328.000.892.845	4.290.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.223.349.059.443)	(7.131.479.211.573)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(507.667.377.470)	(4.850.830.039.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>(2.403.015.544.068)</b>	<b>(7.692.309.250.573)</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50=20+30+40)</i>	<b>50</b>	<b>2.590.996.435.488</b>	<b>(6.116.439.655.265)</b>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ</i>	<b>60</b>	<b>5.762.092.884.337</b>	<b>11.878.605.238.392</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	(691.442.357)	(72.698.790)
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ (70=50+60+61)</i>	<b>70</b>	<b>8.352.397.877.468</b>	<b>5.762.092.884.337</b>

Lê Thị Hồng Trâm  
Người lập biểu

Bạch Đức Long  
Kế toán trưởng

Đinh Thái Hà  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (là công ty con do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3404000189 ngày 05 tháng 6 năm 2008).

Công ty thực hiện chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn. Công ty hoàn thành bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 17 tháng 01 năm 2018 và chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCOM với mã chứng khoán BSR. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01 tháng 3 năm 2018.

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 với vốn điều lệ là 31.004.996.160.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp và các giấy chứng nhận thay đổi.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.987 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: là 1.914).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong ngành lọc - hóa dầu;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, hoàn thiện hệ thống đường ống dầu khí, kho chứa dầu khí;
- Đào tạo nguồn nhân lực, thuê và cung cấp chuyên gia về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ trông giữ lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ phân tích, dầu thô, sản phẩm dầu mỏ và các hoá chất, phụ gia, xúc tác, nhiên liệu sinh học liên quan đến lĩnh vực lọc - hóa dầu;
- Dịch vụ hải cảng, cảng biển liên quan đến ngành lọc - hóa dầu;
- Đầu tư và phát triển các dự án lọc - hóa dầu, nhiên liệu sinh học trong và ngoài nước.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Y  
TE  
M  
H



**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Ban quản lý Dự án Nâng cấp Mở rộng Nhà máy Lộc đầu Dung Quất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 02 công ty con sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2019 (*)	Hoạt động chính
				VND	
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Quảng Ngãi	83,26%	83,26%	145.892.845.365	Sản xuất bao bì Quản lý nhà ở và kinh doanh dịch vụ khu dân cư, khu đô thị
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	65,54%	61,00%	205.772.028.927	Sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm nhiên liệu sinh học

(\*) Giá trị đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 được Công ty xác định bằng giá gốc của khoản đầu tư trừ giá trị tổn thất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Công ty Cổ phần Nhiên liệu và Sinh học Dầu khí Miền Trung ("BSR-BF" - Công ty con của Công ty) đã tạm ghi tăng nguyên giá các tài sản cố định của dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất ("Nhà máy") trong năm 2014 và hiện nay, đang tạm dừng hoạt động sản xuất. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang trong quá trình thực hiện các thủ tục quyết toán chi phí đầu tư xây dựng và tiếp tục thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo Thông báo số 3129/TB-TTCP ngày 24 tháng 11 năm 2016. Giá trị quyết toán Nhà máy sẽ được điều chỉnh khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nợ ngắn hạn của BSR-BF vượt quá tài sản ngắn hạn là 868 tỷ VND, lỗ lũy kế của BSR-BF là 1.019,6 tỷ VND và nợ quá hạn thanh toán là 730,3 tỷ VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của BSR-BF phụ thuộc vào việc tái hoạt động sản xuất của nhà máy, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông cũng như lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các kế hoạch hoạt động và tài chính của BSR-BF và cho rằng cơ sở lập báo cáo tài chính của BSR-BF theo nguyên tắc hoạt động liên tục là phù hợp.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu trình bày trên cột so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Số liệu trình bày trên cột so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động đầu tiên sau khi Công ty chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho mục đích cung cấp thông tin và không so sánh được do kỳ kế toán không tương ứng.

**Quyết toán cổ phần hóa**

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

##### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành sản xuất của từng loại sản phẩm xăng, dầu hàng tháng được xác định như sau: Chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm được xác định theo mức tiêu hao nguyên vật liệu thực tế đối với từng sản phẩm; chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm.

Giá trị các sản phẩm dở dang tại thời điểm cuối tháng được xác định theo mức độ hoàn thành của các sản phẩm dở dang.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

10/01/2017  
DE  
VI:  
//S/

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của các sản phẩm lọc hóa dầu và dầu thô tồn kho được Công ty xác định như sau:

- Thành phẩm lọc hóa dầu: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở giá bán ước tính trừ đi các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Sản phẩm lọc hóa dầu dở dang: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở quy đổi về thành phẩm tương đương và giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Dầu thô: Theo hướng dẫn tại Công văn số 2801/BTC-CĐKT ngày 02 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho, dầu thô tồn kho của Công ty tại thời điểm trích lập dự phòng có giá gốc trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và giá bán sản phẩm được sản xuất từ dầu thô bị giảm giá thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với dầu thô trên cơ sở giá trị thuần có thể thực hiện được của dầu thô (giá bán ước tính của dầu thô).

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 20
<i>Trong đó: Máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu</i>	<i>10 - 20</i>
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 25
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 5

Theo Quyết định số 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2012 về một số cơ chế tài chính của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn) (sau đây gọi tắt là "Quyết định 952"), Công ty được trích khấu hao tài sản cố định đối với thiết bị chính của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất trong thời gian tối đa là 20 năm.

Theo Công văn số 18327/BTC-CĐKT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho ("Công văn số 18327"), cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty được tính giá trị hàng tồn kho cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào nguyên giá tài sản cố định. Đồng thời, số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập đến năm 2016 sẽ được hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định. Về mức khấu

hao và thời điểm trích khấu hao, Công ty trích khấu hao của dây chuyền nhà máy trên cơ sở giá trị đã bao gồm giá trị hàng tồn kho cố định trong đường ống được xác định như trên từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 theo thời gian sử dụng ước tính còn lại của tài sản cố định (nhóm máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu).

Căn cứ vào khối lượng hàng tồn kho cố định là dầu thô, sản phẩm trung gian, thành phẩm tồn cố định trong đường ống, thiết bị và bể chứa của Công ty theo Chứng thư giám định khối lượng hàng tồn kho cố định số 17631001 ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam, Công ty đã xác định giá trị hàng tồn kho cố định được hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền khoảng 1.007 tỷ VND và đã ghi giảm giá trị hàng tồn kho với số tiền tương ứng. Việc điều chỉnh giá trị và hạch toán hàng tồn kho như trên đã được Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (đơn vị cổ phần hóa) phê duyệt tại Quyết định số 905/QĐ-BSR ngày 17 tháng 3 năm 2017. Công ty kế thừa và tiếp tục theo dõi giá trị hàng tồn kho cố định nêu trên.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm nay</b>
	<b>Số năm</b>
Bản quyền, bằng sáng chế	15
Phần mềm máy tính	3
Tài sản cố định vô hình khác	6

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phản ánh chi phí bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí bảo hiểm nhân thọ và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm nhân thọ được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí cải tạo và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí trích trước khác chưa chi nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong năm.

Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản khác là các chi phí khác đã phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.

### Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

### Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm. Trong năm 2019, dựa trên tình hình sử dụng quỹ, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trích lập thêm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

### Ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có các khoản ưu đãi thuế như sau:

- Theo Quyết định 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2012, Công ty mẹ được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 30 năm; được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong thời gian 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ Dự án Nhà máy Lộc dầu Dung Quất. Năm 2019 là năm thứ 6 Công ty mẹ được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm tính từ ngày dự án Nhà máy sản xuất Bio-Ethanol nhiên liệu bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Năm 2019 là năm thứ 5 BSR-BF được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PVBuilding) được thừa kế và hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án cho thời gian còn lại của dự án Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene. Dự án được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm kể từ ngày dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế năm 2011 và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam với một số ưu đãi cho Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đầu tư số 13/ƯĐĐT ngày 15 tháng 02 năm 2006 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, cụ thể: được miễn nộp tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn nộp tiền sử dụng đất; được miễn nộp thuế sử dụng đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn chất lượng trong 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất; được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu chất lượng.

Theo Công văn số 520/CT-TTHT của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi ngày 05 tháng 3 năm 2018, Công ty TNHH MTV Lộc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn) đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn (khu Kinh tế Dung Quất) thì thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi (bao gồm cả khoản Chênh lệch lãi tiền gửi ngân hàng lớn hơn lãi tiền vay, thu nhập từ cung cấp dịch vụ tại cảng biển, và các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi).

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	600.334.612	1.129.145.471
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	392.065.165.897	918.231.361.907
Các khoản tương đương tiền (*)	7.959.732.376.959	4.842.732.376.959
	<u>8.352.397.877.468</u>	<u>5.762.092.884.337</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 2.734.732.376,959 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.734.732.376,959 VND) là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi đang tạm dừng giao dịch. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.



**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại, trong đó bao gồm 2 tỷ VND tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi đang tạm dừng giao dịch (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2 tỷ VND). Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Tỷ lệ	Dự phòng	Giá gốc	Tỷ lệ	Dự phòng
	VND	%		VND	%	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.244.000.000		(1.225.764.177)	11.244.000.000		-
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	7.000.000.000	6,75%	-	7.000.000.000	6,75%	-
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	4.244.000.000	5,03%	(1.225.764.177)	4.244.000.000	5,77%	-
	<u>11.244.000.000</u>		<u>(1.225.764.177)</u>	<u>11.244.000.000</u>		<u>-</u>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	3.535.894.938.330	3.165.211.371.019
Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	781.224.375.250	709.077.185.116
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	417.493.076.919	280.583.780.611
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	368.899.103.335	208.966.032.524
Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ	356.963.568.927	343.364.195.401
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	337.646.814.576	-
Công ty TNHH một thành viên Tổng công ty Xăng dầu Quân đội	228.173.977.433	209.827.987.448
Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	172.609.849.830	268.885.735.528
Công ty Cổ phần Nhựa OPEC	159.266.036.547	270.130.440.331
Các khách hàng khác	1.559.429.158.972	1.768.000.446.574
<b>b. Phải thu khách hàng các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	1.837.133.892.338	1.516.952.225.140
	<u>9.754.734.792.457</u>	<u>8.740.999.399.692</u>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>160.845.267.236</b>	<b>180.863.940.632</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	47.272.509.876	45.379.877.535
Man Energy Solutions Malaysia ES Sdn. Bhd	20.302.087.680	-
Remosa Srl	10.359.832.411	-
Albemarle Singapore Pte. Ltd	9.156.456.181	16.338.745.518
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ SIB Việt Nam	7.876.000.000	-
Các đối tượng khác	65.878.381.088	119.145.317.579
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>533.509.547.749</b>	<b>521.395.822.590</b>
Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất (*)	533.509.547.749	521.395.822.590
	<b>694.354.814.985</b>	<b>702.259.763.222</b>
<i>Trong đó: Trả trước cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	<i>48.056.609.709</i>	<i>47.246.377.368</i>

(\*) Phản ánh khoản tiền Công ty ứng trước cho Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất từ năm 2015 để thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng cho Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	40.420.686.381	26.260.649.993
Phải thu về cổ phần hóa	5.701.672.688	5.701.672.688
Tạm ứng	1.262.321.793	529.046.150
Phải thu khác	5.433.053.504	4.767.981.974
	<b>52.817.734.366</b>	<b>37.259.350.805</b>
<i>Trong đó: Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	<i>1.333.435.575</i>	<i>1.333.225.575</i>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	2.149.988.909.171	-	2.088.100.419.061	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.921.652.308.590	(1.656.812.167)	3.183.558.202.742	(2.142.069.027)
Công cụ, dụng cụ	1.556.330.335.611	(1.416.542.330)	1.487.684.308.218	(4.689.275.014)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	968.214.423.091	(11.008.550.222)	1.005.543.670.026	(85.996.525.519)
Thành phẩm	938.986.571.956	(3.268.981.367)	1.715.958.201.742	(163.187.598.329)
Hàng hoá	98.951.807	(2.682.888.895)	1.770.279.960	-
	<b>8.535.271.500.226</b>	<b>(20.033.774.981)</b>	<b>9.482.615.081.749</b>	<b>(256.015.467.889)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 20.033.774.981 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 256.015.467.889 VND) đối với hàng tồn kho bị giảm giá, kém phẩm chất và có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc của các hàng tồn kho này.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>44.866.445.221</b>	<b>17.673.063.903</b>
Bảo hiểm con người, rủi ro tài sản	33.971.864.339	3.012.263.115
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	10.894.580.882	14.660.800.788
<b>b. Dài hạn</b>	<b>270.814.231.247</b>	<b>346.548.051.418</b>
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	257.751.270.212	302.572.239.075
Bảo hiểm rủi ro tài sản	36.823.600	30.760.047.916
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.026.137.435	13.215.764.427
	<b><u>315.680.676.468</u></b>	<b><u>364.221.115.321</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

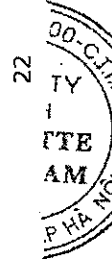
MẪU SỐ B 09-DN/HN

**11. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	6.908.353.092.443	39.117.045.985.404	187.485.089.350	512.231.885.370	406.645.128.413	47.131.761.180.980
Tăng trong năm	78.038.000	106.995.316.435	-	28.649.708.089	-	135.723.062.524
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	33.998.560.506	-	-	17.574.500.000	-	51.573.060.506
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(608.880.000)	-	-	(608.880.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.942.429.690.949</b>	<b>39.224.041.301.839</b>	<b>186.876.209.350</b>	<b>558.456.093.459</b>	<b>406.645.128.413</b>	<b>47.318.448.424.010</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	2.483.218.088.200	17.321.449.757.067	97.299.533.485	250.624.507.808	80.480.021.614	20.233.071.908.174
Khấu hao trong năm	320.342.419.023	2.149.672.805.971	17.233.622.789	81.849.203.914	16.260.885.096	2.585.358.936.793
Khấu hao tài sản của dự án, tài sản cho mục đích phúc lợi	263.938.164	460.036.680	-	204.503.724	-	928.478.568
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(608.880.000)	-	-	(608.880.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.803.824.445.387</b>	<b>19.471.582.599.718</b>	<b>113.924.276.274</b>	<b>332.678.215.446</b>	<b>96.740.906.710</b>	<b>22.818.750.443.535</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu năm	4.425.135.004.243	21.795.596.228.337	90.185.555.865	261.607.377.562	326.165.106.799	26.898.689.272.806
Số dư cuối năm	4.138.605.245.562	19.752.458.702.121	72.951.933.076	225.777.878.013	309.904.221.703	24.499.697.980.475

Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (Công ty con) đã thế chấp toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và các tài sản cố định hữu hình khác hình thành từ Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiên liệu sinh học Bio-Ethanol Dung Quất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là khoảng 1.362 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoảng 1.434 tỷ VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng (Thuyết minh số 19).

Nguyên giá của các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 309,8 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 227,6 tỷ VND).



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bảng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	438.606.719.617	297.974.662.129	32.703.172.505	769.284.554.251
Tăng trong năm	-	16.551.893.018	-	16.551.893.018
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	9.337.971.253	-	9.337.971.253
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>438.606.719.617</b>	<b>323.864.526.400</b>	<b>32.703.172.505</b>	<b>795.174.418.522</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	240.746.018.684	94.076.120.757	27.198.503.976	362.020.643.417
Khấu hao trong năm	28.385.376.984	55.559.416.689	479.563.620	84.424.357.293
Khấu hao tài sản của dự án, tài sản cho mục đích phúc lợi	-	917.673.360	-	917.673.360
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>269.131.395.668</b>	<b>150.553.210.806</b>	<b>27.678.067.596</b>	<b>447.362.674.070</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu năm	197.860.700.933	203.898.541.372	5.504.668.529	407.263.910.834
Số dư cuối năm	169.475.323.949	173.311.315.594	5.025.104.909	347.811.744.452

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 39,4 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 36,8 tỷ VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	1.003.884.732.778	930.151.544.565
Dự án kho lưu chứa nguồn phóng xạ	2.430.982.552	185.630.532
Các công trình khác	20.182.709.780	60.021.862.188
	<b>1.026.498.425.110</b>	<b>990.359.037.285</b>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Liên doanh điều hành Cửu Long	1.002.560.729.188	1.002.560.729.188	1.645.545.089.735	1.645.545.089.735
Công ty Hoàng Long	860.407.745.789	860.407.745.789	244.595.897.248	244.595.897.248
Công ty Điều hành chung Thăng Long	175.238.596.078	175.238.596.078	217.669.842.227	217.669.842.227
Công ty Premier Oil Việt Nam Offshore B.V	44.144.550.755	44.144.550.755	-	-
Công ty Dầu khí Việt Nhật	-	-	571.739.264.948	571.739.264.948
Các đối tượng khác	370.551.386.872	370.551.386.872	449.265.304.247	449.265.304.247
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan (chỉ tiết tại Thuyết minh số 34)</b>	<b>4.615.038.402.056</b>	<b>4.615.038.402.056</b>	<b>2.871.030.367.595</b>	<b>2.871.030.367.595</b>
	<b>7.067.941.410.738</b>	<b>7.067.941.410.738</b>	<b>5.999.845.766.000</b>	<b>5.999.845.766.000</b>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp/bù trừ trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	175.866.431	175.866.431	-	-
- Thuế GTGT đầu ra	175.866.431	175.866.431	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	17.528.596.489	105.318.864.515	88.455.362.283	665.094.257
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.398.189.398	36.244.593.187	-	3.153.596.211
Thuế thu nhập cá nhân	236.908.054	12.524.811	-	224.383.243
Thuế nhà thầu	2.095.094.815	58.153.342.552	58.170.974.041	2.112.726.304
- Thuế GTGT nộp thay nhà thầu	2.095.094.815	32.023.277.683	32.023.277.683	2.095.094.815
- Thuế TNDN nộp thay nhà thầu	-	26.130.064.869	26.147.696.358	17.631.489
Tiền thuế đất	-	391.779.592	420.562.692	26.783.100
	<b>59.434.655.187</b>	<b>200.296.971.088</b>	<b>147.046.899.016</b>	<b>6.184.583.115</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	358.244.408.972	5.444.333.922.328	5.123.587.865.888	678.990.465.412
- Thuế GTGT đầu ra	358.244.408.972	4.222.419.163.791	3.901.683.784.171	678.979.788.592
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.221.914.758.537	1.221.904.081.717	10.676.820
Thuế tiêu thụ đặc biệt	410.182.624.354	4.368.705.672.651	4.208.554.142.857	570.334.154.148
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	141.025.586.542	84.201.965.721	56.823.620.821
Thuế thu nhập cá nhân	1.950.899.845	48.209.806.576	46.125.708.039	4.034.998.382
Thuế nhà thầu	1.917.717.917	-	1.917.717.917	-
- Thuế TNDN nộp thay nhà thầu	1.917.717.917	-	1.917.717.917	-
Thuế nhà đất	697.818.500	(470.480.104)	227.338.396	-
Thuế môn bài	-	10.000.000	10.000.000	-
Các loại thuế khác	6.634.297.028	119.354.314.856	112.062.969.884	13.925.642.000
Các khoản phí, lệ phí	75.509.658	-	-	75.509.658
	<b>779.703.276.274</b>	<b>10.121.168.822.849</b>	<b>9.576.687.708.702</b>	<b>1.324.184.390.421</b>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	216.449.022.997	171.009.973.482
Phải trả chi phí, vật tư vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định	45.275.257.314	-
Phải trả chi phí vận chuyển	8.091.361.074	16.537.777.835
Phải trả chi phí mua dầu thô nhập khẩu	-	1.499.493.149.796
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	12.161.602.775	2.391.194.538
	<b>281.977.244.160</b>	<b>1.689.432.095.651</b>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trả hộ nợ vay trước hạn (i)	1.925.894.960.000	-
Lợi nhuận còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	917.747.535.419	1.423.992.623.305
Phải trả tiền bán cổ phần	9.211.577.795	9.211.577.795
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.480.260.710	7.738.497.195
Ban quản lý Dự án Nhà máy Lộc dầu Dung Quất	1.118.996.642	170.383.701.042
Phải trả ngắn hạn khác	14.598.566.875	12.767.076.194
	<b>2.874.051.897.441</b>	<b>1.624.093.475.531</b>
<i>Trong đó: Phải trả khác cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	<i>2.846.136.260.431</i>	<i>1.595.602.863.419</i>

- (i) Phản ánh khoản phải trả Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam (PVN) theo Nghị quyết số 7301/NQ-DKVN ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng Thành viên PVN về việc phê duyệt chủ trương ứng trả nợ trước hạn khoản vay Dự án Nhà máy Lộc dầu Dung Quất theo Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01/2007/HĐTD-DQR giữa PVN và Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) tương ứng với số tiền 83.336.000 USD để trả trước hạn 04 kỳ trả gốc năm 2020. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty và PVN đang chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền để hai bên hoàn thành các thủ tục liên quan đến khoản trả nợ trước nêu trên.

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	Giá trị VND	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
		Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	-	13.328.000.892.845	12.928.000.892.845	400.000.000.000	400.000.000.000	
Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội	-	-	780.000.000.000	780.000.000.000	-	-	
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	-	1.410.557.460.733	1.410.557.460.733	-	-	
Ngân hàng Công Thương và Thương Hải - Chi nhánh Hà Nội	-	-	2.340.000.000.000	2.340.000.000.000	-	-	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	-	1.675.000.000.000	1.675.000.000.000	-	-	
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh - Hội sở	-	-	3.765.044.242.219	3.765.044.242.219	-	-	
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	-	-	
Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thăng Long	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	-	-	127.599.189.893	127.599.189.893	-	-	
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	-	-	1.429.800.000.000	1.029.800.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 19)</b>	<b>2.815.862.717.195</b>	<b>2.291.723.317.194</b>	<b>2.116.092.610.000</b>	<b>4.225.789.727.194</b>	<b>706.165.600.001</b>	<b>-</b>	
<b>Chi tiết số dư vay dài hạn đến hạn trả tại:</b>							
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	2.291.723.317.194	2.291.723.317.194	1.932.666.010.000	4.224.389.327.194	-	-	
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	524.139.400.001	(*)	183.426.600.000	1.400.400.000	706.165.600.001	(*)	
	<b>2.815.862.717.195</b>	<b>2.291.723.317.194</b>	<b>15.444.093.502.845</b>	<b>17.153.790.620.039</b>	<b>1.106.165.600.001</b>	<b>400.000.000.000</b>	

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (Công ty con) đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản gốc vay nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên theo hợp đồng tín dụng số 1701LAV190113043 ngày 24 tháng 10 năm 2019, Khế ước số 1701LDS190002039 ngày 31 tháng 12 năm 2019 với thời hạn vay từ ngày 31 tháng 12 năm 2019 đến ngày 07 tháng 01 năm 2020, số tiền giải ngân là 400.000.000.000 VND với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hợp đồng vay không có tài sản thế chấp. Gốc vay và lãi vay được trả một lần vào cuối thời hạn khế ước, lãi suất 4,4%/năm. Công ty đã thanh toán gốc và lãi của khoản vay tại ngày 02 tháng 01 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	10.131.233.994.365	9.044.740.137.194	-	4.232.721.085.030	5.898.512.909.335	4.813.997.880.000
Chi tiết số dư vay dài hạn tại:						
Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	9.044.740.137.194	9.044.740.137.194	-	4.230.742.257.194	4.813.997.880.000	4.813.997.880.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu Khí Miền Trung	1.086.493.857.171	(*)	-	1.978.827.836	1.084.515.029.335	(*)
	<b>10.131.233.994.365</b>	<b>9.044.740.137.194</b>	<b>-</b>	<b>4.232.721.085.030</b>	<b>5.898.512.909.335</b>	<b>4.813.997.880.000</b>

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng 706.165.600.001
- Số phải trả sau 12 tháng 5.192.347.309.334

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (Công ty con) đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản gốc vay nêu trên.

Chi tiết các khoản vay dài hạn theo ngân hàng như sau:

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Nợ dài hạn đến hạn trả sau 12 tháng	Giá trị	Nợ dài hạn đến hạn trả sau 12 tháng
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	8.682.661.900.000	1.929.645.080.000	4.813.997.880.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	362.078.237.194	362.078.237.194	-	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	522.803.558.691	252.996.585.663	521.787.529.780	340.074.746.960
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi	347.064.754.549	167.132.663.666	346.456.605.923	225.469.660.787
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất	216.625.543.931	104.010.150.672	216.270.893.632	140.621.192.254
	<b>10.131.233.994.365</b>	<b>2.815.862.717.195</b>	<b>5.898.512.909.335</b>	<b>706.165.600.001</b>

Các khoản vay dài hạn của Công ty mẹ và công ty con được dùng để đầu tư, mua sắm và xây dựng tài sản cố định. Lãi suất trong năm là từ 10,87%/năm đến 16,55%/năm (bao gồm cả lãi quá hạn) đối với đồng Việt Nam và từ 3,2%/năm đến 4,8%/năm đối với Đô la Mỹ. Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền vay, hình thức bảo đảm, và lãi suất vay như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Vay bằng USD	5.830.235.909.335	10.062.956.994.365
Vay bằng VND	68.277.000.000	68.277.000.000
	<b>5.898.512.909.335</b>	<b>10.131.233.994.365</b>
	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Vay có bảo lãnh của bên thứ 3 (Tập đoàn, Bộ Tài chính)	-	362.078.237.194
Vay có đảm bảo bằng tài sản (Thuyết minh số 11)	1.084.515.029.335	1.086.493.857.171
Vay tín chấp	4.813.997.880.000	8.682.661.900.000
	<b>5.898.512.909.335</b>	<b>10.131.233.994.365</b>
	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Vay theo lãi suất thả nổi	1.084.515.029.335	1.448.572.094.365
Vay theo lãi suất cố định	4.813.997.880.000	8.682.661.900.000
	<b>5.898.512.909.335</b>	<b>10.131.233.994.365</b>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	706.165.600.001	2.815.862.717.195
Trong năm thứ hai	2.160.419.360.000	2.112.960.980.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.031.927.949.334	5.202.410.297.170
	<b>5.898.512.909.335</b>	<b>10.131.233.994.365</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	706.165.600.001	2.815.862.717.195
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>5.192.347.309.334</b>	<b>7.315.371.277.170</b>

**20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Số dư đầu năm/kỳ	1.415.813.745.459	1.423.123.900.248
Giảm trong năm/kỳ	(3.517.626.379)	(7.310.154.789)
- Sử dụng quỹ	(3.517.626.379)	(7.310.154.789)
<b>Số dư cuối năm/kỳ</b>	<b>1.412.296.119.080</b>	<b>1.415.813.745.459</b>

H/01  
X  
FE  
M  
HA

CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp	Chênh lệch	Quý đầu tư	Quý khác thuộc	Lợi nhuận sau thuế	Lợi ích của cổ đông	Cộng
	của chủ sở hữu	tỷ giá hối đoái	phát triển	vốn chủ sở hữu	chưa phân phối	không kiểm soát	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	31.004.996.160.000	(57.718.950.430)	2.440.434.975	106.709.914	6.970.505.022	139.523.397.208	31.096.318.256.689
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	250.790.073.767	(24.650.912.046)	226.139.161.721
Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá	-	57.718.950.430	-	-	-	-	57.718.950.430
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.498.703.672)	(301.296.328)	(1.800.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(830.038.975)	(830.038.975)
Giảm khác	-	-	-	-	(25)	-	(25)
Số dư đầu năm nay	31.004.996.160.000	-	2.440.434.975	106.709.914	256.261.875.092	113.741.149.859	31.377.546.329.840
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.913.820.263.418	(40.822.853.071)	2.872.997.410.347
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018	-	-	-	-	(65.853.362.976)	(253.983.915)	(66.107.346.891)
Tạm trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi năm 2019	-	-	-	-	(129.166.019.726)	(251.080.274)	(129.417.100.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.417.584.792)	(1.417.584.792)
Giảm khác	-	-	-	-	(4.704.793)	-	(4,704,793)
Số dư cuối năm nay	31.004.996.160.000	-	2.440.434.975	106.709.914	2.975.058.051.015	70.995.647.807	34.053.597.003.711

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 18 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 31.004.996.160.000 VND, tổng số cổ phiếu là 3.100.499.616 với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	<b>Vốn đã góp</b>			
	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	28.563.802.470.000	92,13%	28.563.802.470.000	92,13%
Các cổ đông khác	2.441.193.690.000	7,87%	2.441.193.690.000	7,87%
	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>100%</b>	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>100%</b>

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.100.499.616	3.100.499.616
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.100.499.616</i>	<i>3.100.499.616</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.100.499.616	3.100.499.616
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.100.499.616</i>	<i>3.100.499.616</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	408.105,81	2.940.466,41
Euro (EUR)	2,16	2,16

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

**23. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty có 02 công ty con. Hoạt động của Công ty mẹ và các công ty con là cơ sở để hình thành nên báo cáo bộ phận của Công ty do lĩnh vực kinh doanh tương đối khác nhau:

- Công ty mẹ: thực hiện hoạt động lọc hóa dầu và kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building): quản lý nhà ở, kinh doanh dịch vụ khu dân cư, khu đô thị và các hoạt động thương mại;
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF): thực hiện sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhiên liệu sinh học.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Chỉ tiêu	Sản phẩm lọc hóa dầu		Nhiên liệu sinh học		Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ		Loại trừ nội bộ		Tổng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tài sản									
Tài sản bộ phận	52.218.212.446.096	1.429.080.960.467	226.255.282.000	(289.555.692.504)	53.583.992.996.059				
<b>Tổng Tài sản hợp nhất</b>	<b>52.218.212.446.096</b>	<b>1.429.080.960.467</b>	<b>226.255.282.000</b>	<b>(289.555.692.504)</b>	<b>53.583.992.996.059</b>				
Công nợ									
Nợ phải trả bộ phận	18.242.558.329.309	1.316.338.747.682	34.454.809.952	(62.955.894.595)	19.530.395.992.348				
<b>Tổng Nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>18.242.558.329.309</b>	<b>1.316.338.747.682</b>	<b>34.454.809.952</b>	<b>(62.955.894.595)</b>	<b>19.530.395.992.348</b>				

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Chỉ tiêu	Sản phẩm lọc hóa dầu		Nhiên liệu sinh học		Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ		Loại trừ nội bộ		Tổng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Tài sản									
Tài sản bộ phận	51.847.272.981.332	1.508.501.241.388	248.466.503.614	(392.635.916.653)	53.211.604.809.681				
<b>Tổng Tài sản hợp nhất</b>	<b>51.847.272.981.332</b>	<b>1.508.501.241.388</b>	<b>248.466.503.614</b>	<b>(392.635.916.653)</b>	<b>53.211.604.809.681</b>				
Công nợ									
Nợ phải trả bộ phận	20.591.533.160.628	1.269.956.877.763	60.198.179.901	(87.629.738.451)	21.834.058.479.841				
<b>Tổng Nợ phải trả hợp nhất</b>	<b>20.591.533.160.628</b>	<b>1.269.956.877.763</b>	<b>60.198.179.901</b>	<b>(87.629.738.451)</b>	<b>21.834.058.479.841</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiêu	Sản phẩm lọc hóa dầu VND	Nhiên liệu sinh học VND	Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng VND
Doanh thu thuần	102.724.546.230.672	25.170.004.860	337.052.183.641	(263.015.773.876)	102.823.752.645.297
Chi phí sản xuất kinh doanh	99.788.545.723.504	108.659.930.609	320.747.981.770	(263.422.779.165)	99.954.530.856.718
- Giá vốn hàng bán	98.697.523.697.030	105.297.908.896	300.606.134.743	(252.436.446.840)	98.850.991.293.829
- Chi phí bán hàng	710.446.673.326	314.667.512	3.353.674.111	-	714.115.014.949
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	380.575.353.148	3.047.354.201	16.788.172.916	(10.986.332.325)	389.424.547.940
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>2.936.000.507.168</b>	<b>(83.489.925.749)</b>	<b>16.304.201.871</b>	<b>407.005.289</b>	<b>2.869.221.788.579</b>
Doanh thu hoạt động tài chính					536.775.450.247
Chi phí tài chính					416.118.869.286
Lợi nhuận khác					64.515.872.130
<b>Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>3.054.394.241.670</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					177.270.179.729
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					4.126.651.594
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>2.872.997.410.347</b>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiêu	Sản phẩm lọc hóa dầu VND	Nhiên liệu sinh học VND	Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng VND
Doanh thu thuần	56.055.058.673.292	479.925.918	235.357.954.756	(232.054.124.846)	56.058.842.429.120
Chi phí sản xuất kinh doanh	55.617.370.619.340	41.729.470.141	227.716.832.141	(232.265.640.692)	55.654.551.280.930
- Giá vốn hàng bán	55.075.966.629.888	39.855.417.799	217.835.660.529	(222.368.029.605)	55.111.289.678.611
- Chi phí bán hàng	373.252.220.045	-	1.382.220.149	-	374.634.440.194
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	168.151.769.407	1.874.052.342	8.498.951.463	(9.897.611.087)	168.627.162.125
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>437.688.053.952</b>	<b>(41.249.544.223)</b>	<b>7.641.122.615</b>	<b>211.515.846</b>	<b>404.291.148.190</b>
Doanh thu hoạt động tài chính					335.764.591.549
Chi phí tài chính					494.697.028.827
Lợi nhuận khác					8.065.879.882
<b>Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>253.424.590.794</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					24.811.999.472
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					2.473.429.601
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>226.139.161.721</b>

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.823.756.014.297	56.058.842.429.120
Doanh thu Diesel DO	38.125.709.062.933	20.492.414.568.177
Doanh thu Xăng Mogas 95	26.692.353.973.898	13.699.235.857.922
Doanh thu Xăng Mogas 92	16.430.742.751.160	9.536.374.771.381
Doanh thu Kerosen/Jet A1	8.479.141.714.457	4.254.147.217.291
Doanh thu LPG	5.983.079.101.866	3.954.797.078.382
Doanh thu Polypropylene	4.512.820.605.656	2.418.183.728.544
Doanh thu Dầu nhiên liệu FO	1.661.960.488.449	1.201.781.252.288
Doanh thu Xăng sinh học E5	704.950.001.899	404.781.381.979
Doanh thu dịch vụ cảng biển	132.327.172.807	66.827.994.125
Doanh thu bán Pallet	28.402.868.000	5.569.416.000
Doanh thu bán sản phẩm Ethanol E100	17.068.909.603	-
Doanh thu khác	55.199.363.569	24.729.163.031
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.369.000	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>102.823.752.645.297</b>	<b>56.058.842.429.120</b>
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	<i>15.373.621.607.359</i>	<i>9.775.140.809.746</i>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng bán Diesel DO	37.009.464.968.400	19.805.471.589.431
Giá vốn hàng bán Xăng Mogas 95	25.789.079.015.418	14.087.241.162.978
Giá vốn hàng bán Xăng Mogas 92	15.808.778.247.701	9.637.356.820.369
Giá vốn hàng bán Kerosen/Jet A1	7.740.466.487.400	3.856.258.438.396
Giá vốn hàng bán LPG	5.902.869.971.359	3.595.667.801.631
Giá vốn hàng bán Polypropylene	4.507.411.275.185	2.267.592.062.219
Giá vốn hàng bán Dầu nhiên liệu FO	1.428.509.340.911	1.098.911.362.503
Giá vốn Xăng sinh học E5	684.020.650.274	412.481.947.603
Giá vốn dịch vụ cảng biển	55.590.959.997	31.270.648.233
Giá vốn bán Pallet	27.782.417.000	5.447.754.000
Giá vốn kinh doanh sản phẩm Ethanol	16.720.818.884	-
Chi phí trong thời gian dừng sản xuất Nhà máy nhiên liệu sinh học	80.731.866.670	40.303.275.387
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(235.981.692.908)	252.824.694.734
Giá vốn khác	35.546.967.538	20.462.121.127
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>98.850.991.293.829</b>	<b>55.111.289.678.611</b>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.266.866.668.665	54.764.049.746.076
Chi phí nhân công	796.193.089.683	339.970.741.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.669.285.220.333	1.324.896.748.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.656.063.760.299	904.022.090.945
Chi phí khác bằng tiền	362.388.421.485	165.831.867.972
	<b><u>103.750.797.160.465</u></b>	<b><u>57.498.771.195.193</u></b>

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	339.167.562.075	218.774.442.752
Lãi chênh lệch tỷ giá	197.187.888.172	116.780.148.797
Cổ tức được chia	420.000.000	210.000.000
	<b><u>536.775.450.247</u></b>	<b><u>335.764.591.549</u></b>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Lãi tiền vay	359.859.613.027	218.962.701.239
Lỗ chênh lệch tỷ giá	53.747.346.371	218.013.195.415
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.225.764.177	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá tại ngày 30/6/2018 chuyển sang công ty cổ phần	-	57.718.950.430
Chi phí tài chính khác	1.286.145.711	2.181.743
	<b><u>416.118.869.286</u></b>	<b><u>494.697.028.827</u></b>

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm/kỳ</b>	<b>389.424.547.940</b>	<b>168.627.162.125</b>
Chi phí nhân viên quản lý	150.918.034.220	68.585.023.011
Chi phí vật liệu quản lý	2.441.767.786	1.150.164.957
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.886.254.999	1.264.154.353
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.539.369.177	18.158.810.564
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.366.455.797	27.858.846.516
Chi phí khác bằng tiền	137.272.665.961	51.610.162.724

00.  
TY  
TE  
M  
HP



	<u>Năm nay</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm/kỳ</b>	<b>714.115.014.949</b>	<b>374.634.440.194</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	43.737.677.004	17.797.343.722
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	1.533.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.736.383.372	73.868.191.686
Chi phí vận chuyển bán sản phẩm	394.795.375.482	229.595.955.753
Chi phí bảo hiểm bán sản phẩm	933.298.949	671.247.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.845.599.083	51.167.864.831
Chi phí bán hàng xăng sinh học E5	-	248.000.000
Chi phí khác bằng tiền	66.681.059	1.284.303.002
	<b>1.103.539.562.889</b>	<b>543.261.602.319</b>
<b>30. THU NHẬP KHÁC</b>	<u>Năm nay</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Chênh lệch thừa do kiểm kê kho thành phẩm	44.478.206.730	7.994.014.790
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường, phạt hợp đồng	17.543.088.058	1.746.700
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản	483.738.663	574.822.118
Thu nhập khác	6.376.560.171	1.865.137.858
	<b>68.881.593.622</b>	<b>10.435.721.466</b>
<b>31. CHI PHÍ KHÁC</b>	<u>Năm nay</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Chi phí bồi thường, phạt hợp đồng	2.025.664.825	267.220.899
Chi phí khác	2.340.056.667	2.102.620.685
	<b>4.365.721.492</b>	<b>2.369.841.584</b>
<b>32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>	<u>Năm nay</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	175.094.251.662	24.125.790.462
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	2.175.928.067	686.209.010
	<b>177.270.179.729</b>	<b>24.811.999.472</b>



33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu chi tiết như sau:

	Năm nay	Kỳ trước
Lợi nhuận trong năm/kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.913.820.263.418	250.790.073.767
Trừ: Số tiền trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	129.166.019.726	65.853.362.976
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.784.654.243.692	184.936.710.791
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	3.100.499.616	3.100.499.616
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<b>898</b>	<b>60</b>

Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ trước bằng số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 1312/NQ-BSR ngày 25 tháng 4 năm 2019. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho trước được trình bày lại như sau:

	Số trình bày trên báo cáo kỳ trước	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	81	60	(21)

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm/kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Các Công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn

Trong năm/kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:

	Năm nay VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.373.621.607.359	9.775.140.809.746
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	13.565.534.712.777	7.703.470.480.664
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	793.396.952.424	703.075.958.206
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	524.990.208.996	580.624.729.362
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	373.261.641.531	640.528.759.475
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	84.331.191.229	45.381.394.695
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	30.236.913.901	100.873.549.784
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	1.370.880.774	825.840.298
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	345.321.182	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Trung	96.000.000	48.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	57.784.545	246.720.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	-	61.730.273
Viện Dầu khí Việt Nam	-	3.646.989

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
<b>Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp</b>	<b>53.046.564.710.124</b>	<b>32.369.109.809.592</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (*)	47.268.273.589.266	28.895.209.512.892
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01 & 02 - Điều hành Dầu khí)	2.102.825.226.565	688.686.607.403
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	1.299.009.748.855	1.444.304.108.284
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.282.983.079.618	688.190.283.080
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)	624.027.081.610	145.609.915.227
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	240.444.022.955	153.852.960.192
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	84.893.179.436	54.150.028.080
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	37.909.959.309	20.926.492.820
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	34.302.966.076	229.595.955.753
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	23.652.459.215	27.092.269.146
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	14.777.377.414	-
Viện Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	8.941.483.653	12.462.261.176
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí - Chi nhánh Giải pháp Công nghệ kiểm tra không phá hủy Dầu khí Việt Nam	7.436.037.913	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOil Miền Trung	5.424.226.479	3.036.769.936
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	4.439.572.880	1.323.105.000
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	2.895.489.851	292.011.200
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	1.306.368.132	-
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil	1.174.036.600	223.145.400
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	699.381.420	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật	296.000.000	335.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí tại Hồ Chí Minh	248.784.125	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	154.313.752	1.687.022.530
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	100.000.000	198.409.091
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	50.325.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển	-	1.598.085.000
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	-	170.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí	-	165.867.382

(\*) Mua hàng từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần bao gồm:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
- Giá trị hàng hóa và dịch vụ	141.432.616.735	53.307.181.561
- Giá trị dầu thô mua ủy thác	47.118.615.643.352	28.827.057.789.859
- Các khoản ủy thác khác	8.225.329.179	14.844.541.472
	<b>47.268.273.589.266</b>	<b>28.895.209.512.892</b>

	Năm nay VND	Kỳ trước VND
<b>Nhận trả trước nợ vay</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.935.895.280.000	-
<b>Nộp lợi nhuận</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	506.245.087.886	4.850.000.000.000
<b>Thu nhập của Ban lãnh đạo</b>	<b>20.148.019.000</b>	<b>8.613.130.000</b>

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>1.837.133.892.338</b>	<b>1.516.952.225.140</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.588.484.124.730	1.038.656.820.793
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	103.854.638.626	174.793.874.384
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	71.143.449.656	154.463.491.386
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	53.216.420.850	135.460.121.321
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	15.251.135.610	12.579.511.554
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	5.090.559.866	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	63.563.000	271.392.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	30.000.000	102.720.313
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	-	413.549.421
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	210.743.968
<b>Trả trước nhà cung cấp</b>	<b>48.056.609.709</b>	<b>47.246.377.368</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	47.272.509.876	45.379.877.535
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí	694.999.833	694.999.833
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	89.100.000	89.100.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	1.082.400.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>1.333.435.575</b>	<b>1.333.225.575</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.118.996.642	1.118.996.642
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	169.784.400	169.784.400
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	44.444.533	44.444.533
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	210.000	-

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>	<b>4.615.038.402.056</b>	<b>2.871.030.367.595</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	3.704.917.704.343	2.499.485.052.166
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí lô 01 và 02 (Điều hành Dầu khí)	578.259.334.464	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	208.557.105.747	187.604.273.197
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	46.768.614.605	20.002.072.148
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	25.476.451.462	52.300.543.663
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 và 02/97)	15.111.408.994	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	11.774.127.960	1.538.837.640
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	6.962.649.159	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	6.868.486.519	7.284.541.221
Viện Dầu khí Việt Nam	4.401.603.822	10.387.758.223
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	2.402.898.994	217.645.800
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	1.286.382.937	1.347.639.267
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	889.979.750	1.080.153.790
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	871.990.762	288.381.500
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	273.662.538	21.578.162.071
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	216.000.000	-
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	-	150.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	-	66.698.100.429
Công ty TNHH Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu khí Biển PVD	-	1.057.034.000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil	-	10.172.480
<b>Phải trả khác</b>	<b>2.846.136.260.431</b>	<b>1.595.602.863.419</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.843.642.495.419	1.423.992.623.305
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.374.768.370	1.226.539.072
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.118.996.642	170.383.701.042

### 35. CÁC KHOẢN CAM KẾT

#### *Cam kết mua hàng và sử dụng dịch vụ*

Theo Hợp đồng số 98/2018/HĐ/BSR-QPC ngày 15 tháng 8 năm 2018 và phụ lục số 01 ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (BSR) và Công ty QUAD Personnel Consultant (QUAD), QUAD cung cấp cho BSR dịch vụ quản lý, vận hành và sửa chữa Nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nhà máy Polypropylene (bao gồm cả dịch vụ hướng dẫn, đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên) trong thời gian tổng cộng 20 tháng với tổng giá trị là 17,8 triệu USD, hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký kết.

#### *Cam kết tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất*

Theo điều khoản của các Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm xăng dầu của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất ký giữa Công ty (bên A) và các đầu môi (bên B) như Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVOil), Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hàng không Việt Nam (Vinapco), Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)..., trong năm 2020, bên A cung cấp cho bên B các sản phẩm xăng dầu của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với giá bán theo điều kiện FOB/FCA Dung Quất, LPG theo điều kiện CIF được xác định trên cơ sở giá tham chiếu quốc tế cộng thêm phụ phí thị trường và các khoản thuế nộp vào Ngân sách Nhà nước (nếu có) đảm bảo cạnh tranh với thị trường.

***Cam kết đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất***

Theo Quyết định số 9016/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 12 năm 2014, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với quy mô đầu tư khoảng 8,5 triệu tấn/năm. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.813.470.000 USD với cơ cấu vốn của chủ sở hữu/vốn vay tối thiểu là 30/70. Thời gian thực hiện dự án là 78 tháng kể từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu (ITB) lựa chọn nhà thầu thiết kế tổng thể (FEED). Theo Nghị Quyết số 1144/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt thiết kế FEED và dự toán của dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang tiến hành công tác thu xếp vốn và lựa chọn nhà thầu EPC.

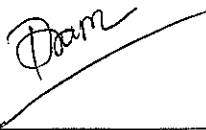
***Cam kết thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần 4 Nhà máy Lọc dầu Dung Quất***

Theo Quyết định số 2639/QĐ-BSR ngày 24 tháng 7 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Kế hoạch bảo dưỡng tổng thể lần 4 Nhà máy lọc dầu Dung Quất trong năm 2020. Tổng dự toán bao gồm 79.651.797,90 USD và 216.528.480.490 VND với nguồn vốn từ nguồn chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời gian thực hiện bảo dưỡng dự kiến hoàn thành trước ngày 02 tháng 8 năm 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu trong kế hoạch.

**36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 69.525.263.490 VND (cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018: 124.490.576.426 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán, và đã bao gồm 3.268.908.404 VND (cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018: 534.469.832.380 VND), là số tiền ứng trước cho mua sắm tài sản cố định. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Lê Thị Hồng Trâm  
Người lập biểu



Bạch Đức Long  
Kế toán trưởng



Đinh Thái Hà  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2020

## Phụ lục số 07 - Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1312/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1312/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Tổng LNST chưa phân phối</b>	<b>3.098.575.056.787</b>
	Trong đó:	
	- LNST chưa phân phối năm 2018 chuyển sang sau khi trích quỹ theo NQ 1312	186.153.660.704
	- LNST năm 2019	2.912.421.396.083
1	Quỹ Đầu tư phát triển	-
2	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	127.304.200.000
	Trong đó:	
	- Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi người lao động (03 tháng lương bình quân của NLD)	125.336.500.000
	- Quỹ Thưởng người quản lý (1,5 tháng lương bình quân của người quản lý)	1.967.700.000
3	Bổ sung quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động (*)	125.336.500.000
<b>II</b>	<b>LNST chưa phân phối năm 2019 chuyển sang năm 2020</b>	<b>2.845.934.356.787</b>

(\*) 20% LNST phần vượt Kế hoạch nhưng không quá 3 tháng lương bình quân của NLD;

Mặc dù kết quả SXKD của BSR năm 2019 có lãi tuy nhiên kể từ tháng 6/2019 diễn biến giá dầu thô, sản phẩm rất khó lường và bất lợi cho các nhà máy lọc dầu nói chung và BSR nói riêng. Cùng với dịch viêm phổi Covid-19 đang

ảnh hưởng nghiêm trọng đến kế hoạch sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của BSR từ đầu năm 2020 đến nay.

Với tình hình giá dầu thô và sản phẩm hiện nay giảm rất mạnh trong bối cảnh tồn kho luôn ở mức cao do hậu quả của đại dịch cúm Covid-19 dẫn đến tiêu thụ sản phẩm giảm mạnh, BSR đang chịu tổn thất giảm giá hàng tồn kho lên đến hàng nghìn tỷ đồng, đồng thời khoảng cách giữa giá dầu thô và sản phẩm thấp thậm chí có những giai đoạn giá dầu thô cao hơn giá sản phẩm dẫn đến lợi nhuận sản xuất kinh doanh của BSR quý I/2020 lỗ 2.332 tỷ đồng và dự kiến sẽ còn kéo dài đến hết năm 2020, công tác thanh toán mua dầu thô vẫn được thực hiện đúng hạn, trong khi sản lượng tiêu thụ giảm, chi phí mua sắm phục vụ bảo dưỡng tổng thể trong quý III/2020, dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất vẫn triển khai, theo đó dòng tiền năm 2020 dự kiến bị thiếu hụt khoảng 3.800 tỷ đồng (theo dự báo giá dầu thô và sản phẩm của WoodMackenzie phát hành giữa tháng 4/2020) nếu BSR chia cổ tức 3% năm 2019.

Hiện tại BSR đang nỗ lực triển khai các phương án ứng phó với diễn biến của thị trường nhằm giảm thiểu thiệt hại cho BSR. Do đó một trong những giải pháp để BSR có nguồn tiền dự trữ thanh khoản cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong tình hình khó khăn là kiến nghị Đại hội đồng cổ đông Phương án không chia cổ tức năm 2019.

Bên cạnh đó, với tình hình sản xuất kinh doanh như đã trình bày ở trên, quý I/2020 lỗ 2.332 tỷ đồng và dự kiến tiếp tục lỗ ở những tháng tiếp theo của năm 2020, vì vậy BSR kiến nghị không trích quỹ Đầu tư phát triển trong năm 2019 mà lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 được để lại ở chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng Cân đối Kế toán để có nguồn bù trừ cho khoản lỗ của năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHCĐ Công ty xem xét, thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHCĐ Công ty xem xét ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định phân phối lợi nhuận năm 2020 theo hướng đảm bảo quyền lợi cao nhất cho các cổ đông do các khó khăn đặc thù trong năm 2020, báo cáo ĐHCĐ kết quả thực hiện và công bố thông tin, đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Người Phụ trách quản trị Công ty;
- Thư ký Công ty;
- Website BSR;
- Lưu: VT, VP HĐQT, binhvt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



## Phụ lục 08 - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1312/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1312/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số ngành nghề kinh doanh cho BSR như sau:

### 1. Bổ sung một số ngành nghề kinh doanh mới:

Stt	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. <i>Chi tiết: Cho thuê thiết bị phòng thử nghiệm, thiết bị đo lường, điều khiển; thiết bị máy móc công nghiệp.</i>	7730
2	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. <i>Chi tiết: Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (ngô, sắn)</i>	4620

### 2. Bổ sung một số lĩnh vực mới vào các ngành nghề kinh doanh đã có tại Điều lệ:

Stt	Ngành nghề kinh doanh	Ghi chú
1	Cung ứng và quản lý nguồn lao động. <i>Chi tiết:</i> - <i>Cung cấp và cho thuê nhân sự vận hành phòng thử nghiệm, phân tích thử nghiệm; an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, môi trường, y tế và sức khỏe nghề nghiệp;</i> - <i>Cung cấp và cho thuê nhân sự về đánh giá Hệ</i>	7830

	<i>thống đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, Hệ thống quản lý năng lực phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.</i>	
2	<p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu.</p> <p><i>Chi tiết: Đào tạo nhân lực về xây dựng Hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, Hệ thống quản lý năng lực phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.</i></p>	8559
3	<p>Sửa chữa thiết bị khác.</p> <p><i>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị phòng thử nghiệm.</i></p>	3319

*(Nội dung đề xuất chi tiết như bảng đính kèm Tờ trình này).*

Các ngành nghề kinh doanh nêu trên được đề xuất bổ sung nhằm giúp Công ty chủ động giải quyết được các khó khăn vướng mắc trong hoạt động SXKD, phát huy nguồn lực nội bộ của BSR, tạo thêm việc làm, nâng cao tay nghề/thu nhập cho người lao động, gia tăng lợi nhuận cho BSR và góp phần tiết giảm chi phí, vì vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua đề xuất bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn như mục 1, 2 nêu trên;

- Thông qua dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn sau khi sửa đổi, bổ sung như tài liệu đính kèm;

- Giao cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn tổ chức thực hiện việc đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh và điều chỉnh, bổ sung nội dung dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn liên quan đến ngành nghề kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan đăng ký doanh nghiệp (nếu có) và báo cáo các nội dung chỉnh sửa, bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Người Phụ trách quản trị Công ty;
- Thư ký Công ty;
- Website BSR;
- Lưu: VT, VP HĐQT, binhvt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

## ĐỀ XUẤT BỔ SUNG NGÀNH NGHỀ KINH DOANH MỚI VÀ MỘT SỐ LĨNH VỰC KINH DOANH VÀO NGÀNH NGHỀ HIỆN CÓ CỦA BSR

### 1. Bổ sung một số ngành nghề kinh doanh mới:

Stt	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành	Lý do đề xuất
1	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. <i>Chi tiết: Cho thuê thiết bị phòng thử nghiệm, thiết bị đo lường, điều khiển; thiết bị máy móc công nghiệp.</i>	7730	Tận dụng nguồn lực của phòng thử nghiệm BSR (trang thiết bị, nhân sự) để thực hiện các dịch vụ ra bên ngoài nhằm nâng cao tay nghề, mang lại lợi nhuận cho Công ty.
2	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. <i>Chi tiết: Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (ngô, sắn)</i>	4620	Hỗ trợ lĩnh vực phát triển các dự án nhiên liệu sinh học.

### 2. Bổ sung một số lĩnh vực mới vào các ngành nghề kinh doanh đã có tại Điều lệ:

Stt	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành	Lý do đề xuất
1	Cung ứng và quản lý nguồn lao động. <i>Chi tiết:</i> - <i>Cung cấp và cho thuê nhân sự vận hành phòng thử nghiệm, phân tích thử nghiệm; an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, môi trường, y tế và sức khỏe nghề nghiệp;</i> - <i>Cung cấp và cho thuê nhân sự về đánh giá Hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, Hệ thống quản lý năng lực phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.</i>	7830	Nhân sự của BSR được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm đáp ứng được yêu cầu công việc. Việc thực hiện các dịch vụ ra bên ngoài nhằm nâng cao tay nghề, mang lại lợi nhuận cho Công ty.
2	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Đào tạo nhân lực về xây dựng Hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, Hệ thống quản lý năng lực phòng thử nghiệm</i>	8559	

	<i>theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.</i>		
3	Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: <i>Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị phòng thử nghiệm.</i>	3319	

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

## **ĐIỀU LỆ**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ...../NQ-BSR ngày ..... của  
Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn)

Quảng Ngãi, ngày ..... tháng ..... năm .....

## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU .....	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty .....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty .....	7
III. MỤC TIÊU VÀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH .....	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty .....	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN .....	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần .....	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	11
Điều 10. Thu hồi cổ phần .....	11
Điều 11. Chào bán cổ phần .....	12
Điều 12. Mua lại cổ phần .....	12
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....	13
Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....	14
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	14
Điều 14. Quyền của cổ đông .....	14
Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông .....	15
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông .....	16
Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	17
Điều 18. Các đại diện được ủy quyền .....	18
Điều 19. Thay đổi các quyền .....	19
Điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....	20
Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	22
Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông .....	22
Điều 23. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	24
Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	25
Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	27
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	28
Điều 27. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	28
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	29

Điều 28. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	30
Điều 30. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị .....	30
Điều 31. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	31
Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	33
Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	34
Điều 34. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	34
Điều 35. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	37
Điều 36. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	37
Điều 37. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	37
Điều 38. Người phụ trách quản trị Công ty .....	38
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THƯ KÝ</b>	
<b>CÔNG TY .....</b>	<b>39</b>
Điều 39. Tổ chức bộ máy quản lý.....	39
Điều 40. Người điều hành doanh nghiệp.....	39
Điều 41. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc .....	39
Điều 42. Thư ký Công ty .....	41
<b>IX. BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>41</b>
Điều 43. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên .....	41
Điều 44. Kiểm soát viên .....	42
Điều 45. Ban kiểm soát.....	43
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN,</b>	
<b>TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC .....</b>	<b>45</b>
Điều 46. Trách nhiệm cẩn trọng .....	45
Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	45
Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	46
<b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....</b>	<b>47</b>
Điều 49. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc .....	47
Điều 50. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	48
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....</b>	<b>48</b>
Điều 51. Công nhân viên và công đoàn.....	48
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....</b>	<b>48</b>
Điều 52. Phân phối lợi nhuận .....	48
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ</b>	
<b>TOÁN.....</b>	<b>49</b>
Điều 53. Tài khoản ngân hàng.....	49
Điều 54. Năm tài chính.....	49
Điều 55. Chế độ kế toán .....	50
<b>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO</b>	
<b>RA CÔNG CHÚNG.....</b>	<b>50</b>

Điều 56. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý .....	50
Điều 57. Báo cáo thường niên .....	51
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY .....	51
Điều 58. Kiểm toán.....	51
XVII. CON DẤU .....	51
Điều 59. Con dấu .....	51
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ .....	52
Điều 60. Chấm dứt hoạt động.....	52
Điều 61. Thanh lý .....	52
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	53
Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	53
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....	53
Điều 63. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....	53
XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....	54
Điều 64. Ngày hiệu lực.....	54



## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số /NQ-BSR ngày ... tháng ... năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- b) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;
- c) “Công ty” là Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;
- d) “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết;
- e) “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;
- f) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2015;
- g) "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- h) "Ngày thành lập" là ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu dưới hình thức công ty cổ phần;
- i) "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ;
- j) “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- k) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được quy định như sau:
  - i. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
  - ii. Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
  - iii. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;

iv. Người quản lý doanh nghiệp;

v. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

vi. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm i, ii, iii, iv và v khoản này;

vii. Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các Điểm i, ii, iii, iv, v, vi và viii Khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;

viii. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

l) "Pháp luật" là các quy định pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm các bộ luật/luật và các văn bản dưới luật do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành. Các thuật ngữ không được định nghĩa trong Điều lệ này được giải thích theo quy định pháp luật;

m) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

n) "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý doanh nghiệp khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

o) "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

p) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

a) Tên tiếng Việt:

## CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

b) Tên tiếng Anh:

BINH SON REFINING AND PETROCHEMICAL JOINT STOCK COMPANY

c) Tên viết tắt: BSR

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

a) Địa chỉ: số 208 đại lộ Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

b) Điện thoại: 84-255- 3825825; Fax: 84-255- 3825826.

c) Website: <http://www.bsr.com.vn>.

4. Logo của Công ty:



5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải cư trú ở Việt Nam, việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật khi vắng mặt thực hiện theo quy định Luật Doanh nghiệp.

## 2. Quyền của người đại diện theo pháp luật

a) Ký kết các hợp đồng nhân danh/đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty;

b) Đại diện cho Công ty làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đại diện cho Công ty trong các quan hệ quốc tế, tố tụng, tranh chấp, giải thể, phá sản;

c) Ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong trường hợp vắng mặt theo quy định pháp luật và Điều lệ;

d) Các quyền khác theo quy định Điều lệ, quy định nội bộ Công ty và pháp luật.

## 3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện theo pháp luật và người có liên quan của người đại diện theo pháp luật làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại doanh nghiệp khác.

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản a, b và c Điều này;

d) Các trách nhiệm khác theo quy định Điều lệ, quy định nội bộ Công ty và pháp luật.

## III. MỤC TIÊU VÀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

### Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

#### 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

Ngành nghề kinh doanh của Công ty được nêu tại Phụ lục kèm theo Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

#### 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

– Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn do các Cổ đông đầu tư tại Công ty và vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác; hoàn thành các nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao;

– Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty.

### Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc

gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN**

##### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 31.004.996.160.000 đồng (bằng chữ: ba mươi một nghìn, không trăm lẻ bốn tỷ, chín trăm chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi ngàn đồng).

2. Công ty có thể tăng, giảm Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Công ty sẽ tiến hành sửa đổi nội dung tại Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đảm bảo việc tăng, giảm vốn Điều lệ.

3. Các hình thức tăng, giảm Vốn điều lệ thực hiện theo Điều lệ này và các quy định pháp luật Việt Nam.

##### **4. Cổ phần**

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.100.499.616 cổ phần với mệnh giá một cổ phần là mười nghìn (10.000) đồng Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ban hành Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 3.100.499.616 cổ phần (Bằng chữ: ba tỷ, một trăm triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm mười sáu cổ phần).

5. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này toàn bộ là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều lệ này.

6. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.

7. Cổ phần phổ thông dự kiến phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

## **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu do Công ty phát hành bao gồm các thông tin chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Số và ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên Chứng nhận cổ phiếu;
- e) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức (đối với cổ phiếu có ghi tên);
- f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;
- g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
- h) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành Chứng nhận cổ phiếu tương ứng;
- i) Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi biểu quyết, ngoài những thông tin trên còn phải ghi rõ mức được biểu quyết và thời hạn hiệu lực ưu đãi biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này;
- j) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

## **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

## **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Cổ phần do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sở hữu tại Công ty được bán tiếp theo phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 150% lãi suất tiết kiệm trung bình kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau được tất cả các ngân hàng mà Công ty có giao dịch tiền gửi áp dụng cho các khách hàng cá nhân mỗi năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

### **Điều 11. Chào bán cổ phần**

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;

b) Chào bán ra công chúng;

c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo thời hạn pháp luật quy định.

5. Điều kiện và trình tự thực hiện chào bán cổ phần theo các hình thức trên được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **Điều 12. Mua lại cổ phần**

1. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;



d) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

## 2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

a) Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại Điểm này.

b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

## 3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

a) Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quyết định của Công ty hoặc theo yêu cầu của cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định của pháp luật. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

## V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

### **Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 14. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (khi Công ty thực hiện việc bỏ phiếu từ xa). Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Cổ đông có quyền gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản theo thẩm quyền và thể thức quy định tại Điều lệ này;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của đợt chào bán, Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;

j) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 28 và Điều 43 Điều lệ này;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong những trường hợp sau đây:

– Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

– Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và khi thay đổi địa chỉ.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

### **Điều 16. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

4. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản

yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### 6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c) Khoản 5 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d, e Khoản 5 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và các quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm c Khoản 6 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 5 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và các quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b) Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a) Thông qua báo cáo tài chính năm;

b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

h) Thông qua Quy chế quản trị Công ty được Hội đồng quản trị xây dựng;

i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l) Quyết định đầu tư, giao dịch đầu tư/mua/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 18. Các đại diện được ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu từ 10% đến 51% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền cho tối đa ba (03) người tham dự; cổ đông là tổ chức sở hữu trên 51% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền cho hơn ba (03) người tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty, có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân/người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Người đại diện theo ủy quyền, Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và chữ ký của cá nhân/Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp hoặc theo văn bản ủy quyền một (01) lần của cổ đông là tổ chức.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện quy định tại Khoản 4 Điều này trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

## **Điều 19. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông

qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21 và Điều 23 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

## **Điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b, c Khoản 6 Điều 16 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Chuẩn bị chương trình và nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời



hợp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

4. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Trường hợp Công ty đã được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán, các thông báo về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông còn phải được công bố trên các phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán theo các quy định pháp luật.

5. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

6. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại Khoản 4 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp cho các cổ đông để có thể tiếp cận.

7. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

8. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 8 Điều này trong các trường hợp sau:

- a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này;

c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

10. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

### **Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

### **Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, việc biểu quyết được thực hiện theo phương thức: số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định hoặc một phương thức khác phù hợp quy định pháp luật, được quy định cụ thể tại các quy chế nội bộ Công ty hoặc được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

4. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.

5. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp, chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử trong số những người dự họp và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố, người có số phiếu bầu cao nhất là Chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

Chủ tọa cuộc họp cử một hoặc một số người làm Thư ký lập Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

8. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

9. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết trong các trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Đại hội họp lại vẫn phải đủ số lượng cổ đông có quyền biểu quyết như quy định tại Điều lệ này và sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định nêu trên, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số người dự họp để thay thế Chủ

tọa điều hành cuộc họp đến lúc kết thúc và tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Người triệu tập Đại hội có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

11. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Chủ tọa của đại hội cho là thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

12. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

14. Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 23. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tán thành:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- b) Loại cổ phần và số lượng cổ phần từng loại được chào bán;

- c) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d) Quyết định việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức sở hữu hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- e) Quyết định dự án đầu tư, giao dịch đầu tư/mua/bán số tài sản của Công ty hoặc các chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của Công ty;
- f) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này, các nghị quyết về các nội dung khác quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này được thông qua khi số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt dự họp biểu quyết tán thành; trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản cũng phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

#### **Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm cả các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 23 Điều lệ này và Khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4, 5 Điều này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử, nội dung phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các quyết định đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 10 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

#### **Điều 27. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:**

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua trừ trường hợp thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó quy định khác.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.



3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 28. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- d) Trình độ học vấn;
- e) Trình độ chuyên môn;
- f) Quá trình công tác;
- g) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- h) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- i) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- j) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- k) Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng

cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

### **Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) đến bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Căn cứ tình hình thực tế, Công ty sẽ tiến hành bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

### **Điều 30. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

### **Điều 31. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người quản lý doanh nghiệp đó;

f) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

g) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

h) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;

i) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

j) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

k) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;

l) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

m) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

n) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và quyết định mức lương của họ. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

o) Xây dựng Quy chế quản trị Công ty để Đại hội đồng cổ đông thông qua;

p) Đề xuất việc thực hiện các dự án đầu tư/giao dịch mua/bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

q) Quyết định, phê duyệt và tổ chức triển khai các công việc tiếp theo sau khi được ĐHĐCĐ quyết định đầu tư hoặc giao dịch quy định tại Điểm 1 Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này phù hợp với quy định pháp luật và báo cáo ĐHĐCĐ kết quả thực hiện.

r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b) Thành lập các công ty con của Công ty;

c) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;

d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần trong mỗi mười hai (12) tháng;

j) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những Người điều hành doanh nghiệp khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty theo quy định, quy chế nội bộ của Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các người quản lý doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

### **Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao và/hoặc tiền lương, tiền thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao và/hoặc tiền lương, tiền thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, và/hoặc tiền lương, tiền thưởng, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm

thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

### **Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp của Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

### **Điều 34. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Ban kiểm soát.
- b) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý doanh nghiệp khác;
- c) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác (nếu có).

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

#### 11. Biểu quyết.

a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 5 Điều 47 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.



13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

### **Điều 35. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

### **Điều 36. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do quy chế nội bộ Công ty quy định.

### **Điều 37. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:  
a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ và pháp luật Việt Nam;

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức;

d) Trường hợp khác quy định của Pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên không điều hành Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

### **Điều 38. Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**

### **Điều 39. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

### **Điều 40. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành doanh nghiệp khác cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Tiền lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

### **Điều 41. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty.
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi

ích và các điều khoản liên quan khác. Thông tin về thù lao, tiền lương, trợ cấp, lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e) Kiến nghị số lượng và Người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị tiền lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác đối với Người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g) Trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h) Triển khai kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

j) Thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động đã ký với Công ty.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

#### **Điều 42. Thư ký Công ty**

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
5. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công bố thông tin và thủ tục hành chính;
6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **IX. BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 43. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 28 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm

soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

#### **Điều 44. Kiểm soát viên**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) đến năm (05) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

6. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 8 Điều này và phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty và không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty. Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

7. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

#### 8. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác;
- c) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

10. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật Việt Nam;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

11. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 45. Ban kiểm soát**

1. Ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát còn có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
- b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c) Thực hiện giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- d) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- f) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, tính nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- g) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;

h) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

i) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;

j) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

k) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

l) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản tới Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

m) Có quyền tham dự hoặc tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

n) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao và thanh toán các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc thuê, sử dụng tư vấn;

o) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Kiểm soát viên có nghĩa vụ thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 168 Luật Doanh nghiệp;

q) Các quyền đối với hoạt động kế toán, kiểm toán của Công ty theo quy định tại quy chế nội bộ của Công ty, quy định pháp luật;

r) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ban kiểm soát có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 166 Luật doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp tất cả các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và



Hội đồng quản trị, thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và các thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Kiểm soát viên tại cùng thời điểm và phương thức như được cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được coi là họp lệ khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số lượng Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao và/hoặc tiền lương, tiền thưởng của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC**

### **Điều 46. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty.

### **Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty có trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau:

– Đối với hợp đồng có giá trị từ nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

– Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

– Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và những người có liên quan với các thành phần này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã

hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 49. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc**

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn sáu (06) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm nghĩa vụ Người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

e) Sử dụng địa vị, chức vụ hoặc sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện được thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện

nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

### **Điều 50. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 28 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

3. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 51. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành khác của Công ty.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 52. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

### **Điều 53. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản theo quy định.

### **Điều 54. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm (01/01) và kết thúc vào ngày thứ Ba mươi một của tháng Mười hai (31/12). Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ Ba mươi một của tháng Mười hai (31/12) của năm mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

## **Điều 55. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

### **Điều 56. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 58 Điều lệ này, và trong thời hạn một trăm hai mươi (120) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi Công ty niêm yết cổ phiếu) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng đã soát xét và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi Công ty niêm yết cổ phiếu) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp

3. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (khi công ty niêm yết hoặc là công ty đại chúng quy mô lớn) của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

4. Công ty phải thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định tại Điều 108 và Điều 109 Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định khác về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

### **Điều 57. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 58. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **XVII. CON DẤU**

### **Điều 59. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty. Công ty có hai (02) con dấu giống nhau, hình tròn, mực màu đỏ. Một (01) con dấu được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, một (01) con dấu được lưu giữ tại văn phòng điều hành nhà máy tại Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Nội dung con dấu: Chính giữa con dấu là tên doanh nghiệp; vành dấu có mã số doanh nghiệp và địa chỉ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu theo đúng quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật. Con dấu phải được lưu giữ tại các địa điểm nêu tại Khoản 1 Điều này và phải được quản lý chặt chẽ. Trường hợp cần thiết để giải quyết công việc ngoài các địa điểm nêu trên thì người đại diện theo pháp luật Công ty có thể mang con dấu đi theo và phải chịu trách nhiệm về việc mang con dấu ra khỏi Công ty.

5. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng con dấu theo quy định nội bộ của Công ty và pháp luật hiện hành.

6. Các con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng con dấu.

## **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 60. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 61. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên: hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:



- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;

Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành doanh nghiệp cao cấp.

2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

3. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

4. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 63. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy

định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 64. Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 64 Điều và 01 Phụ lục kèm theo được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2020 tại tỉnh Quảng Ngãi và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này kể từ ngày ... tháng ... năm 2020.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a) Một (01) bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước của địa phương.

b) Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền .

c) Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGÀNH NGHỀ KINH DOANH  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

(Phụ lục kèm theo Điều lệ Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn)

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế <i>Chi tiết: Sản xuất, chế biến dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	1920
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên <i>Chi tiết: Đầu tư và phát triển các dự án lọc - hóa dầu, nhiên liệu sinh học trong và ngoài nước.</i>	0910
3	Cung ứng và quản lý nguồn lao động <i>Chi tiết:</i> - <i>Cung cấp và cho thuê chuyên gia về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;</i> - <i>Cung cấp và cho thuê nhân sự vận hành phòng thử nghiệm, phân tích thử nghiệm; an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, môi trường, y tế và sức khỏe nghề nghiệp;</i> - <i>Cung cấp và cho thuê nhân sự về đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, Hệ thống quản lý năng lực phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.</i>	7830
4	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan <i>Chi tiết: Kinh doanh, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	4661
5	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> - <i>Đào tạo nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;</i>	8559

	- Đào tạo nhân lực về xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, Hệ thống quản lý năng lực phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.	
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết: Vận chuyển dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	4933
7	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>Chi tiết: Lưu giữ dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	5210
8	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	4669
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Cung cấp các vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	4659
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Xuất nhập khẩu dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	8299
11	Sửa chữa thiết bị khác <i>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị khác trong ngành lọc - hoá dầu; Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị phòng thử nghiệm.</i>	3319
12	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ phân tích dầu thô, sản phẩm dầu mỏ và các hóa chất, phụ gia, xúc tác, nhiên liệu sinh học liên quan đến lĩnh vực lọc - hoá dầu.</i>	7120

13	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p><i>Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp - Giám sát lắp TBCT, D.Dựng-H.Thiện hệ thống đường ống dầu khí, kho chứa dầu khí.</i></p>	7110
14	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p><i>Chi tiết: Dịch vụ hàng hải, cảng biển liên quan đến ngành lọc - hóa dầu.</i></p>	5229
15	<p>Sửa chữa máy móc, thiết bị</p> <p><i>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong ngành lọc - hóa dầu.</i></p>	3312
16	<p>Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống</p> <p><i>Chi tiết: Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (ngô, sắn).</i></p>	4620
17	<p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.</p> <p><i>Chi tiết: Cho thuê thiết bị phòng thử nghiệm, thiết bị đo lường, điều khiển; thiết bị máy móc công nghiệp.</i></p>	7730

## **Phụ lục 09 - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1312/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Trên cơ sở xem xét, đánh giá năng lực, kinh nghiệm của các công ty kiểm toán, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền HĐQT, Ban Kiểm soát lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 từ các Công ty sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
2. Công ty TNHH PwC (Việt Nam);
3. Công ty TNHH KPMG.

Ban kiểm soát Công ty kính trình ĐHCĐ Công ty xem xét, thông qua.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS;
- TGD;
- Người Phụ trách quản trị Công ty;
- Thư ký Công ty;
- Lưu: BKS, VT, VPHĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

## **Phụ lục 10 - Tờ trình về việc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn niêm yết chứng khoán**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán, Luật chứng khoán sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1312/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;
- Căn cứ Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1312/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;
- Căn cứ tình hình thực tế tại Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn.

### **I. Thực tế tình hình giao dịch và thực hiện niêm yết cổ phiếu của Công ty**

- Sau khi thực hiện chào bán ra công chúng, tháng 3/2018 cổ phiếu của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (mã chứng khoán: BSR) được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom với tổng số cổ phiếu lưu hành là 3.100,5 triệu cổ phiếu.
- Tính đến tháng 3/2020, giá giao dịch của cổ phiếu BSR giảm sâu (giao dịch dưới mệnh giá) với mức thanh khoản kém.
- Trong giai đoạn 2018-2019, Công ty chưa thể thực hiện việc niêm yết cổ phiếu tại các Sở Giao dịch chứng khoán do chưa đủ điều kiện về hồ sơ niêm yết (báo cáo tài chính của Công ty giai đoạn 2016-2018 có ý kiến kiểm toán ngoại trừ).
- Đến tháng 3/2020, sau khi rà soát các điều kiện niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE), Công ty nhận thấy cổ phiếu BSR đã đủ điều kiện để thực hiện đăng ký niêm yết tại HNX. (Chi tiết như dưới đây)

<b>STT</b>	<b>Tiêu chí điều kiện niêm yết</b>	<b>Đánh giá tại thời điểm lập báo cáo</b>	
		<b>HNX</b>	<b>HOSE</b>
1.	Vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký niêm yết tối thiểu: <ul style="list-style-type: none"><li>- 120 tỷ đồng đối với HOSE.</li><li>- 30 tỷ đồng đối với HNX.</li></ul>	Đáp ứng.	Đáp ứng.

STT	Tiêu chí điều kiện niêm yết	Đánh giá tại thời điểm lập báo cáo	
		HNX	HOSE
2.	<p>Đã hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần tối thiểu tính đến thời điểm đăng ký niêm yết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 năm hoạt động đối với HNX.</li> <li>- 02 năm hoạt động đối với HOSE</li> </ul> <p>(Ngoại trừ doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa gắn liền với niêm yết).</p>	Đáp ứng	<p>Chưa đáp ứng do Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành CTCP từ ngày 01/07/2018</p> <p>Dự kiến đáp ứng vào 01/07/2020</p>
3.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm gần nhất tối thiểu là 5%.	Đáp ứng	Đáp ứng
4.	Hoạt động kinh doanh của hai năm liền trước năm đăng ký niêm yết phải có lãi.	Không quy định	Đáp ứng
5.	Không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm.	Đáp ứng	Đáp ứng
6.	Không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký niêm yết.	Đáp ứng	Đáp ứng
7.	Tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán báo cáo tài chính.	Đáp ứng	Đáp ứng
8.	Công khai mọi khoản nợ đối với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan.	Đáp ứng	Đáp ứng
9.	<p>HOSE: Tối thiểu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty do ít nhất ba trăm (300) cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ, trừ trường hợp doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>HNX: Tối thiểu 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty do ít nhất một trăm (100) cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ, trừ trường hợp doanh</p>	Đáp ứng	Đáp ứng



STT	Tiêu chí điều kiện niêm yết	Đánh giá tại thời điểm lập báo cáo	
		HNX	HOSE
	ngành nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.		
10.	Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty và các chức danh tương đương; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh tương đương của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.	Khả năng đáp ứng toàn bộ do các cổ đông thể hiện sự cam kết cao và mong muốn thực hiện niêm yết cổ phiếu.	Khả năng đáp ứng toàn bộ do các cổ đông thể hiện sự cam kết cao và mong muốn thực hiện niêm yết cổ phiếu.
11.	Có hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu hợp lệ theo quy định	Đáp ứng	Chưa đáp ứng về điều kiện báo cáo tài chính 02 năm liên tiếp không có ý kiến kiểm toán ngoại trừ.  BSR sẽ cố gắng thực hiện đầy đủ theo quy định

## II. Một số giá trị khi thực hiện niêm yết cổ phiếu

- Nâng cao tính minh bạch, hiệu quả quản trị công ty do yêu cầu về minh bạch hóa thông tin đối với các công ty niêm yết được quy định và giám sát chặt chẽ hơn bởi UBCK và các Sở GDCK, các nhà đầu tư.
- Các đánh giá từ phía thị trường, nhà đầu tư tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sẽ tích cực hơn
- Hấp dẫn các nhà đầu tư thông qua việc được sử dụng các đòn bẩy tài chính (công cụ margin hoặc sản phẩm tài chính của các công ty chứng khoán) để đầu tư

- Biên độ giao dịch bớt rủi ro hơn: Biên độ giao dịch của cổ phiếu niêm yết thấp hơn 1,5 – 2 lần so với biên độ giao dịch tại Upcom (HNX:  $\pm 10\%$ , HSX:  $\pm 7\%$ , Upcom:  $\pm 15\%$ )

- Các yếu tố này có thể giúp tăng thanh khoản và đưa cổ phiếu về vùng giá giao dịch tốt hơn.

### **III. Đề xuất**

Dựa trên tình hình thực tế và đánh giá các thuận lợi đối với công ty từ việc niêm yết, để đem lại lợi ích tối đa cho cổ đông, công ty đồng thời thu hút các nguồn vốn và sự tham gia của các nhà đầu tư, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua việc niêm yết cổ phiếu BSR trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) trong năm 2020 hoặc niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) khi đủ điều kiện.
2. Thông qua việc ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị quyết định:
  - a. Thời điểm niêm yết chứng khoán;
  - b. Lựa chọn Sở Giao dịch chứng khoán để thực hiện niêm yết cổ phiếu trên cơ sở đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết theo quy định của pháp luật;
  - c. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo yêu cầu của Sở Giao dịch chứng khoán để phù hợp với quy định của pháp luật khi niêm yết cổ phiếu (nếu có);
  - d. Quyết định các vấn đề khác mà pháp luật quy định và/hoặc cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, kể cả việc thực hiện và tiến hành các thủ tục, ký hồ sơ liên quan theo quy định của pháp luật để hoàn tất việc niêm yết cổ phiếu BSR.
3. Nghị quyết và nội dung ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông nêu tại điểm 1 và điểm 2 trên là không có thời hạn cho đến khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác thay thế.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Người Phụ trách quản trị Công ty;
- Thư ký Công ty;
- Website BSR;
- Lưu: VT, VPHĐQT, binhvt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Số: ....NQ-BSR

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**  
**Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/04/2019;
- Căn cứ Quy chế quản trị Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/04/2019;
- Căn cứ Biên bản họp số: ..../BB-BSR và kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn thông qua các nội dung tại cuộc họp thường niên ngày 26/05/2020.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua các báo cáo, tờ trình với các nội dung cụ thể như sau:

1.1. Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 với các chỉ tiêu chính:

a. Thực hiện năm 2019:

Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2019		
			Kế hoạch ĐHĐCĐ giao tại NQ 1312/NQ-BSR	Thực hiện	So sánh
			(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu sản lượng</b>				
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	6.456.968	6.941.440	107,5%
2	Sản lượng tiêu thụ		6.456.968	6.994.597	108,3%
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)</b>				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	97.979	103.429	105,6%
2	Nộp NSNN		9.210	10.321	112,1%
3	Lợi nhuận trước thuế		3.103	3.054	98,4%
4	Lợi nhuận sau thuế		2.939	2.873	97,8%

<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ</b>				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	97.783	103.330	105,7%
2	Nộp NSNN		9.202	10.311	112,1%
3	Lợi nhuận trước thuế		3.263	3.088	94,6%
4	Lợi nhuận sau thuế		3.100	2.912	93,9%

**b. Kế hoạch năm 2019 điều chỉnh:**

**+ Kế hoạch tài chính toàn Công ty (Hợp nhất):**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2019 đã chấp thuận	KH năm 2019 điều chỉnh
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.103,1	1.238,2
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.938,8	1.165,1

**+ Kế hoạch tài chính Công ty Mẹ:**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2019 đã phê duyệt	KH năm 2019 điều chỉnh
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	34.604,0	32.395,9
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.263,2	1.389,9
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.100,0	1.318,8
4	Tỷ lệ chia cổ tức/ Vốn điều lệ	%	7,0	0,0
5	Chia cổ tức	Tỷ đồng	2.170,4	0,0

**+ Kế hoạch vốn đầu tư của Công ty Mẹ**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2019 đã phê duyệt	KH năm 2019 điều chỉnh
<b>1</b>	<b>Tổng nhu cầu vốn đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>917,52</b>	<b>340,7</b>
a	Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	614,87	232,0
b	Mua sắm TTB & TSCĐ	Tỷ đồng	302,65	108,7
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>917,52</b>	<b>340,7</b>
a	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	917,52	340,7
b	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-	-

1.2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị (chi tiết như tài liệu kèm theo).

1.3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2019 và Kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát (chi tiết như tài liệu kèm theo).

1.4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2020.

Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau đây thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG.

1.5. Thông qua Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2019 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2020 của HĐQT, BKS với nội dung chính như sau:

- Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 (trước thuế): 8.113.800.000 đồng.
- Kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2020: 8.500.400.000 đồng.

Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT, BKS sẽ được thực hiện và điều chỉnh tùy thuộc vào số lượng thành viên chuyên trách, không chuyên trách và kết quả hoạt động SXKD của Công ty phù hợp với quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

1.6. Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

1.7. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2019 như sau:

Stt	Khoản mục	Giá trị (đồng)
<b>I</b>	<b>Tổng LNST chưa phân phối</b>	<b>3.098.575.056.787</b>
	Trong đó:	
	- LNST chưa phân phối năm 2018 chuyển sang sau khi trích quỹ theo NQ 1312	186.153.660.704
	- LNST năm 2019	2.912.421.396.083
1	Quỹ Đầu tư phát triển	-
2	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	127.304.200.000
	Trong đó:	
	- Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi người lao động (03 tháng lương bình quân của NLĐ)	125.336.500.000
	- Quỹ Thưởng người quản lý (1,5 tháng lương bình quân của người quản lý)	1.967.700.000
3	Bổ sung quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động	125.336.500.000
<b>II</b>	<b>LNST chưa phân phối năm 2019 chuyển sang năm 2020</b>	<b>2.845.934.356.787</b>

1.8. Thông qua các sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (chi tiết như tài liệu đính kèm).

1.9. Thông qua việc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn niêm yết chứng khoán, cụ thể như sau:

- Thông qua việc thực hiện đăng ký niêm yết cổ phiếu BSR trên Sở giao dịch chứng khoán khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tương ứng tại mỗi Sở Giao dịch chứng khoán.
- Ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị quyết định:
  - Thời điểm niêm yết chứng khoán;
  - Lựa chọn Sở Giao dịch chứng khoán để thực hiện niêm yết cổ phiếu trên cơ sở đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết theo quy định của pháp luật;
  - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo yêu cầu của Sở Giao dịch chứng khoán để phù hợp với quy định của pháp luật khi niêm yết cổ phiếu (nếu có);
  - Quyết định các vấn đề khác mà pháp luật quy định và/hoặc cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, kể cả việc thực hiện và tiến hành các thủ tục, ký hồ sơ liên quan theo quy định của pháp luật để hoàn tất việc niêm yết cổ phiếu BSR
- Thông qua ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị liên quan đến việc niêm yết cổ phiếu là không có thời hạn cho đến khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác thay thế.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Tất cả các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Trưởng các ban, đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu VT, VPHĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Nguyễn Văn Hội**